

CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của cơ sở

**“NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐỒ GỖ GIA DỤNG CỦA
CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM) ,
CÔNG SUẤT 2.000.000 SẢN PHẨM/NĂM”**

Bình Dương, tháng 11 năm 2022

CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của cơ sở

**“NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐỒ GỖ GIA DỤNG CỦA
CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM),
CÔNG SUẤT 2.000.000 SẢN PHẨM/NĂM”**



CHỦ CƠ SỞ
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
HSIEH, FA KUANG

Bình Dương, tháng 11 năm 2022

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG	iv
DANH MỤC CÁC HÌNH	v
Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1.1. Tên chủ cơ sở:	1
1.2. Tên cơ sở:	1
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	3
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	3
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:	3
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở:	5
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:	5
1.4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng tại dự án	5
1.4.2. Nguồn cung cấp điện và điện năng tiêu thụ tại dự án	6
1.4.3. Nguồn cung cấp nước và nhu cầu sử dụng nước tại dự án	6
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở (nếu có):	7
Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	12
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):	12
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):	13
Chương III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	15
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	15
3.1.1 Thu gom, thoát nước mưa	15
3.1.2 Thu gom, thoát nước thải	15
3.1.3 Xử lý nước thải	18
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	25
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	28
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	31
3.5. Công trình biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	33
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	34

3.7. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác	36
3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	46
Chương IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	47
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:.....	47
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:.....	50
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:.....	54
4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường	55
4.5. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường	57
Chương V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	59
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	59
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí xung quanh.....	61
Chương VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	63
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.....	63
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:.....	63
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	63
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.	65
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:.....	65
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:	66
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	66
Chương VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	67
Chương VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	68
PHỤ LỤC BÁO CÁO	69
Phụ lục 1: Các giấy tờ pháp lý liên quan đến cơ sở	69
Phụ lục 2: Các sơ đồ, bản vẽ, biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình BVMT	69
Phụ lục 3: Sơ đồ vị trí lấy mẫu và các kết quả quan trắc môi trường	69

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD	: Nhu cầu oxy sinh hóa
BTCT	: Bê tông cốt thép
BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	: Bảo vệ Môi trường
BYT	: Bộ y tế
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
COD	: Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTR	: Chất thải rắn
HTXL	: Hệ thống xử lý
HTXLNT	: Hệ thống xử lý nước thải
KCN	: Khu công nghiệp
ĐKC	: Điều kiện tiêu chuẩn
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
SS	: Chất rắn lơ lửng
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TCVSLĐ	: Tiêu chuẩn vệ sinh lao động
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
WHO	: Tổ chức Y tế Thế giới

Chủ cơ sở, Chủ đầu tư, Công ty, Cơ sở là Công ty TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM).

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. 1. Công suất sản xuất tại cơ sở.....	3
Bảng 1. 2. Danh mục các dòng sản phẩm của cơ sở	5
Bảng 1. 3. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu và hóa chất của Công ty.....	5
Bảng 1. 4. Nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở	6
Bảng 1. 5. Tổng hợp nhu cầu dùng nước của cơ sở	7
Bảng 1. 6. Danh mục các hạng mục công trình đã xây dựng xong tại Cơ sở	7
Bảng 1. 7. Danh mục máy móc, thiết bị của Công ty.....	8
Bảng 3. 1. Thông số kỹ thuật của hệ thống	26
Bảng 3. 2. Khối lượng chất thải rắn không nguy hại phát sinh tại cơ sở	29
Bảng 3. 3. Thông số kỹ thuật cơ bản của khu vực lưu trữ CTR thông thường	30
Bảng 3. 4. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở ..	31
Bảng 3. 5. Thông số kỹ thuật cơ bản của khu vực lưu trữ CTNH.....	33
Bảng 3. 6. Trách nhiệm và các bước ứng phó sự cố cháy nổ.....	37
Bảng 3. 7. Các bước ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất dạng lỏng	41
Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm trong nước thải và giới hạn tiếp nhận của khu vực	48
Bảng 4. 2. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên.....	55
Bảng 4. 3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường	56
Bảng 4. 4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thường xuyên.....	56
Bảng 5. 1. Thống kê vị trí điểm quan trắc nước thải.....	59
Bảng 5. 2. Danh mục thông số quan trắc nước thải	60
Bảng 5. 3. Kết quả quan trắc nước thải sau hệ thống xử lý nước thải.....	60
Bảng 5. 4. Thống kê vị trí điểm quan trắc môi trường không khí xung quanh	61
Bảng 5. 5. Danh mục thông số quan trắc khí thải	61
Bảng 5. 6. Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh	62
Bảng 6. 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của cơ sở...63	
Bảng 6. 2. Dự kiến kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý chất thải.	63
Bảng 6. 3. Tổng hợp chương trình quan trắc môi trường định kỳ của cơ sở	65
Bảng 6. 4. Kinh phí quan trắc môi trường của cơ sở.....	66

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1. 1. Sơ đồ công nghệ sản xuất của Công ty.....	4
Hình 3. 1. Sơ đồ minh họa hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở	15
Hình 3. 2. Sơ đồ quản lý các nguồn nước thải của Công ty	17
Hình 3. 3. Sơ đồ vị trí khu vực xả nước thải	18
Hình 3. 4. Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung tại công ty	19
Hình 3. 5. Sơ đồ ứng phó sự cố cháy nổ	37
Hình 3. 6. Sơ đồ ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất dạng lỏng.....	41

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở:

CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)

- **Địa chỉ văn phòng:** xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương .
- **Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở:** Ông Wang Chen Yuan, sinh ngày 31/10/1977. Quốc tịch: Trung Quốc; số hộ chiếu: 211916602 cấp ngày: 12/01/2005 tại Bộ Ngoại Giao Đài Loan; Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- **Điện thoại:** 02743.566.511-513, Fax: 02743.566.864.
- **Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư**, mã số cơ sở 461043000618 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương chứng nhận lần đầu ngày 01/03/2010 và chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 20/06/2014.
- **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp** Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 3700460713, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 01/03/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 11/09/2017.

1.2. Tên cơ sở:

“NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐỒ GỖ GIA DỤNG CỦA CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM) , CÔNG SUẤT 2.000.000 SẢN PHẨM/NĂM”.

- **Địa điểm cơ sở:** xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương .
- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt cơ sở:
 - + Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2006 về việc chấp thuận thiết kế kỹ thuật và xây dựng công trình xưởng sản xuất các loại ván trang trí và đồ gỗ văn phòng (giai đoạn 3) của Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp.
 - + Giấy phép xây dựng số 2080/GPXD ngày 08 tháng 10 năm 2007 do Sở xây dựng - Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp .
 - + Giấy phép xây dựng số 2135/GPXD ngày 18 tháng 09 năm 2009 do Sở xây dựng - Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp.

- + Giấy phép xây dựng số 163/GPXD ngày 29 tháng 01 năm 2010 do Sở xây dựng - Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp .
- + Giấy phép xây dựng số 1981/GPXD-SXD ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Sở xây dựng - Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp.
- + Giấy phép xây dựng số 2349/GPXD ngày 10 tháng 08 năm 2017 do Sở xây dựng - Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp.
- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:
 - + Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 42/KHCNMT ngày 13/03/2003 do Sở Khoa học – Công nghệ và môi trường tỉnh Bình Dương cấp.
 - + Quyết định số 103/QĐ-STNMT ngày 02/02/2010 của Sở tài nguyên môi trường về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường của “Nhà xưởng sản xuất đồ gỗ gia dụng của Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam), công suất 2.000.000 sản phẩm/năm”.
 - + Công văn số 3563/STNMT-CCBVMT ngày 29 tháng 10 năm 2014 về việc giãn xưởng sản xuất và mở rộng kho chứa nguyên liệu của Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) do Sở tài nguyên và môi trường – UBND tỉnh Bình Dương cấp.
 - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CT00239 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 03 tháng 06 năm 2011.
 - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 464, tờ bản đồ số 34, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CT10440 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 02 tháng 06 năm 2015.
 - + Giấy xác nhận nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy số 64/PCCC ngày 18/02/2008 của Công an tỉnh Bình Dương – Bộ công an cấp.
 - + Giấy xác nhận nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy số 173/PCCC ngày 04/08/2010 của Phòng cảnh sát PC&CC – Công an tỉnh Bình Dương cấp.
 - + Giấy xác nhận nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy số 52/PCCC&CNCH ngày 04/03/2011 của Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương - Bộ công an cấp.

- + Giấy xác nhận nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy số 135/CSPC&CC – P2 ngày 21/05/2015 của Phòng cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Bình Dương cấp.

- Cơ quan cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường: **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.**

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Tổng vốn đầu tư của dự án 3.900.000 (ba triệu chín trăm ngàn) đô la Mỹ, thuộc nhóm B theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công (Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 4 Điều 9 – dự án có tổng mức đầu tư từ 60 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng thuộc lĩnh vực công nghiệp), thuộc mục số 2 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

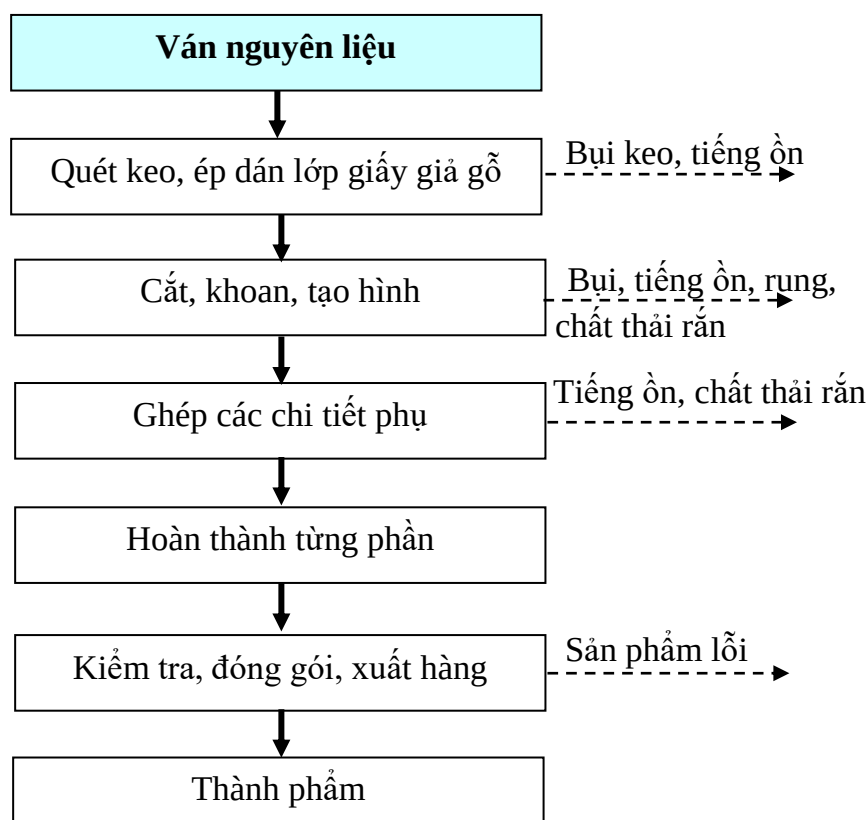
Bảng 1. 1. Công suất sản xuất tại cơ sở

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng/năm	
			Theo Đề án BVMT (công suất tối đa)	Theo thực tế hiện tại
1	Bàn	Sản phẩm/năm	80.000	80.000
2	Tủ		50.000	50.000
3	Kệ		1.650.000	1.650.000
4	Ván mặt bàn, tủ, cửa		190.000	190.000
5	Ván MDF dán giấy		30.000	30.000
Tổng			2.000.000	2.000.000

(Nguồn: Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam), 2022)

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Quy trình sản xuất



Hình 1. 1. Sơ đồ công nghệ sản xuất của Công ty

Diễn giải nguyên lý hoạt động:

Quá trình sản xuất của công ty được thực hiện trên dây chuyền máy móc thiết bị đồng bộ và có thể mô tả như sau:

Nguyên liệu ban đầu là ván các loại (ván MDF, MFC,...) được nhập khẩu về công ty từ nước ngoài hoặc Việt Nam, sau đó vận chuyển bằng xe tải về công ty lưu trữ, bảo quản trong kho riêng biệt.

Các tấm ván sẽ được đưa qua khâu dán giấy giả gỗ, các tấm ván cho chạy qua máy dán keo, sau đó giấy giả gỗ sẽ được ép lên trên bề mặt các tấm ván nhờ các máy ép. Các tấm ván sẽ lần lượt được ép hai mặt của tấm ván.

Ngoài ra, trong nhà máy còn sử dụng súng bắn keo và súng phun keo để dán giấy giả gỗ đối với các chi tiết phức tạp. Trên cơ sở các mẫu sản phẩm được thiết kế, ván sau khi được ép giấy lên bên mặt sẽ đưa qua phân xưởng chuẩn bị nguyên liệu để tiến hành sản xuất, tại đây nguyên liệu là ván các loại sẽ được đưa qua các máy cưa và máy cắt để cắt, xẻ theo kích thước vẽ sẵn để tạo thành các chi tiết thô cho sản phẩm. Các chi tiết thô được đưa qua các máy tạo hình để tạo hình sản phẩm như tạo mộng, tạo rãnh âm dương... Sau đó, chuyển qua công đoạn bào, chà nhám các góc cạnh của các bán sản phẩm trên các máy chuyên dụng để tạo độ phẳng, láng và độ chuẩn cho sản

phẩm. Tiếp theo là công đoạn khoan, đục lỗ các bán sản phẩm bằng các máy khoan để cố định các chi tiết trong quá trình lắp ráp.

Trong nhà máy của công ty không lắp ráp thành các sản phẩm hoàn chỉnh như tủ, bàn, ghế,... mà chỉ sản xuất từng bộ phận chi tiết nên công đoạn kế tiếp là công đoạn lắp ráp các chi tiết phụ lại với nhau như gắn bản lề, tay nắm,... để hoàn thành từng bộ phận của các sản phẩm.

Sau khi kiểm tra chất lượng, sản phẩm hoàn tất được đóng gói bằng máy đóng gói tự động và các vật liệu đóng gói rồi lưu kho chờ xuất xưởng.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Sản phẩm của cơ sở được trình bày theo bảng sau:

Bảng 1. 2. Danh mục các dòng sản phẩm của cơ sở

STT	Tên sản phẩm	Số lượng/năm	
		Theo Đề án BVMT (công suất tối đa)	Theo báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường
1	Bàn	80.000	80.000
2	Tủ	50.000	50.000
3	Kệ	1.650.000	1.650.000
4	Ván mặt bàn, tủ, cửa	190.000	190.000
5	Ván MDF dán giấy	30.000	30.000
Tổng		2.000.000	2.000.000

(Nguồn: Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam), 2022)

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

1.4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng tại dự án

Nhu cầu nguyên, nhiên liệu và hóa chất sử dụng của Công ty được thể hiện theo bảng sau:

Bảng 1. 3. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu và hóa chất của Công ty

STT	Tên nguyên liệu/ hoá chất	Đơn vị tính	Lượng tiêu thụ
I	Nguyên liệu phục vụ cho quá trình sản xuất		
1	Ván các loại	m ³ /năm	24.000
2	Giấy cuộn	Kg/năm	7.200
3	Bản lề	Cái/năm	1.020.000
4	Tay nắm	Cái/năm	360.000
5	Keo sữa PVAs	Tấn/năm	36.480

STT	Tên nguyên liệu/ hoá chất	Đơn vị tính	Lượng tiêu thụ
6	Dầu DO	Lít/năm	25.200
II	Nguyên liệu phục vụ cho Hệ thống xử lý nước thải		
7	NaOH	Tấn/năm	0,9
8	PAC	Tấn/năm	1,5
9	Polyme	Tấn/năm	0,0048
10	Clorin	Tấn/năm	0,06

(Nguồn: Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam), 2022)

1.4.2. Nguồn cung cấp điện và điện năng tiêu thụ tại dự án

Nguồn điện cung cấp cho nhà máy là tuyến trung thế 20KV của lưới điện quốc gia thông qua trạm biến thế 110/20KV đặt tại thị xã Bến Cát. Hiện nay đã có các đường dây cao thế và trung thế chạy dọc theo các đường giao thông đưa điện từ trạm biến thế đến các nhà máy. Do đó, nhà máy nằm trong khu vực có hệ thống cung cấp điện rất thuận lợi. Sau đó, điện được cấp cho các khu vực có nhu cầu sử dụng. Ngoài ra, để đảm bảo cung cấp đủ nguồn điện cho hoạt động của toàn nhà máy khi có sự cố mất điện xảy ra, công ty trang bị 2 máy phát điện với công suất 461kW, 565kW.

Bảng 1. 4. Nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở

Hạng mục	Hiện hữu
Nhu cầu sử dụng điện năng tại nhà máy (KWh/tháng)	210.133

(Nguồn: Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam), 2022)

Ghi chú: nhu cầu điện năng hiện hữu được tính trung bình theo tháng, căn cứ vào số hóa đơn tiền điện 3 tháng gần nhất của Cơ sở.

1.4.3. Nguồn cung cấp nước và nhu cầu sử dụng nước tại dự án

Hiện tại, khu vực này chưa có hệ thống nước cấp chung cho toàn khu vực, nên công ty sử dụng nước ngầm. Hiện tại, công ty đã làm thủ tục xin phép khai thác sử dụng nước dưới đất. Lượng nước sử dụng hằng ngày phục vụ cho các hoạt động trong nhà máy khoảng 50m³/ngày.đêm.

Nước dùng cho nhà máy chủ yếu phục vụ cho các hoạt động như nước sinh hoạt, nước dùng vận hành hệ thống xử lý nước thải, nước PCCC, nước tưới cây,...

Bảng 1. 5. Tổng hợp nhu cầu dùng nước của cơ sở

STT	Mục đích sử dụng	Tiêu chuẩn sử dụng	Theo Đề án BVMT (m ³ /ngày)	Theo báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường (m ³ /ngày)
1.	Nước cho hoạt động sinh hoạt (vệ sinh, rửa tay)	45 lit/người.ngày	18	18
2.	Nước cho căn tin (có tổ chức nấu ăn)	20lit/người/ngày (TCVN 4513-1988)	6	6
3.	Nước cấp từ 2 buồng phun keo dán gỗ	3m ³ /buồng	6	6
4.	Nước tưới cây xanh (2 ngày/lần tưới) - 9.758,06 m ²	3lit/m ² /ngày(QCVN 01:2021/BXD)	14,64	14,64
Tổng cộng			44,64	44,64

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở (nếu có):

1.5.1. Các hạng mục chính của cơ sở

Bảng 1. 6. Danh mục các hạng mục công trình đã xây dựng xong tại Cơ sở

Stt	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1.	Nhà xưởng 1	4.536	9,30
2.	Nhà kỹ thuật – Giáp xưởng 1	120	0,25
3.	Khu hút bụi	176	0,36
4.	Nhà văn phòng 1	360	0,74
5.	Nhà ăn công nhân	336	0,69
6.	Nhà bảo vệ	39,98	0,08
7.	Nhà xưởng 2	5.200	10,66
8.	Nhà xưởng - kho 4	3.120	6,39
9.	Mái che đầu xưởng	600	1,23
10.	Nhà xưởng 3	4.320	8,85

Stt	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
11.	Nhà văn phòng 2	608,2	1,25
12.	Nhà xưởng – kho 3	2.268	4,65
13.	Nhà xưởng + kho 1	2.856	5,85
14.	Mái che bãi container	216	0,44
15.	Nhà xưởng + kho 2	2.520	5,16
16.	Nhà bảo vệ + vệ sinh	17,8	0,04
17.	Bể tự thấm	400	0,82
18.	Hệ thống xử lý nước thải	100	0,20
19.	Khu vực chứa chất thải	25	0,05
20.	Hành lang, đường bộ, sân bãi	11.213,26	22,98
21.	Diện tích cây xanh	9.758,06	20
	TỔNG DIỆN TÍCH	48.790,3	100

1.5.2. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở:

Bảng 1. 7. Danh mục máy móc, thiết bị của Công ty

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Công suất (kW)	Công đoạn	Hiện trạng (%)
1.	Máy cắt phôi Taichan	02	Taiwan	2016	18,5	Cắt phôi	95
2.	Máy cắt phôi Chamfont	04	Taiwan	2008	26	Cắt phôi	85
3.	Máy cắt phôi KDT	01	Trung Quốc	2019	28	Cắt phôi	95
4.	Máy dán cạnh tự động KDT	06	Trung Quốc	2019	10,6	Dán cạnh	98
5.	Máy dán cạnh tự động KDT	02	Trung Quốc	2016	11,2	Dán cạnh	95
6.	Máy dán cạnh tự động KDT	01	Trung Quốc	2018	10,4	Dán cạnh	98
7.	Máy dán cạnh tự động KDT	01	Trung Quốc	2018	12,62	Dán cạnh	98
8.	Máy dán cạnh tự động KDT	03	Taiwan	2020	10,89	Dán cạnh	99
9.	Bo dán cạnh tự động	01	Taiwan	2010	14	Bo dán cạnh	85

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Công suất (kW)	Công đoạn	Hiện trạng (%)
	Wellan						
10.	Máy móc rãnh	02	Taiwan	2019	9	Móc rãnh	98
11.	Băng chuyền lăn ván	04	Trung Quốc	2019	6	Lăn ván	98
12.	Băng chuyền lăn ván	04	Trung Quốc	2019	4	Lăn ván	98
13.	Băng chuyền lăn ván	02	Trung Quốc	2018	1,5	Lăn ván	98
14.	Máy khoan tự động KDT	03	Trung Quốc	2019	26,5	Khoan	98
15.	Máy khoan tự động KDT	01	Trung Quốc	2017	26,5	Khoan	95
16.	Máy khoan tự động KDT	01	Trung Quốc	2018	23,6	Khoan	95
17.	Máy gấp ván tự động KDT	02	Trung Quốc	2019	8	Gấp ván	98
18.	Máy gấp ván tự động KDT	02	Trung Quốc	2018	8,1	Gấp ván	98
19.	Khoan CNC	06	Trung Quốc	2021	25,85	Khoan	99
20.	Khoan wellan	01	Taiwan	2011	20	Khoan	85
21.	Khoan wellan	01	Taiwan	2014	17	Khoan	85
22.	Khoan wellan	01	Taiwan	2011	17	Khoan	85
23.	Khoan ngăn kéo	01	Trung Quốc	2014	9,5	Khoan	85
24.	Khoan ngăn kéo	01	Trung Quốc	2016	10,2	Khoan	90
25.	Máy đóng chốt	01	Trung Quốc	2019	4	Khoan	98
26.	Máy khoan đứng	07	Taiwan	2010	1,5	Khoan	85
27.	Máy cắt phôi Taichan	02	Taiwan	2010	18,5	Cắt phôi	85
28.	Máy cắt phôi Taichan	02	Taiwan	2003	10	Cắt phôi	85
29.	Máy cắt phôi Taichan	01	Taiwan	2016	18,5	Cắt phôi	95
30.	Máy cắt phôi Taichan	01	Taiwan	2007	10	Cắt phôi	85
31.	Máy cắt khung	01	Taiwan	2010	37	Xẻ khung	85
32.	Máy dán giấy	01	Taiwan	2010	10	Dán giấy	85

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Công suất (kW)	Công đoạn	Hiện trạng (%)
33.	Máy dán giấy	01	Taiwan	2003	10	Dán giấy	80
34.	Máy cắt góc	01	Trung Quốc	2017	3,7	Cắt góc	90
35.	Máy cắt rãnh	01	Taiwan	2015	4,5	Cắt rãnh	85
36.	Máy bo tạt	01	Taiwan	2006	15	Bo tạt	85
37.	Máy bo tạt	01	Taiwan	2017	15	Bo tạt	100
38.	Máy ép khung	03	Japan	2019	5,5	Làm khung	95
39.	Máy lăn keo	01	Taiwan	2019	2,2	Lăn keo	95
40.	Máy lăn keo	03	Taiwan	2002	0,75	Lăn keo	80
41.	Máy ép ván	02	Taiwan	2008	3,75	Ép ván	85
42.	Máy ép ván	06	Taiwan	2008	0,75	Ép ván	85
43.	Máy chặt giấy	01	Trung Quốc	2016	2,2	Chặt giấy	90
44.	Máy cắt dọc	03	Taiwan	2007	36	Cắt dọc	85
45.	Máy cắt dọc	01	Trung Quốc	2020	17,2	Cắt dọc	95
46.	Máy cắt ngang	03	Trung Quốc	2020	17,2	Cắt ngang	95
47.	Máy cắt ngang	01	Taiwan	2007	36	Cắt ngang	85
48.	Máy dán cạnh tự động wellan	04	Taiwan	2009	8	Dán cạnh	85
49.	Máy gấp ván tự động	04	Trung Quốc	2020	8,1	Gấp ván	95
50.	Máy dán cạnh 2 mặt tự động	02	Trung Quốc	2020	36,94	Dán cạnh	95
51.	Máy dán cạnh tự động KTD	01	Trung Quốc	2018	10,4	Dán cạnh	95
52.	Máy dán cạnh tự động KTD	01	Trung Quốc	2018	12,62	Dán cạnh	95
53.	Máy dán cạnh tự động KTD	02	Trung Quốc	2022	11,2	Dán cạnh	99
54.	Máy bo CNC	02	Trung Quốc	2017	11,5	Bo ván	90
55.	Máy khoan CNC	02	Trung Quốc	2017	20	Khoan	90
56.	Máy khoan CNC	01	Ý	2014	15	Khoan	85
57.	Máy móc rãnh F-O8	02	Trung Quốc	2008	6	Móc rãnh	80

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Công suất (kW)	Công đoạn	Hiện trạng (%)
58.	Máy khoan tự động KTD	02	Trung Quốc	2020	26,5	Khoan	95
59.	Máy khoan tự động Wellan	04	Taiwan	2008	16	Khoan	80
60.	Máy khoan bàn đứng	06	Taiwan	2007	7,5	Khoan	80
61.	Máy ngăn kéo	02	Trung Quốc	2016	10,2	Khoan	85
62.	Máy khoan 6 đầu	01	Taiwan	2014	9	Khoan	85
63.	Máy ép bọc	02	Trung Quốc	2020	1	Ép bọc	95
64.	Máy ép bọc	01	Trung Quốc	2020	1,75	Ép bọc	95
65.	Máy ép bọc	03	Taiwan	2020	1	Ép bọc	95
66.	Máy cắt PVC	01	Taiwan	2021	11,2	Cắt PVC	98
67.	Máy hơi Sulair 50HP	02	USA	2007	37,5	Tạo khí	80
68.	Máy hơi Sulair 100HP	01	Trung Quốc	2013	75	Tạo khí	85
69.	Máy hơi Sulair 100HP	01	Trung Quốc	2017	75	Tạo khí	85
70.	Máy hơi Fusheng	02	Việt Nam	2002	37,5	Tạo khí	80
71.	Máy hơi Hitachi	01	Japan	2020	37,5	Tạo khí	95
72.	Máy phát điện	01	Taiwan	2017	461	Phát điện	95
73.	Máy phát điện	01	Taiwan	2017	565	Phát điện	95

(Nguồn: Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam), 2022)

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

Trong những năm qua, tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương đã có những bước phát triển vượt bậc và có nhiều thay đổi đáng kể. Có được những thành tựu như vậy là nhờ các yếu tố thuận lợi: chính sách phát triển của Đảng và Nhà nước, của tỉnh, sự đồng thuận của nhân dân,... Cùng với sự phát triển của tỉnh, thị xã Bến Cát cũng có nhiều chính sách ưu đãi mời gọi đầu tư và đã thu hút rất nhiều các doanh nghiệp về đây đầu tư, nhiều cơ sở lớn đã và đang được ký kết, triển khai mở ra nhiều tiềm năng to lớn, góp phần cho sự phát triển chung của tỉnh. Khu vực thực hiện cơ sở là địa phương nằm trong vùng phát triển kinh tế trọng điểm phía Nam có vị trí thuận lợi về giao thông, là nơi trung chuyển hàng hoá giữa các tỉnh đồng bằng Nam bộ với các tỉnh miền Đông và Tây Nguyên. Do đó, việc triển khai cơ sở không chỉ giúp doanh nghiệp tăng doanh thu mà còn hỗ trợ nền kinh tế của địa phương.

Cơ sở tọa lạc tại xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương với ngành nghề hoạt động là sản xuất đồ gỗ gia dụng với quy mô hoạt động là 2.000.000 sản phẩm/năm, đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số cơ sở: 461043000618, chứng nhận lần đầu ngày 01/03/2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 20/6/2014.

- Về Quy hoạch sử dụng đất: Cơ sở hoàn toàn phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Bình Dương đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 11/06/2014.

- Theo Quy hoạch phân khu chức năng của xã An Điền thì vị trí đầu tư thuộc quy hoạch đất sản xuất kinh doanh.

- Về môi trường: Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) đã lập Đề án BVMT và được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Quyết định số 103/QĐ-STNMT ngày 02/02/2010 về việc phê duyệt Đề án BVMT của “Nhà xưởng sản xuất đồ gỗ gia dụng của Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam), công suất 2.000.000 sản phẩm/năm”.

Như vậy cho thấy việc hình thành Cơ sở là phù hợp với chủ trương thu hút đầu tư phát triển ngành nghề và kinh tế xã hội của tỉnh, tạo công ăn việc làm cho người lao

động trên địa bàn nói riêng và các vùng lân cận nói chung, góp phần vào sự phát triển chung của khu vực.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):

Nguồn tiếp nhận khí thải: Cơ sở được tọa lạc tại xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, khí thải phát sinh phải được thu gom và xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của môi trường theo QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT.

Nguồn tiếp nhận chất thải rắn:

+ Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường (chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của người lao động): Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) đã ký hợp đồng chuyển giao rác sinh hoạt với Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty Cổ phần nước – môi trường Bình Dương, đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (*thực hiện theo hợp đồng số 2002 – RTT/HĐ – KT/21 ký ngày 21/12/2021, thời hạn hợp đồng từ 21/12/2021 đến 20/12/2023*).

+ Đối với chất thải hầm cầu (chất thải phát sinh trong quá trình sinh hoạt của người lao động): Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) đã ký hợp đồng về việc xử lý chất thải hầm cầu của công ty với Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty Cổ phần nước – môi trường Bình Dương, đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (*thực hiện theo hợp đồng số 2002 – CTHC/HĐ – KT/21 ký ngày 21/12/2021, thời hạn hợp đồng từ 21/12/2021 đến 20/12/2023*).

+ Đối với chất thải rắn công nghiệp: Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) đã ký hợp đồng chuyển giao chất thải công nghiệp cho Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty Cổ phần nước – môi trường Bình Dương đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (*thực hiện theo hợp đồng số 2002 – RCN/HĐ – KT/21 ký ngày 21/12/2021, thời hạn hợp đồng từ 21/12/2021 đến 20/12/2023*).

Nguồn tiếp nhận chất thải nguy hại:

+ Đối với chất thải nguy hại: Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định. Công ty đã hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty Cổ phần nước – môi trường Bình Dương đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (*thực hiện theo hợp đồng số 2002 – RCN/HĐ – KT/21 ký ngày 21/12/2021, thời hạn hợp đồng từ 21/12/2021 đến 20/12/2023*).

Nguồn tiếp nhận nước thải:

+ **Đối với nước thải sinh hoạt:**

Nước thải sinh hoạt của công nhân viên tại xưởng 1 và nước thải từ nhà ăn của cơ sở được đầu nối về hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của nhà máy sau đó đưa về bể tự thấm của nhà máy.

Nước thải sinh hoạt của công nhân viên tại xưởng 3 và tại nhà văn phòng của cơ sở sau xử lý sơ bộ qua bể tự hoại được công ty giao cho bên Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty Cổ phần nước – môi trường Bình Dương, đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải hầm cầu phát sinh trong quá trình sinh hoạt theo quy định (*thực hiện theo hợp đồng số 2002 – CTHC/HĐ – KT/21 ký ngày 21/12/2021, thời hạn hợp đồng từ 21/12/2021 đến đến 20/12/2023*).

+ Đối với nước thải sản xuất:

Nước thải sản xuất của cơ sở được đầu nối về hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của nhà máy sau đó đưa về bể tự thấm của nhà máy.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

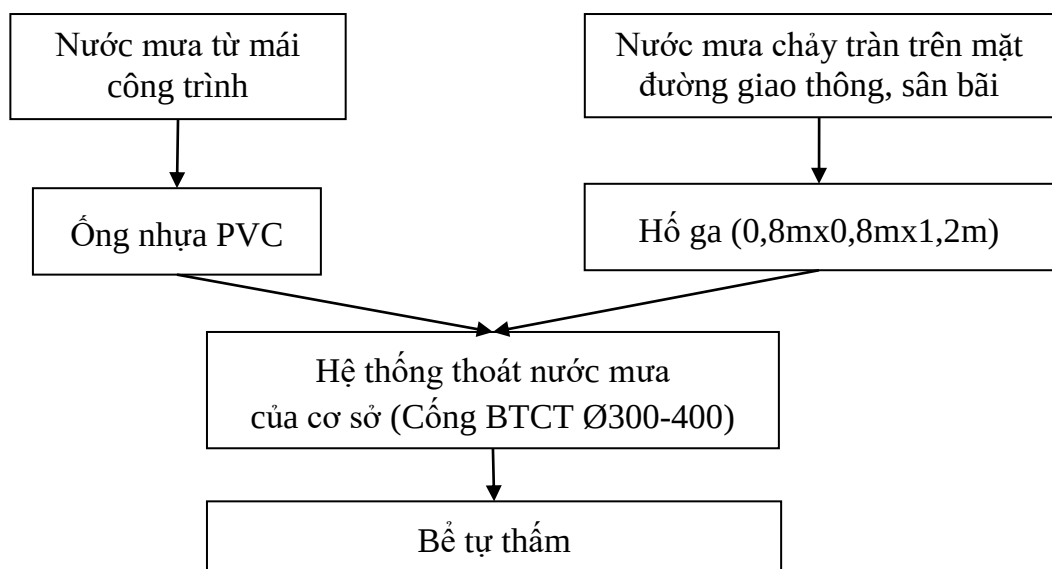
3.1.1 Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở được xây dựng tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Biện pháp thu gom, thoát nước mưa của cơ sở như sau:

- Nước mưa từ mái tôn công trình sẽ được thu gom vào các ống đứng bằng nhựa PVC sau đó được xả ra hệ thống thoát nước mưa của cơ sở.

- Đối với lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt đường giao thông nội bộ, sân bãi sẽ chảy theo phương nghiêng của địa hình và được lọc rác có kích thước lớn bằng các tấm lưới thép hoặc các song chắn rác tại các hố ga trước khi chảy vào hệ thống cống thoát nước mưa của cơ sở. Hệ thống tuyến cống thoát nước mưa cùng hố ga lắng lọc của cơ sở được thiết kế chạy dọc theo tuyến đường bê tông và dọc theo chân công trình. Loại cống sử dụng để thoát nước mưa là cống BTCT Ø300-400mm; kích thước hố ga (800x800x1.200mm); chiều dài tuyến thoát nước mưa là 809,1m.

Toàn bộ lượng nước mưa được thu gom theo hệ thống thoát nước mưa của cơ sở. Vị trí đầu nối nước mưa của cơ sở tại 2 bể tự thấm của cơ sở.



Hình 3. 1. Sơ đồ minh họa hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở

3.1.2 Thu gom, thoát nước thải

a/ Công trình thu gom nước thải:

❖ Đối với nước thải sinh hoạt:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân viên tại xưởng 1 (300 công nhân gồm xưởng 1, xưởng 2, kho) với lưu lượng $13,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn (bể tự hoại với tổng thể tích 20 m^3). Nước thải sau bể tự hoại được dẫn bằng đường ống PVC 200mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy công suất $60 \text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý. Nước thải sau xử lý được đưa về bể tự thấm của công ty.

- Nước thải sinh hoạt của công nhân viên tại xưởng 3 (60 công nhân) với lưu lượng $2,7 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn (bể tự hoại với tổng thể tích 10 m^3). Nước thải sau bể tự hoại được công ty giao cho bên Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty Cổ phần nước – môi trường Bình Dương, đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải hầm cầu phát sinh trong quá trình sinh hoạt theo quy định (thực hiện theo hợp đồng số 2002 – CTHC/HĐ – KT/21 ký ngày 21/12/2021, thời hạn hợp đồng từ 21/12/2021 đến đến 20/12/2023).

- Nước thải sinh hoạt của công nhân viên tại văn phòng (40 nhân viên) với lưu lượng $1,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn (bể tự hoại với tổng thể tích 10 m^3). Nước thải sau bể tự hoại được công ty giao cho bên Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty Cổ phần nước – môi trường Bình Dương, đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải hầm cầu phát sinh trong quá trình sinh hoạt theo quy định (thực hiện theo hợp đồng số 2002 – CTHC/HĐ – KT/21 ký ngày 21/12/2021, thời hạn hợp đồng từ 21/12/2021 đến đến 20/12/2023).

- Nước thải tại khu vực nhà ăn với lưu lượng $6 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được thu gom qua ống nhựa HDPE đường kính D100 về bể tách mỡ (thể tích 6 m^3) để tiền xử lý, qua hồ bơm thu gom, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy công suất $60 \text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý.

Vị trí đầu nối: tại bể tự thấm của công ty.

Đối với nước thải sản xuất:

Tính chất nước thải sản xuất:

Nước thải từ quá trình hấp thụ bụi keo với lưu lượng $6 \text{ m}^3/\text{ngày}$ ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng, COD, BOD, ...được thu gom qua ống PVC đường kính D114, về các hồ thu gom và sau đó bơm qua ống PVC đường kính D60 về hệ thống xử lý nước thải công suất $60 \text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý.

Tổng lượng nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất tại Công ty theo công suất khoảng $30 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Hiện tại, Công ty đã đầu tư 1 HTXLNT tập trung với công suất thiết kế là $60 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Như vậy, với hệ thống xử lý nước thải hiện tại có thể đáp ứng thu gom và xử lý triệt nước thải phát sinh từ công ty trước khi thải ra môi trường.

b/ Công trình thoát nước thải:

Đối với nước thải sinh hoạt: Nước thải sẽ được thu gom bằng ống nhựa ống PVC D60, mỗi hồ thu đều sử dụng bơm sau đó đầu nối về hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của nhà máy .

Đối với nước thải sản xuất: Nước thải sẽ được thu gom bằng ống nhựa ống PVC D60-114, hồ thu sử dụng bơm sau đó đầu nối về hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của nhà máy.

Nước thải sau hệ thống xử lý tập trung sẽ bơm về hồ tự thấm bằng ống PVC D114.

c/ Điểm xả nước thải sau xử lý: bể tự thấm

Điểm xả nước thải sinh hoạt:

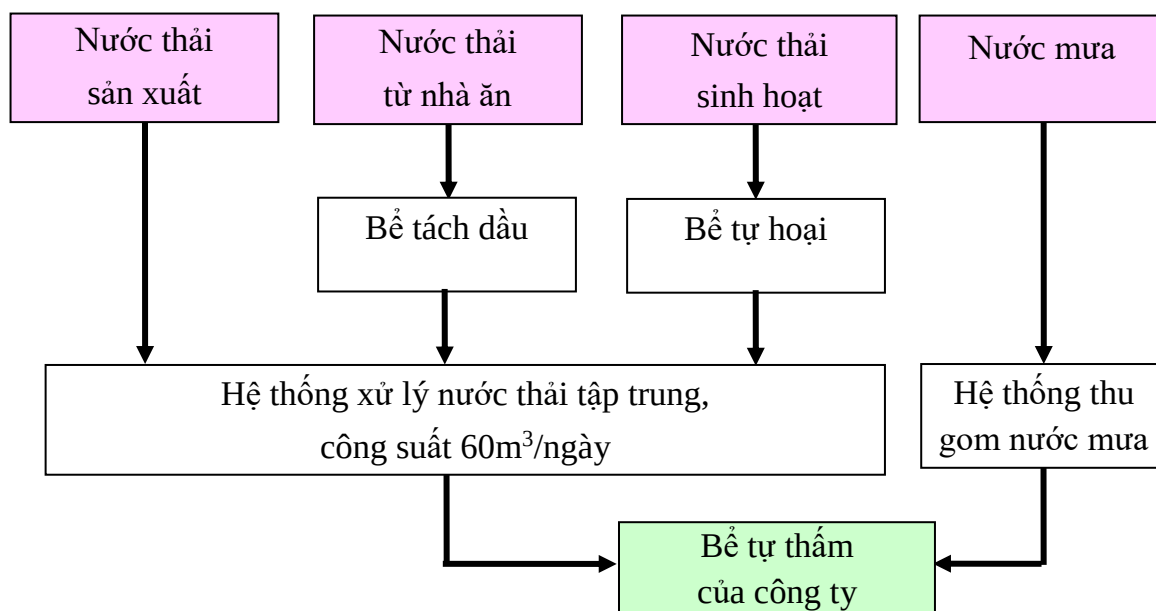
Vị trí đầu nối: tại bể tự thấm của công ty.

Điểm xả nước thải sản xuất:

Vị trí đầu nối: tại bể tự thấm của công ty.

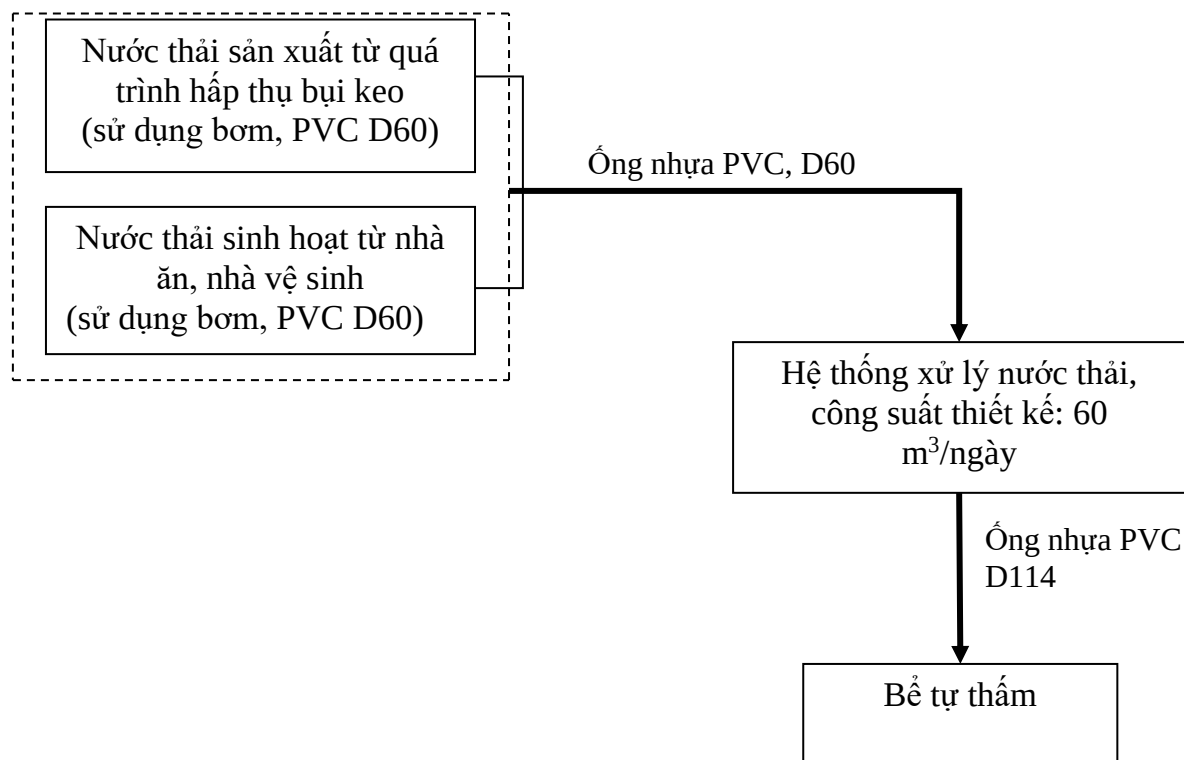
d/ Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải nêu trên:

 **Sơ đồ quản lý các nguồn nước thải phát sinh của Công ty như sau:**



Hình 3. 2. Sơ đồ quản lý các nguồn nước thải của Công ty

 **Sơ đồ vị trí công trình khu vực xả nước thải của Công ty như sau:**



Hình 3. 3. Sơ đồ vị trí khu vực xử nước thải

3.1.3 Xử lý nước thải

a/ Tên đơn vị thiết kế, thi công, giám sát thi công; nhà thầu xây dựng:

- + Tên Công ty: Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật và môi trường Bình Dương.
- + Địa chỉ: số 95, đường DX040, khu phố 5, phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

b/ Chức năng của công trình:

Thu gom và xử lý toàn bộ nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở trước khi đầu nối ra bể tự thấm của công ty.

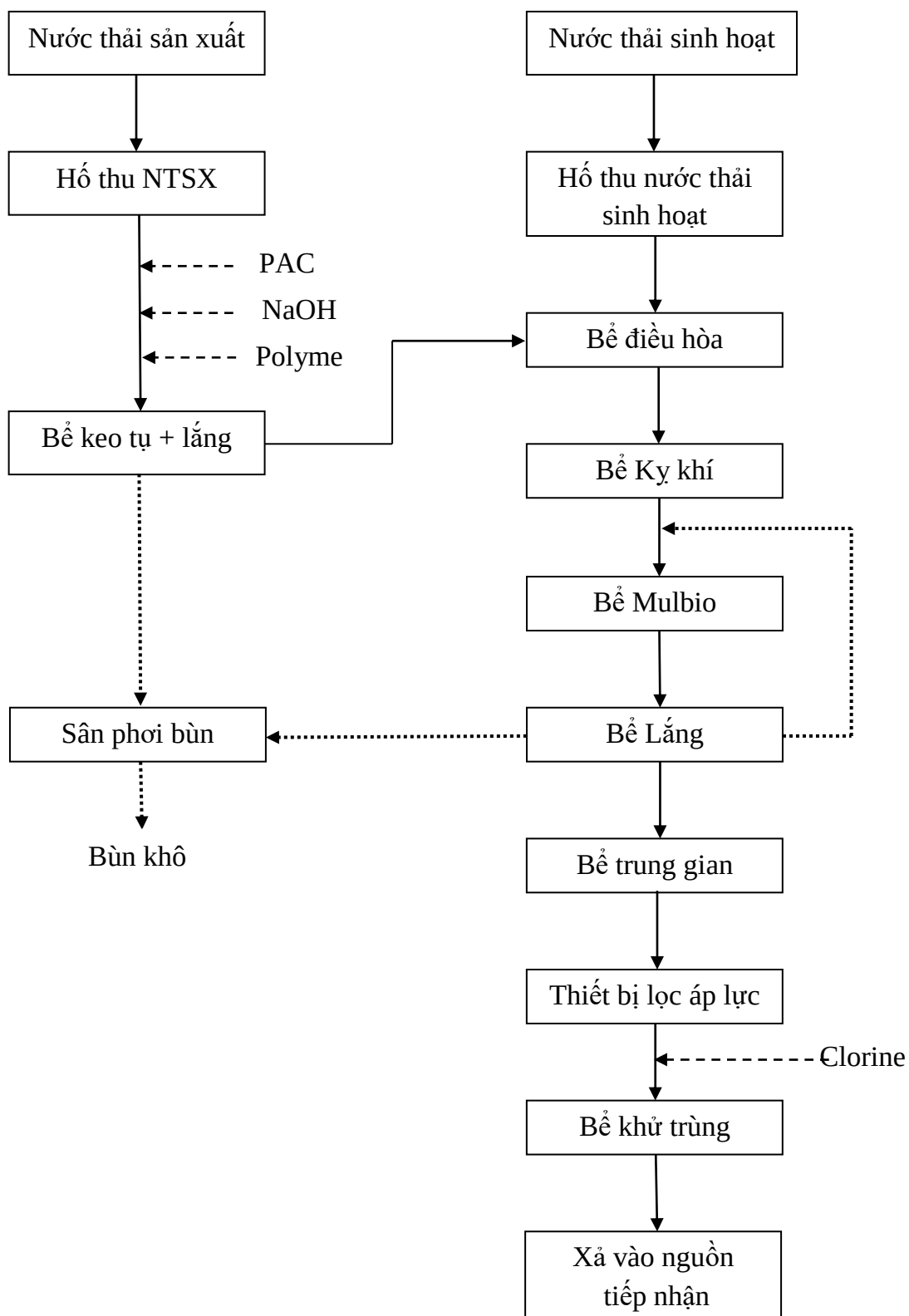
c/ Nước thải sản xuất và sinh hoạt

Quy mô: 01 hệ thống xử lý nước thải.

Công suất: 60 m³/ngày.đêm.

Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung

Quy trình công nghệ xử lý nước thải tập trung của công ty như sau:



Hình 3. 4. Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung tại công ty

Thuyết minh quy trình công nghệ:

➤ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT:

Nước thải từ quá trình được bơm tập trung về hồ thu gom nước thải sản xuất. Sau đó nước thải được bơm qua bể xử lý Hóa lý kết hợp lắng. Các hóa chất: PAC, NaOH, POLYMER được bơm trực tiếp vào đường ống từ các bồn chứa hóa chất bằng các bơm định lượng, động nhằm tách các thành phần ô nhiễm ra khỏi nước thải. Nước thải và hóa chất sẽ được khuấy trộn đều nhờ motor khuấy để phản ứng diễn ra tốt hơn. Tại đây, các hạt cặn lơ lửng sẽ được kết dính lại với nhau, tạo thành những bông cặn có kích thước và khối lượng lớn hơn, có khả năng lắng tốt.

Sau khi hoàn tất quá trình phản ứng, các chất cặn lơ lửng đã được keo tụ-kết bông thành những hạt cặn lớn hơn. Lúc này quá trình lắng bắt đầu, các chất cặn lớn sẽ lắng xuống đáy bể, phần nước trong sẽ nằm ở phía bên trên. Tiếp đến, phần nước trong sẽ được bơm về bể điều hòa chung với nước thải sinh hoạt, tiếp tục được xử lý đạt chuẩn trước khi thải ra ngoài.

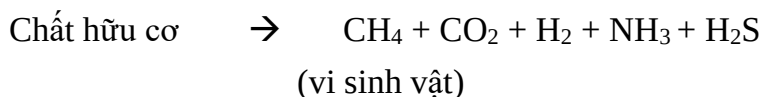
Phần bùn dư sau quá trình phản ứng và lắng sẽ được bơm ra sân phơi bùn. Phần bùn khô này sẽ được thải bỏ định kì.

➤ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh được dẫn vào mạng lưới thu gom nước thải sau đó tập trung về hồ thu gom cuối cùng.

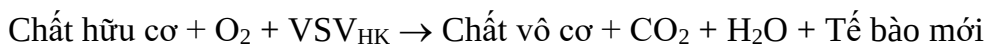
Đầu tiên, nước thải sẽ được bơm lên bể điều hòa. Bể điều hòa đảm bảo chức năng điều hòa lưu lượng cho trạm xử lý đối với hệ số sử dụng nước không đều của công nhân. Ngoài ra, bể điều hòa được cấp khí để trộn đều nồng độ nước thải từ các khu vực phát sinh khác nhau để nước thải khi đưa qua các công đoạn tiếp theo không có nhiều khác biệt về tính chất.

Từ bể điều hòa, nước thải được bơm chìm bơm lên bể sinh học kỵ khí. Lưu lượng nước thải khi bơm lên sẽ không đổi theo giờ và đảm bảo lưu lượng 60m³/ngày.đêm khi Nhà máy hoạt động ổn định. Tại bể kỵ khí nước thải sẽ được khử các thành phần ô nhiễm đặc trưng là các hợp chất Hydrocacbon, Nitơ và Photpho bằng cách cho dòng nước thải đi qua lớp vi sinh vật kỵ khí (trong điều kiện không cung cấp không khí). Phương trình phân hủy kỵ khí được thể hiện như sau:



Sau khi một phần chất ô nhiễm được phân hủy tại bể kỵ khí, nước thải tiếp tục được đưa sang cụm bể sinh học hiếu khí và thiếu khí kết hợp (Mulbio). Cũng giống như quá trình xử lý trong bể kỵ khí, tại cụm bể Mulbio nước thải tiếp tục được xử lý bằng vi sinh vật. Tuy nhiên, ở đây sử dụng dạng vi sinh vật ưa khí là vi sinh vật hiếu khí và vi sinh vật thiếu khí (cung cấp khí hạn chế). Các thành phần ô nhiễm tiếp tục

phân hủy để tạo thành các chất vô cơ đơn giản và lúc này sinh khối (vi sinh vật sinh ra từ quá trình hấp thụ dinh dưỡng từ nước thải) tăng cao. Do vậy, để tách thành phần sinh khối này ra khỏi nước thải thì hỗn hợp nước thải này sẽ tiếp tục qua bể lắng sinh học. Phương trình phân hủy tại cụm bể Mulbio như sau:



Bể lắng sinh học có chức năng lắng các thành phần lơ lửng có tỷ trọng lớn hơn nước (bùn hoạt tính). Bể lắng được thiết kế theo dạng lắng đứng, chiều nước dâng ngược chiều lắng bùn. Máng thu nước được thiết kế ở trên mặt bể để thu nước trong. Bùn lắng dưới đáy bể sẽ được bơm bùn tuần hoàn về cụm bể Mulbio để bổ sung vi sinh vật thất thoát. Một phần bùn dư còn lại sẽ được bơm về bể kỵ khí. Sau khi qua bể lắng, nước thải được đưa qua bể chứa trung gian.

Bể chứa trung gian mang chức năng tập trung (nước trong) để cung cấp nước cho bồn lọc bằng bơm lọc áp lực (áp lực cao). Hệ thống xử lý nước thải ở đây sử dụng hai bồn lọc (bồn lọc cát và bồn lọc than) nối tiếp để tách cặn lơ lửng, mùi còn lại mà bể lắng chưa thể thực hiện được. Nước thải sau quá trình lọc áp lực sẽ chảy qua bể khử trùng để thực hiện công đoạn xử lý cuối cùng. Định kỳ, bồn lọc áp lực và lọc than hoạt tính sẽ được rửa lọc để tránh làm tắc nghẽn bồn lọc. Bùn từ quá trình rửa lọc sẽ được xả về bể chứa bùn.

Sau quá trình lọc áp lực và lọc than hoạt tính nước thải sẽ chảy qua bể khử trùng. Quá trình khử trùng, nước thải được tiếp xúc với dung dịch clorin để tiêu diệt lượng vi sinh vật trong nước thải. Sau quá trình khử trùng, nước thải được bơm ra nguồn tiếp nhận. Nước thải sau quá trình xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A.

Định kỳ khoảng 6 tháng/lần, sử dụng xe hút bùn để hút lượng bùn gia tăng trong bể kỵ khí và đem đến nơi xử lý đúng quy định.

Nước sau khi xử lý từ hệ thống xử lý nước thải đều được dẫn về bể tự thấm của công ty.

Thời gian hoạt động của hệ thống xử lý nước thải: 24/24.

Yêu cầu các chỉ tiêu cần xử lý: Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, loại A, với $K_q=0,9$; $K_f=1$.

Chu kỳ và chế độ xả nước thải của Công ty là xả liên tục trong suốt thời gian sản xuất.

Phương thức xả thải: Nước thải sau khi xử lý sẽ được xả vào bể tự thấm của công ty.

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải tập trung của công ty

1. Phần xây dựng

a). Cụm bể thu gom

Bể thu gom nước thải sản xuất

- Kích thước : D x R x C = 1,7m x 1,7m x 4,0m
- Số lượng : 1 bể
- Thể tích : 11,56 m³

Bể thu gom nước thải sinh hoạt

- Kích thước : D x R x C = 1,7m x 1,7m x 4,0m
- Số lượng : 1 bể
- Thể tích : 11,56 m³

b). Bể điều hòa

- Kích thước : D x R x C = 3,6m x 2,0m x 4,0m
- Số lượng : 1 bể
- Thể tích : 28,8 m³

c). Bể kỵ khí

- Kích thước : D x R x C = 3,6m x 2,0m x 4,0m
- Số lượng : 1 bể
- Thể tích : 28,8 m³

d). Bể Mulbio

- Kích thước : D x R x C = 4,7m x 3,6m x 4,0m
- Số lượng : 1 bể
- Thể tích : 67,68 m³

e). Bể lắng

- Kích thước : D x R x C = 2,0m x 2,0m x 4,0m
- Số lượng : 1 bể
- Thể tích : 16,0 m³

f). Bể trung gian

- Kích thước : D x R x C = 2,0m x 1,4m x 4,0m
- Số lượng : 1 bể
- Thể tích : 11,2 m³

g). Bể khử trùng

- Kích thước : D x R x C = 3,6m x 1,5m x 4,0m
- Số lượng : 1 bể
- Thể tích : 21,6 m³

h). Thiết bị hóa lý kết hợp lắng

- Kích thước : Bồn 4000l
- Số lượng : 1 bồn
- Thể tích : 4 m³

i). Bể trung gian

- Kích thước : D x R x C = 3,2m x 2,5m x 4,0m
- Số lượng : 1 bể
- Thể tích : 32 m³

j). Bể phản ứng kết hợp lắng

- Kích thước : D x H = 1,7m x 1,8m
- Số lượng : 1 bể
- Thể tích : 4 m³

2. Phần gia công thiết bị cơ khí, nhựa

a). Bồn lọc cát

- Kích thước : D x H = 1,0m x 2,0m
- Vật liệu lọc : Sỏi đỡ, cát lọc
- Số lượng : 1 cái

b). Bồn lọc than

- Kích thước : D x H = 1,0m x 2,0m
- Vật liệu lọc : Sỏi đỡ, than hoạt tính
- Số lượng : 1 cái

c). Thùng pha hóa chất

- Kích thước : 300 lít
- Số lượng : 4cái

d). Hệ thống đường ống công nghệ

- Đường ống : Ø 49, 60, 90, 114
- Vật liệu : Ống nhựa uPVC, ống hơi, ống hóa chất

e). Phụ kiện đường ống công nghệ

- Phụ kiện : Tê, Co, Van, Mặt bít, Rắc co Ø 49, 60, 90, 114
- Vật liệu : Ống nhựa, Inox, STK

f). Đường ống thoát nước từ trạm xử lý ra ngoài

- Kích thước : Ø 90
- Vật liệu : uPVC

g). Đĩa tán khí

- Vật liệu : EPDM (cao su tổng hợp)
- Số lượng : 32 cái

3. Phần máy móc thiết bị

a). Bơm nước thải hồ thu nước thải sản xuất (bơm nhúng chìm)

- Bơm chìm: NTP – Taiwan – 0,37 Kw
- Lưu lượng : 8 m³/h
- Cột áp : 6 m

- Số lượng : 2 bộ

b). Bơm nước thải hồ thu nước thải sinh hoạt (bơm nhúng chìm)

- Bơm chìm: NTP – Taiwan – 0,37 Kw
- Lưu lượng : 8 m³/h
- Cột áp : 6 m
- Số lượng : 2 bộ

c). Bơm nước thải bể điều hòa (bơm nhúng chìm)

- Bơm chìm: NTP – Taiwan – 0,37 Kw
- Lưu lượng : 8 m³/h
- Cột áp : 6 m
- Số lượng : 2 bộ

d). Máy thổi khí bể điều hòa

- Máy thổi khí: Tsurumi
- Động cơ: 4Kw
- Lưu lượng : 1,5m³/p
- Cột áp : 5m
- Số lượng : 1 bộ

e). Máy thổi khí bể Mulbio

- Máy thổi khí: Tsurumi
- Động cơ: 4Kw
- Lưu lượng : 1,5m³/p
- Cột áp : 5m
- Số lượng : 2 bộ

f). Bơm tuần hoàn bể Mulbio (bơm nhúng chìm)

- Bơm chìm: NTP – Taiwan – 0,37 Kw
- Lưu lượng : 8 m³/h
- Cột áp : 6 m
- Số lượng : 2 bộ

g). Bể lắng bùn sinh học

- Bơm bùn thải: NTP – Taiwan – 0,37 Kw
- Lưu lượng : 8 m³/h
- Cột áp : 6 m
- Số lượng : 2 bộ

g). Bể trung gian

- Bơm lọc áp lực: APP – Taiwan – 1,5 Kw
- Lưu lượng : 8 m³/h
- Cột áp : 20m

- Số lượng : 2 bộ

h). Bể khử trùng

- Bơm khử trùng: Blue White
- Lưu lượng : 30l/h
- Cột áp : 2bar
- Số lượng : 1 bộ

i). Bể hóa lý từng mẻ

- Bơm hóa chất: Thompson - USA
- Lưu lượng : 1000l/h
- Cột áp : 3m
- Số lượng : 3 bộ

j). Bể hóa lý từng mẻ

- Motoer khuấy trộn: Luyang - Taiwan
- Tốc độ: 96 vòng/p
- Cánh khuấy phản ứng: Inox 304.
- Bơm bùn thải: bơm trục ngang APP.
- Lưu lượng 1,5m³/h.
- Cột áp 10m.

Thông tin chung về hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

a/ Các nguồn ô nhiễm không khí phát sinh tại nhà máy

❖ Bụi phát sinh từ quá trình sản xuất gia công gỗ

Công ty đã đầu tư hệ thống thu gom và xử lý bụi gỗ tại tất cả các công đoạn phát sinh bụi gỗ trong quá trình sản xuất (cả bụi thô và bụi mịn). Công ty đã đầu tư 01 HTXL bụi gỗ tập trung có quy trình công nghệ như sau:

Đối với bụi gỗ phát sinh từ xưởng 1:

Bụi gỗ → Chụp hút → Ống nhánh → Ống chính → Quạt hút → Cyclone thu gom và xử lý bụi 1 → Thiết bị lọc bụi túi vải tập trung → Nhà chứa bụi

Đối với bụi gỗ phát sinh từ xưởng 2:

Bụi gỗ → Chụp hút → Ống nhánh → Ống chính → Quạt hút → Cyclone thu gom và xử lý bụi 2 → Thiết bị lọc bụi túi vải tập trung → Nhà chứa bụi

Đối với bụi gỗ phát sinh từ xưởng 3:

Bụi gỗ → Chụp hút → Ống nhánh → Ống chính → Quạt hút → Cyclone thu gom và xử lý bụi 3 → Thiết bị lọc bụi túi vải tập trung → Nhà chứa bụi

Thuyết minh quy trình xử lý:

Không khí chứa bụi phát sinh từ quá trình gia công gỗ (cả bụi thô và bụi mịn)

được thu gom bằng chụp hút (mỗi máy đều được thiết kế chụp hút đi kèm). Sau đó qua ống nhánh và được dẫn đến ống chính dưới tác dụng của quạt hút và được dẫn đến cyclon thu gom tập trung và xử lý bụi. Tại cyclon, không khí chứa bụi được đưa vào phần trên của cyclon bằng một đường ống lắp theo phương tiếp tuyến với vỏ ngoài hình trụ của cyclon. Do vậy mà dòng khí sẽ có hướng chuyển động xoắn ốc bên trong vỏ hình trụ và hạ dần về phía dưới. Khi gặp phần đáy hình phễu, dòng khí sẽ bị đẩy ngược trở lên và thoát ra ngoài qua đường ống ở phía trên đỉnh của cyclon. Trong quá trình chuyển động xoắn ốc, các hạt bụi chịu tác dụng của lực li tâm làm cho chúng có xu hướng tiến dần về vỏ hình trụ hoặc đáy hình phễu rồi chạm vào thành của cyclon và rơi xuống dưới (tập trung ở nhà chứa bụi). Dòng khí ra khỏi cyclon sẽ được xử lý tiếp bằng thiết bị lọc bụi túi vải nhằm giữ lại triệt để bụi mịn. Dòng khí đi vào túi vải, bụi sẽ được giữ lại trong túi vải, dòng khí sau xử lý được phát tán ra môi trường. Với tần suất 10phut/lần, bụi trong túi vải sẽ được nén giữ bụi tự động và thu gom về nhà chứa bụi.

Định kỳ công ty sẽ thu gom bụi và hợp đồng mua bán với các đơn vị có chức năng đến thu mua định kỳ khi đầy. Khi thu gom bụi và mùn cưa từ buồng chứa, đơn vị thu gom sẽ dùng xẻng xúc vào bao tải, cột chặt miệng nhằm tránh phát tán bụi ra môi trường xung quanh, sau đó chuyển lên xe thu gom để vận chuyển.

Như vậy, hầu hết bụi phát sinh từ quá trình khoan, cắt, chà nhám các chi tiết gỗ được thu gom và xử lý tương đối hiệu quả qua hệ thống đường ống thu gom và xử lý bằng cyclone và thiết bị lọc bụi tay áo.

Thông số kỹ thuật của hệ thống:

Bảng 3. 1. Thông số kỹ thuật của hệ thống

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi gỗ từ xưởng 1	
Kích thước Cyclone D*H (m)	1,5m * 6,9m
Công suất quạt	30kw – 20.000m ³ /h
Ống thu	Ø500
Ống xả bụi	Ø500
Thiết bị chứa bụi	5m * 3,4m * 6,9m
Bộ van xả bụi	Ø500
Ống xả áp, xả cận	Ø300

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi gỗ từ xưởng 2	
Kích thước Cyclone D*H (m)	1,5m * 6,9m
Công suất quạt	30kw – 20.000m ³ /h
Ống thu	Ø500
Ống xả bụi	Ø500
Thiết bị chứa bụi	5m * 3,4m * 6,9m
Bộ van xả bụi	Ø500
Ống xả áp, xả cận	Ø300

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi gỗ từ xưởng 3	
Kích thước Cyclone D*H (m)	1,5m * 6,9m
Công suất quạt	30kw – 20.000m ³ /h
Ống thu	Ø500
Ống xả bụi	Ø500
Thiết bị chứa bụi	5m * 3,4m * 6,9m
Bộ van xả bụi	Ø500
Ống xả áp, xả cận	Ø300

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi gỗ tập trung	
Bộ túi vải	Ø200
Công suất quạt	30kw – 20.000m ³ /h
Ống xả	Ø500
Ống xả đáy	D500
Nhà thu bụi	15m x 6m x 10m

(Nguồn: Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam), 2022)

❖ **Bụi keo dán gỗ**

Nhà máy sử dụng súng phun để phun keo lên những chi tiết phức tạp, trong quá trình phun có phát sinh bụi keo (keo sữa).

Công ty sử dụng keo sữa PVAs để dán ván. Quá trình dán keo thực hiện cho công đoạn dán ván, hầu hết được thực hiện bằng máy móc, chỉ thực hiện bằng tay khi vận chuyển các nguyên liệu lên máy móc, khi xảy ra những sai sót nhỏ, hoặc các góc cạnh mà máy khó có thể thực hiện được. Bồn chứa keo sữa được thiết kế kín, có thể tích 1m³, phía dưới đáy có gắn vòi dẫn để keo tự chảy qua xi lanh, từ xi lanh tạo lực quét keo lên bề mặt gỗ.

Keo sữa tại cơ sở là keo sữa gốc nước, keo có độ kết dính cao trong môi trường trung tính, thời gian khô nhanh, keo hoạt động tốt trong môi trường nóng, lạnh, có khả năng kháng nước, kháng nhiệt, kháng dung môi.

Thành phần của keo sữa bao gồm:

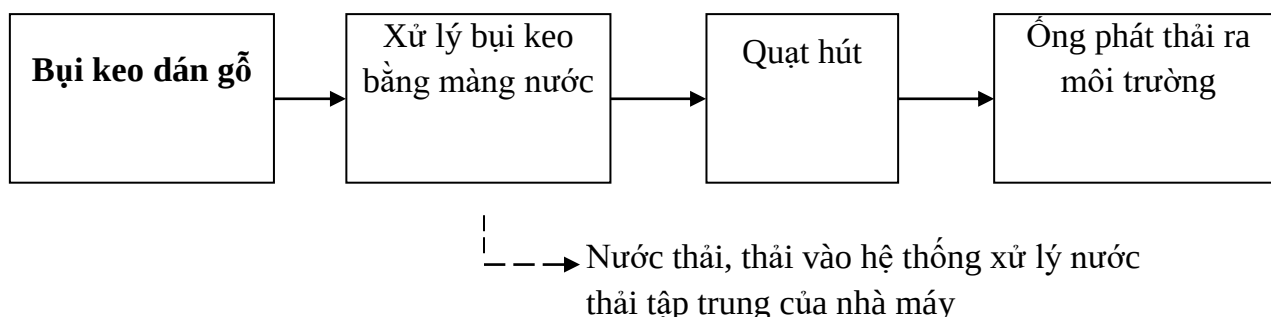
- + Poly Vinyl Acetate, Poly Vinyl Alcohol, Plasticizer, Biocides (chiếm 50-52%)
- + Nước (chiếm 48-50%)

Hầu hết các nguyên liệu tạo nên keo sữa là dạng polyme, ở dạng rắn và không mùi, bền, dẻo, khó phân huỷ và ít tan trong nước. Dựa vào thành phần và tính chất của các loại nguyên liệu, cho thấy khả năng phát sinh hơi dung môi là rất ít.

Ngoài ra, keo sữa được chứa trong bồn kín, nhà xưởng sản xuất sẽ được thiết kế cao ráo và thông thoáng. Công ty sẽ bố trí quạt hút làm thông thoáng nhà xưởng. Bên cạnh đó, nhà xưởng sẽ được thiết kế có nhiều cửa sổ và diện tích cửa sổ chiếm 40-50%

tổng diện tích tường. Do đó, mức độ ảnh hưởng của mùi hoá chất đến môi trường cũng như sức khỏe người lao động là không đáng kể.

Để hạn chế bụi keo phát tán rộng trong khu vực nhà xưởng và đảm bảo không ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân, Nhà máy đã đầu tư hệ thống xử lý bụi keo như sau:



Ngoài ra, đối với các công nhân làm việc trực tiếp tại các khu vực được trang bị bảo hộ lao động như khẩu trang chống bụi, mắt kính chuyên dùng, găng tay,...

Bên cạnh đó, khu vực xung quanh Nhà máy trồng cây xanh để hạn chế bụi phát tán ra môi trường xung quanh và điều hoà không khí trong Nhà máy.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

a. Nguồn và khối lượng phát sinh

Cơ sở sử dụng tổng cộng 400 lao động, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 200 kg/ngày. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ quá trình sinh hoạt, ăn uống của cán bộ, công nhân viên. Thành phần chủ yếu gồm:

- Rác hữu cơ: vỏ trái cây, rau củ, thức ăn thừa, cây cỏ,... với khối lượng phát sinh chiếm khoảng 70% tổng lượng CTR sinh hoạt, tương đương khoảng 140 kg/ngày.

- Rác có khả năng tái chế, tái sử dụng: túi nylon, chai nhựa, chai thủy tinh, với khối lượng phát sinh chiếm khoảng 20% tổng lượng CTR sinh hoạt, tương đương 40 kg/ngày.

- Các loại rác khác: các vật dụng cá nhân hư hỏng (quần áo, giày dép,...) không có khả năng tái chế, vỏ đồ hộp,... với khối lượng phát sinh chiếm khoảng 10% tổng lượng CTR sinh hoạt, tương đương 20 kg/ngày.

b. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý

- Khu chứa CTR sinh hoạt:

- + Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy, bố trí xung quanh nhà xưởng, văn phòng, nhà bảo vệ,... của cơ sở. Các thùng này được thu gom định kỳ 1 lần/ngày, đưa về lưu giữ tại khu vực lưu chứa CTR sinh hoạt diện tích 4m² nằm bên trong nhà rác 24m² của cơ sở.

+ Thông số kỹ thuật, kết cấu khu lưu chứa: Diện tích = $8 \times 3 = 24 \text{ m}^2$, với kết cấu tường gạch, mái tôn, nền bê tông chống thấm, được bố trí tách riêng so với các khu vực khác của cơ sở.

- Các biện pháp khác:

+ Trong từng phòng và từng khu vực nhà máy đều phải trang bị các loại thùng rác có nắp đậy để phân loại rác tại nguồn: 1 thùng đựng rác hữu cơ, dễ phân hủy như thức ăn thừa, vỏ trái cây,...; 1 thùng đựng rác loại rác có thể tái chế, tái sử dụng như các loại chai nhựa, chai thủy tinh, bao nylon,...; và 1 thùng đựng các loại rác khác như: vật dụng cá nhân hỏng không có khả năng tái chế, vỏ đồ hộp, ...

+ Các thùng đựng rác được lót bên trong bằng túi nylon để tiện thu gom. Rác thải sau khi thu gom sẽ được bảo quản cẩn thận, không để xảy ra tình trạng bị phân hủy bởi nước mưa và ánh sáng mặt trời (đặc biệt là đối với một số loại chất thải có khả năng gây ô nhiễm đất hoặc đối với những chất thải có thành phần dễ hòa tan trong nước hay dễ phân hủy, từ đó làm ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm).

+ Tiếp tục ký hợp đồng thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt với đơn vị có chức năng theo quy định. Hiện tại Công ty đang ký hợp đồng chuyển giao rác sinh hoạt với Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty Cổ phần nước – môi trường Bình Dương, đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (*thực hiện theo hợp đồng số 2002 – RTT/HĐ – KT/21 ký ngày 21/12/2021, thời hạn hợp đồng từ 21/12/2021 đến 20/12/2023*).

3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

a. Nguồn và khối lượng phát sinh

Trong quá trình sản xuất, chất thải rắn không nguy hại phát sinh từ cơ sở bao gồm: nguyên vật liệu dư thừa thải bỏ; bao bì, nylon, thùng carton thải bỏ từ quá trình đóng gói; giấy từ hoạt động văn phòng và bùn thải từ bể tự hoại.

Khối lượng các loại chất thải rắn không nguy hại được liệt kê ở bảng sau (tính toán dựa trên số liệu thực tế phát sinh chất thải của nhà máy hiện hữu).

Bảng 3. 2. Khối lượng chất thải rắn không nguy hại phát sinh tại cơ sở

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	Rắn	200
2	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	Rắn	600
3	Ván vụn, mạt cưa	Rắn	3.600
4	Bùn thải từ bể tự hoại	Bùn	9.000
Tổng			13.400

b. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý

- Khu chứa CTR công nghiệp thông thường:

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh sẽ được thu gom, phân loại và lưu trữ tại khu vực lưu chứa CTR công nghiệp thông thường có diện tích 10m² nằm bên trong nhà rác 24 m² của cơ sở.

+ Thông số kỹ thuật, kết cấu khu lưu chứa: Diện tích = 8 x 3 = 24 m², với kết cấu tường gạch, mái tôn, nền bê tông chống thấm, được bố trí tách riêng so với các khu vực khác.

- Các biện pháp khác:

+ Đối với các loại chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng như: kim loại, giấy, carton, nylon... được thu gom và định kỳ giao cho các đơn vị thu gom tái chế hoặc bán phế liệu.

+ Toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường còn lại, không có khả năng tái sử dụng, sẽ được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải theo quy định.

+ Đối với chất thải rắn sản xuất được phân loại tại nguồn và thu gom, lưu trữ vào các thùng chứa riêng biệt được bố trí tại khu vực chứa CTR sản xuất (khu vực chứa có gắn biển báo). Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) đã ký hợp đồng chuyển giao chất thải công nghiệp cho Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty Cổ phần nước – môi trường Bình Dương đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (*thực hiện theo hợp đồng số 2002 – RCN/HĐ – KT/21 ký ngày 21/12/2021, thời hạn hợp đồng từ 21/12/2021 đến 20/12/2023*).

+ Đối với chất thải hầm cầu (chất thải phát sinh trong quá trình sinh hoạt của người lao động): Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) đã ký hợp đồng về việc xử lý chất thải hầm cầu của công ty với Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty Cổ phần nước – môi trường Bình Dương, đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (*thực hiện theo hợp đồng số 2002 – CTHC/HĐ – KT/21 ký ngày 21/12/2021, thời hạn hợp đồng từ 21/12/2021 đến 20/12/2023*).

+ Tần suất thu gom 2 tuần/lần để đảm bảo khả năng lưu chứa của khu lưu chứa chất thải. Tần suất và thời gian thu gom cũng có thể được điều chỉnh phụ thuộc vào khối lượng chất thải trong khu lưu chứa, đơn vị thu gom xử lý sẽ đến nhà máy để thu gom khi Công ty gửi văn bản đến đơn vị hợp đồng yêu cầu thu gom, vận chuyển, xử lý.

Các thông số kỹ thuật cơ bản của khu vực lưu trữ chất thải rắn thông thường:

Bảng 3. 3. Thông số kỹ thuật cơ bản của khu vực lưu trữ CTR thông thường

STT	Thông số kỹ thuật
A. Chất thải sinh hoạt	
1	Thùng đựng rác bằng nhựa HDPE, có nắp đậy + Số lượng: tùy theo khối lượng phát sinh. + Dung tích mỗi thùng: 45 - 240 lít.
2	Nhà chứa chất thải sinh hoạt + Số lượng: 01 cái. + Diện tích: 4m ² .
B. Chất thải rắn sản xuất	
3	Thùng đựng rác bằng nhựa HDPE và thùng kim loại + Số lượng: tùy theo khối lượng phát sinh. + Dung tích mỗi thùng: 45-400 lít.
4	Nhà chứa chất thải sản xuất + Số lượng: 01 cái. + Diện tích: 10m ² .

(Nguồn: Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam), 2022)

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

a. Nguồn và khối lượng phát sinh

Quá trình hoạt động sản xuất của cơ sở sẽ phát sinh các loại chất thải nguy hại như: xỉ nhôm; cát thải chứa thành phần nguy hại; keo thải; giẻ lau, bao tay bị nhiễm các thành phần nguy hại; bao bì cứng và bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải, than hoạt tính đã qua sử dụng...

Căn cứ vào khối lượng CTNHH phát sinh thực tế tại nhà máy hiện hữu, ước tính được khối lượng chất thải phát sinh khi đi vào hoạt động như sau:

Bảng 3. 4. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại (rắn, lỏng, bùn)	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1.	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	18
2.	Cặn keo thải	Lỏng	08 03 01	1.200
3.	Dầu nhớt thải	Lỏng	17 02 04	240
4.	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	24
5.	Giẻ lau dính dầu nhớt, hóa chất	Rắn	18 02 01	960
6.	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 04	360

7.	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	240
8.	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	240
9.	Pin, ắc qui chì thải	Rắn	19 06 01	18
10.	Bùn thải từ HTXL nước thải	Bùn	12 06 06	10.000
Tổng				13.300

Như vậy, tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của cơ sở khi đi vào hoạt động vào khoảng 13.300kg/năm.

b. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý

- Công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

+ CTNH phát sinh từ cơ sở sau khi phân loại tại nguồn sẽ được lưu chứa trong các thùng chứa chuyên dụng đối với từng loại chất thải và được tập trung chứa trong khu lưu chứa chất thải nguy hại, diện tích 10m², nằm bên trong nhà rác 24 m² của cơ sở.

+ Thông số kỹ thuật, kết cấu khu lưu chứa: Diện tích = 8*3 = 24 m², với kết cấu tường gạch, mái tôn, nền bê tông chống thấm, đảm bảo chất thải không bị tác động bởi các yếu tố bên ngoài như nước mưa, được bố trí tách riêng so với các khu vực khác..

- Các biện pháp khác:

Chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh sẽ được thu gom, bảo quản theo chủng loại trong các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn bao gồm các thông tin sau:

- + Tên chất thải nguy hại, mã CTNH theo danh mục CTNH;
- + Mô tả về nguy cơ do CTNH có thể gây ra (dễ cháy, dễ nổ, dễ bị oxi hóa, ...);
- + Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707:2009 về “Chất thải nguy hại- dấu hiệu cảnh báo”;
- + Ngày bắt đầu được đóng gói, bảo quản.

- Hiện tại, Công ty đã hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty Cổ phần nước – môi trường Bình Dương đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (thực hiện theo hợp đồng số 2002 – RCN/HĐ – KT/21 ký ngày 21/12/2021, thời hạn hợp đồng từ 21/12/2021 đến 20/12/2023).

- Tần suất thu gom CTNH là 3 tháng/lần để đảm bảo khả năng lưu chứa của kho chất thải. Tần suất và thời gian thu gom cũng có thể được điều chỉnh phụ thuộc vào khối lượng chất thải trong kho.

Các thông số kỹ thuật cơ bản của khu vực lưu trữ chất thải nguy hại:

Bảng 3. 5. Thông số kỹ thuật cơ bản của khu vực lưu trữ CTNH

STT	Thông số kỹ thuật
1	Thùng chứa chất thải nguy hại bằng nhựa hoặc bằng thiếc. Số lượng và dung tích thùng phù hợp với số lượng chất thải nguy hại phát sinh.
2	Khu vực chứa chất thải nguy hại + Diện tích: 10m ² .

(Nguồn: Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam), 2022)

3.5. Công trình biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

a. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Căn cứ vào quy trình, công đoạn và máy móc thiết bị phục vụ sản xuất của cơ sở có thể nhận thấy nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chủ yếu là từ: máy khoan, máy cắt, máy dán....

Ngoài ra, tiếng ồn còn phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào nhà máy. Các loại xe khác nhau sẽ phát sinh các mức độ ồn khác nhau. Nguồn ồn này không liên tục, phân bố trong không gian rộng, môi trường không khí khu vực sẽ ổn định trở lại khi các phương tiện ngừng hoạt động.

b. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở đầu tư

❖ Tiếng ồn và độ rung trong khu vực sản xuất:

Để giảm thiểu tiếng ồn nhằm đảm bảo sức khỏe cho công nhân lao động và tránh làm tăng mức độ ồn trong khu vực, tiếng ồn trong nhà máy được khống chế bằng các phương pháp sau:

- Cân chỉnh và bảo dưỡng các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị;
- Các nguồn gây ồn cao như máy cắt, máy khoan... được bố trí ở nhà xưởng riêng để hạn chế ảnh hưởng đến các khu vực khác;
- Lắp đặt các đệm cao su cho máy móc thiết bị, nền móng nhà xưởng phải được gia cố vững chắc trong quá trình xây dựng;
- Tăng cường các vách ngăn nhà xưởng, tường ngăn giữa các khu vực có máy móc thiết bị có thể gây ồn lớn bằng vật liệu có khả năng cách âm nhằm hạn chế tác động đến công nhân làm việc ở các khu vực khác;
- Trang bị nút tai chống ồn và các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân làm việc ở khu vực sản xuất phát sinh ồn cao và có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân;
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân;
- Bố trí luân phiên nhóm công nhân làm việc tại khu vực có mức ồn cao.

- Trồng cây xanh, thảm cỏ đạt tỷ lệ trên 20% tổng diện tích đất sử dụng để tạo mỹ quan cho công ty cũng như điều hòa các yếu tố vi khí hậu, hạn chế ô nhiễm môi trường. Đặc biệt, Công ty chú ý tăng cường trồng các dải cây xanh (cây có tán với mật độ cao) xung quanh nhà máy để hạn chế tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

❖ *Tiếng ồn do các phương tiện giao thông:*

Để hạn chế tiếng ồn từ các phương tiện giao thông khi cơ sở đi vào hoạt động, chủ cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

- Tăng diện tích trồng cây xanh, chiếm tối thiểu 20% tổng diện tích mặt bằng. Cây xanh có tác dụng che nắng, giảm bức xạ mặt trời, hút và giữ bụi, lọc sạch không khí, hút tiếng ồn và che chắn tiếng ồn. Mặt khác, nó còn tạo thẩm mỹ cảnh quan, tạo cảm giác êm dịu về màu sắc cho môi trường.

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời các phương tiện giao thông phục vụ cơ sở.

- Kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng cho các phương tiện giao thông.

c. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của cơ sở đầu tư

- Đối với tiếng ồn:

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- Đối với độ rung:

+ QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

+ QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

❖ *Sự cố đối với hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, bể tự hoại:*

- Nguyên nhân: Hư hỏng đường ống, không thu gom bùn thải định kỳ.

- Biện pháp ứng phó:

+ Kiểm tra thường xuyên và sửa chữa kịp thời khi gặp sự cố. Thu gom bùn thải đúng tần suất. Thường xuyên vệ sinh đường ống dẫn nước thải tránh tắc nghẽn, hạn chế phát sinh mùi hôi trong môi trường yếm khí.

+ Kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của công nhân tại hệ thống không chế ô nhiễm để kịp thời phát hiện và ứng phó khi sự cố xảy ra.

❖ *Sự cố đối với các hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung:*

- Nguyên nhân: Hư hỏng đường ống, không thay thế lớp vật liệu lọc, không thu gom bùn thải định kỳ.

- Biện pháp ứng phó:

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các hạng mục dễ xảy ra sự cố. Đồng thời, khắc phục ngay sự cố nhỏ để không ảnh hưởng đến toàn bộ quá trình xử lý của hệ thống;

+ Kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của công nhân vận hành HTXL nước thải để kịp thời phát hiện và ứng phó khi sự cố xảy ra;

+ Đảm bảo tần suất thu gom bùn thải, định kỳ thay lớp vật liệu lọc của hệ thống xử lý để đảm bảo hệ thống không bị tắc nghẽn và đạt hiệu quả xử lý cao;

+ Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở gặp sự cố không vận hành được hoặc vận hành nhưng nước thải sau xử lý không đạt giới hạn tiếp nhận, cơ sở sẽ dừng hoạt động nhằm đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất. Tiến hành khắc phục sự cố, sửa chữa hệ thống xử lý. Sau khi sự cố được khắc phục và đảm bảo hiệu quả xử lý, cơ sở mới đi vào hoạt động trở lại.

b. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguyên nhân sự cố: Hư hỏng thiết bị, vận hành không đúng kỹ thuật, không thay thế các lớp vật liệu lọc định kỳ.

- Biện pháp ứng phó:

+ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống. Thay thế các lớp vật liệu lọc của hệ thống xử lý theo đúng tần suất quy định;

+ Bố trí nhân viên vận hành hệ thống có đầy đủ kiến thức và kinh nghiệm trong việc vận hành HTXL khí thải của cơ sở, có khả năng ứng phó khi sự cố xảy ra;

+ Kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của nhân viên vận hành hệ thống xử lý để kịp thời phát hiện và ứng phó khi sự cố xảy ra;

+ Khi sự cố xảy ra, tiến hành ngưng hoạt động sản xuất để kiểm tra, sửa chữa, khắc phục sự cố. Chỉ hoạt động trở lại khi sự cố đã được khắc phục hoàn toàn.

c. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với khu vực lưu trữ chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- Nguyên nhân: Tràn đổ chất thải rắn và chất thải nguy hại, không thu gom đúng tần suất làm quá tải khu vực lưu giữ.

- Biện pháp ứng phó:

+ Khu vực kho chứa chất thải nguy hại được xây rãnh thu gom, đảm bảo không để tràn đổ chất thải ra môi trường nếu có sự cố;

+ Bố trí các thùng chứa cát tại khu vực lưu giữ chất thải nguy hại nhằm khắc phục sự cố tràn đổ hóa chất thải. Cát sau khi thu gom sẽ bị nhiễm hóa chất và được xử lý như chất thải nguy hại;

+ Thu gom chất thải đúng tần suất, không để tình trạng quá tải khu vực lưu giữ chất thải.

+ Bố trí nhân viên quản lý, giám sát đối với công tác lưu trữ và thu gom chất thải..

3.7. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác

a. Sự cố cháy, nổ

❖ Biện pháp phòng ngừa sự cố:

Cháy nổ là sự cố khá phổ biến, rất dễ xảy ra trong các công trình, các nhà máy sản xuất. Sự cố cháy nổ nếu xảy ra thì sẽ gây nhiều thiệt hại và hậu quả không thể lường trước. Đối với hoạt động của cơ sở, khả năng xảy ra sự cố cháy nổ có thể diễn ra ở khu vực sản xuất, kho chứa nguyên nhiên vật liệu. Các biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ như sau:

- Thiết kế hệ thống cấp điện an toàn, có bộ phận ngắt mạch tự động khi có sự cố chập mạch trên đường dây tải điện;

- Các máy móc, thiết bị phải có hồ sơ thiết bị kèm theo và phải được đo đạc, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật;

- Công nhân hoặc cán bộ vận hành máy móc thiết bị phải được huấn luyện và thực hành đúng thao tác và luôn luôn có mặt tại vị trí của mình, thao tác và kiểm tra, vận hành đúng kỹ thuật;

- Công nhân làm việc trực tiếp trong nhà xưởng sản xuất sẽ được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ;

- Hỗn hợp bụi, dung môi/không khí có khả năng gây cháy khi đạt nồng độ nhất định và có tác nhân phát lửa gây cháy hoặc nguồn nhiệt phát ra do bất cẩn, do ma sát, do động cơ điện, tiếp điểm điện. Do vậy, Chủ cơ sở sẽ thực hiện thông gió khu nhà xưởng để giảm nồng độ chất gây cháy, giảm nhiệt độ không khí cũng như cách ly các bảng điện, tủ điện điều khiển;

- Lắp đặt hệ thống báo cháy, đèn hiệu và hệ thống báo động trong các khu vực nhà máy;

- Trang bị đầy đủ và bố trí hợp lý các phương tiện phòng chống cháy nổ tại các khu vực trong nhà máy bao gồm:

+ Bình chữa cháy đặt tại các vị trí trong văn phòng, nhà xưởng, đặc biệt là các vị trí có nguy cơ cháy nổ cao;

+ Các hòng lấy nước chữa cháy xung quanh nhà máy được đặt tại các ngã 3, ngã 4 để thuận lợi cho việc cung cấp nước chữa cháy;

+ Trạm bơm và bể nước PCCC (bể nước ngầm thể tích 120 m³). Lượng nước dự

trữ chữa cháy tính bằng lưu lượng 10 lít/s cho một đám cháy, đảm bảo liên tục trong 03 giờ.

- Các phương tiện PCCC sẽ được kiểm tra thường xuyên và ở trong tình trạng sẵn sàng hoạt động, nguồn nước PCCC phải được duy trì thường xuyên.

❖ *Phương án ứng phó khi sự cố xảy ra:*



Hình 3. 5. Sơ đồ ứng phó sự cố cháy nổ

Bảng 3. 6. Trách nhiệm và các bước ứng phó sự cố cháy nổ

Trách nhiệm	Các bước tiến hành
Người phát hiện	Người đầu tiên phát hiện hô “Cháy – Cháy - Cháy” và

Trách nhiệm	Các bước tiến hành
Nhân viên bảo vệ	nhANH chóng thông báo đến người quản lý, họ sẽ bảo nhân viên bảo vệ kích hoạt chuông báo động.
Người chịu trách nhiệm về điện/Nhân viên bảo vệ	Cắt điện ở vùng bị ảnh hưởng. Người quản lý có liên quan thông báo cho bộ phận quản lý điện để tắt điện nguồn.
Người quản lý bộ phận Nhân viên bảo vệ	Tiến hành sơ tán, bảo đảm mọi nhân viên của bộ phận mình quản lý trong khu vực an toàn – Điểm tập trung. Đếm số nhân viên có mặt và vắng mặt sau đó báo cho bộ phận HSE. Nhân viên bảo vệ thống kê số lượng khách có mặt trong nhà máy. Chỉ dẫn cảnh sát PCCC và xe cứu thương vào khu vực bị cháy.
Đội trưởng PCCC Nhân viên đội cứu hỏa	Tập hợp đội cứu hỏa, sử dụng các biện pháp cứu hỏa nhằm khống chế và đẩy lùi ngọn lửa. - Xác định mức độ và hướng lửa sẽ lan tràn và tập trung toàn bộ lực lượng nhằm dập tắt lửa và thiết lập các rào chắn ở nơi cần thiết. - Bật bơm cứu hỏa.
Điều phối truyền thông Người điều phối chung Quản lý khu vực	Xác định có cần sự giúp đỡ của bên ngoài hay không, nếu lửa vượt quá tầm kiểm soát của lực lượng cứu hỏa của công ty. Liên hệ với PCCC KCN Gò Dầu. Liên hệ với PCCC huyện Long Thành.
Nhân viên an toàn	Hướng dẫn nhân viên bảo vệ thực hiện việc kích hoạt quy trình gọi khẩn cấp.
Lực lượng cứu hỏa tại chỗ	Phối hợp với lực lượng cứu hỏa KCN khi họ đến công ty để cứu hỏa.
Lực lượng PCCC	Kiểm tra số người và báo cáo các trường hợp mất tích với người điều phối chung.
Sơ cấp cứu viên/ Đội cứu hỏa	Hướng dẫn cứu người bị kẹt bằng cách sử dụng mọi phương tiện có thể và di tản sang vùng gần đó nếu cần thiết.
Sơ cấp cứu viên/ Phòng y tế	Chuyển người bị nạn đến phòng y tế và tiến hành sơ cứu.

Trách nhiệm	Các bước tiến hành
Nhân viên cứu hỏa	Sử dụng các phương tiện có sẵn để di chuyển người bị nạn đến bệnh viện gần nhất.
Nhân viên bảo vệ/Trưởng bộ phận/Nhân viên cứu hỏa	Kiểm tra và kiểm đếm số lượng thiết bị PCCC sử dụng, vệ sinh và nạp lại các thiết bị này.
Trưởng bộ phận	Giữ nguyên hiện trường để tiến hành điều tra. Báo cáo tai nạn/ sự cố vào hệ thống.

b. Sự cố rò rỉ, tràn đổ nhiên liệu, hóa chất:

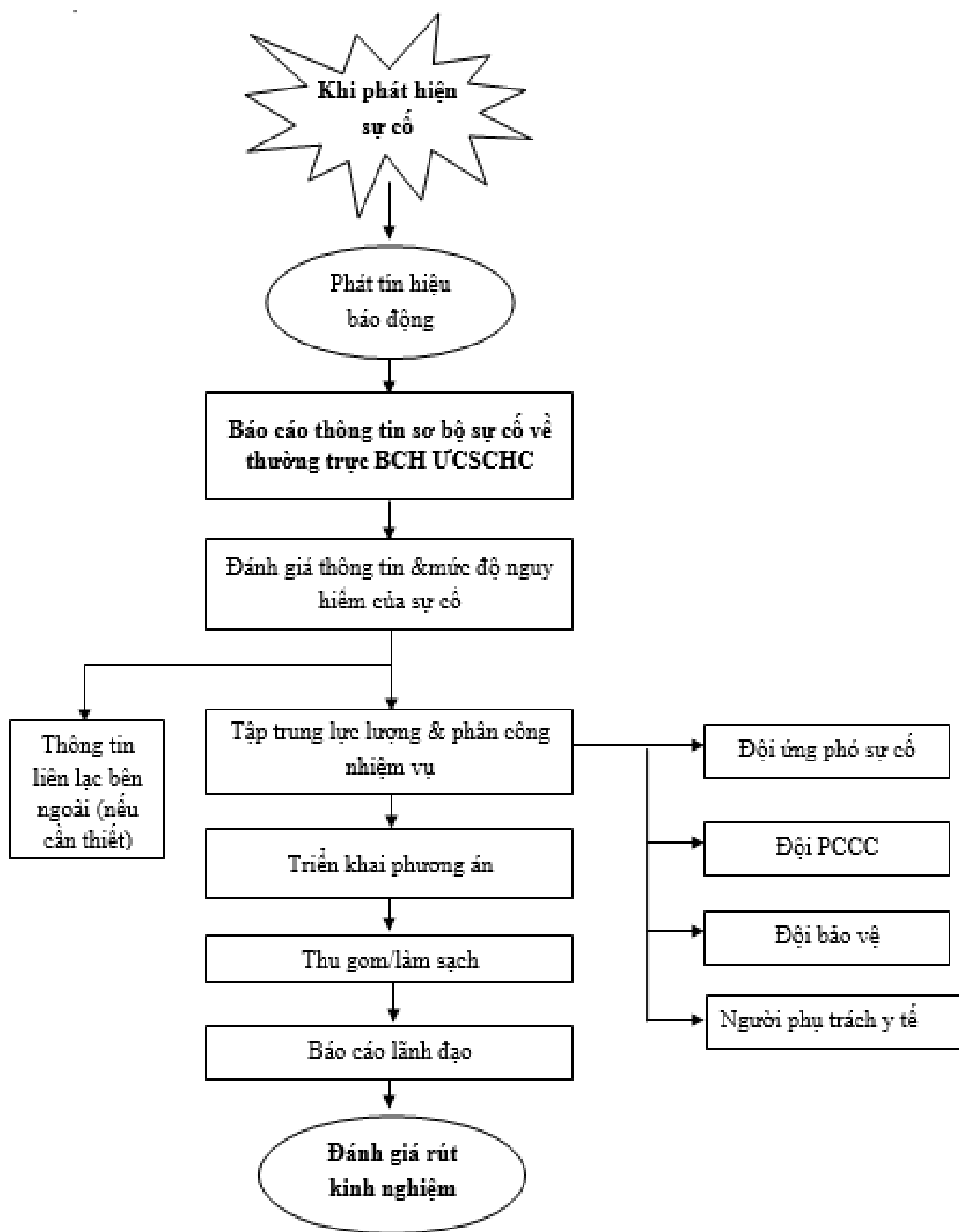
❖ *Biện pháp phòng ngừa sự cố:*

Trong quá trình hoạt động, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau đây để phòng ngừa sự cố rò rỉ, tràn đổ nhiên liệu, hóa chất:

- Chọn nhà cung cấp sản phẩm có uy tín, đạt tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm cũng như quy cách vận chuyển, cung cấp;
- Kiểm tra các thùng chứa, bao chứa hóa chất nhập về không bị bóp méo, rách thủng và lưu chứa tại khu vực an toàn;
- Đóng gói, lưu trữ hóa chất với khối lượng không vượt quá quy định;
- Cách ly các hóa chất dễ cháy nổ với các nguồn nhiệt;
- Các hóa chất trong kho nguyên liệu được sắp xếp trật tự, riêng biệt, không vượt quá chiều cao quy định, không để các chất có khả năng phản ứng cùng một khu vực;
- Lưu trữ nguyên nhiên liệu và hóa chất dạng lỏng với khối lượng ít nhất (đủ dùng);
- Trang bị các nhãn hóa chất và trang bị đầy đủ các Phiếu an toàn hóa chất theo Thông tư 32/2017/TT-BCT;
- Trang bị bảo hộ lao động phù hợp cho nhân viên vận hành nhằm hạn chế tối đa tác hại của hóa chất đến con người;
- Trang bị khu vực rửa mắt tại khu vực nhằm ứng phó khi có sự cố hóa chất văng bắn vào mắt;
- Các lối đi trong khu vực lưu chứa đủ rộng cho sự thông thoáng và di chuyển thuận lợi nhất, không cản trở con người và thiết bị khi ứng cứu sự cố;
- Trong khu vực chứa hóa chất, treo biển cấm không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa;
- Sử dụng đúng kỹ thuật và tuân thủ các quy tắc an toàn trong sản xuất đối với từng chủng loại nguyên liệu;
- Vận chuyển bình chứa, thùng chứa đúng cách (di chuyển bình ở tư thế đứng, không lăn tròn, hạn chế rung động mạnh), tuyệt đối không được dùng bình chứa, thùng chứa vào các mục đích khác;

- Tuân thủ và thực hiện tốt công tác phòng chống cháy nổ;
- Giám sát, kiểm tra nghiêm ngặt các hệ thống kỹ thuật tại kho chứa, lập phương án ứng cứu khi xảy ra sự cố;
- Tổ chức nhân sự cho kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố.

❖ *Phương pháp ứng phó khi xảy ra sự cố:*



Hình 3. 6. Sơ đồ ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất dạng lỏng

Bảng 3. 7. Các bước ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất dạng lỏng

Loại sự cố	Vị trí	Trách nhiệm	Nội dung bước công việc
1. Phát hiện sự cố khẩn cấp			
Rò rỉ, tràn đổ hóa chất tại khu chứa nguyên liệu	Trong khu vực nhà kho	Mọi người	- Khi tình huống khẩn cấp xảy ra bất ngờ thì người phát hiện sự cố phải báo động bằng cách la to để thông báo một cách kịp thời đến cho đồng nghiệp cùng biết, thông báo ngay đến phụ trách bộ phận trong ca. - Nhanh chóng xác định tình hình, thông báo cho đội bảo vệ phát tín hiệu báo động bằng cách nhấn chuông báo động, thông báo trực tiếp cho Đội trưởng đội xử lý sự cố. - Tình huống tràn, đổ, rò rỉ diện rộng hóa chất, dung môi: Nhấn còi báo động liên tục đến khi có lệnh dừng của chỉ huy xử lý sự cố.
2. Tập trung tại địa điểm xảy ra sự cố			
Rò rỉ, tràn đổ hóa chất tại khu chứa nguyên liệu	Trong khu vực nhà kho	Mọi người	- Ngay khi nghe chuông báo động, tất cả mọi người trong đội ứng phó phải tiến hành thủ tục ngừng việc, ngừng máy khẩn cấp và đến địa điểm tập trung. - Đối với các bộ phận sản xuất khi xảy ra sự cố ở bộ phận nào thì phụ trách bộ phận bị sự cố chỉ cử người liên hệ báo động, tất cả người còn lại phải tập trung ứng cứu nhanh, an toàn, tránh lan rộng. - Ở các bộ phận sản xuất khác. Nếu sự cố không ảnh hưởng trực tiếp ngay vị trí làm việc, công nhân bình tĩnh thực hiện ngừng máy khẩn cấp, an toàn mới được rời cương vị về điểm tập trung. Chỉ khi có trường hợp đặc biệt khi có lệnh của chỉ huy xử lý sự cố có thể không ngừng công việc, không cần di chuyển về điểm tập trung.
Rò rỉ, tràn đổ hóa chất tại khu chứa nguyên liệu	Trong khu vực nhà kho	Đội trưởng đội xử lý	- Trong tình huống sự cố tràn đổ dung môi hóa chất, khi tín hiệu báo động, chỉ huy xử lý nhanh chóng xác định thực trạng của tình huống, xác định vị trí sự cố, xác định chủng loại hóa chất bị sự cố trong nhà máy tại thời điểm sự cố. Phân công người, bổ sung hỗ trợ cho các đội nghiệp vụ, điều động người triển khai các biện pháp đối phó. - Chỉ huy xử lý sự cố chỉ định người mang các

Loại sự cố	Vị trí	Trách nhiệm	Nội dung bước công việc
			phương tiện, dụng cụ, trang bị xử lý thích hợp của đơn vị theo tín hiệu báo động. - Cử người mang túi thuốc cấp cứu (nếu có người bị thương).
Rò rỉ, tràn đổ hóa chất tại khu chứa nguyên liệu	Trong khu vực nhà kho	Đội xử lý sự cố trong nhà	Các đội viên đội xử lý sự cố trong bộ phận xảy ra sự cố không cần về điểm tập kết mà ngay từ ban đầu tập trung ứng cứu nhanh để hạn chế sự lan rộng. Khi đến điểm xảy ra sự cố phải mang theo các trang thiết bị bảo vệ cá nhân, các trang bị xử lý như cát, xẻng, chất thấm ẩm,...phù hợp với tín hiệu báo động và thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của chỉ huy xử lý.
Rò rỉ, tràn đổ hóa chất tại khu chứa nguyên liệu	Trong khu vực nhà kho	Bảo vệ	Nhân viên bảo vệ thực hiện các phương án đáp ứng tình huống, báo động, kiểm soát cổng, báo người, giữ an ninh, an toàn cho người và tài sản, phân công người trực tiếp mở cổng.
Rò rỉ, tràn đổ hóa chất tại khu chứa nguyên liệu	Trong khu vực nhà kho	Cán bộ y tế, đội viên cấp cứu	- Trưởng bộ phận y tế (hoặc người được giao về y tế) có trách nhiệm chuẩn bị túi thuốc sơ cấp cứu và đảm bảo túi có đủ thuốc và dụng cụ để sẵn sàng sử dụng khi có tình huống khẩn cấp. Túi cấp cứu này được để tại phòng y tế. - Cán bộ y tế có trách nhiệm phân công, điều động nhân viên hỗ trợ khi cấp cứu nạn nhân. - Đội viên cấp cứu do đội trưởng đội xử lý chỉ định thực hiện ứng cứu, di chuyển người bị nạn tới nơi an toàn (điểm tập trung) theo hướng dẫn, phân công của cán bộ y tế.

3. Triển khai công tác cứu hộ - sơ cứu người và gọi dịch vụ cấp cứu công cộng (nếu có)

Rò rỉ, tràn đổ hóa chất tại khu chứa nguyên liệu	Trong khu vực nhà kho	Đội xử lý sự cố trong nhà máy	- Chỉ huy xử lý tổ chức, phân công các nhân viên bổ sung làm nhiệm vụ cứu hộ thực hiện công tác cứu hộ, đưa những người bị nạn ra khỏi khu vực sự cố đến địa điểm tập trung đã xác định và thông báo cho cấp cứu y tế. - Chú ý trường hợp cứu hộ có sự cố phát sinh hóa chất độc hại những người của đội ứng phó sự cố phải mang thiết bị thở, có phương tiện bảo vệ với hóa chất thích hợp mới được vào hiện trường cứu
--	-----------------------	-------------------------------	---

Loại sự cố	Vị trí	Trách nhiệm	Nội dung bước công việc
			hộ nạn nhân. - Tùy theo từng loại thương tích, thực hiện cấp cứu cho phù hợp, đúng phương pháp tiến hành các biện pháp sơ cứu cho nạn nhân bị thương. Trong trường hợp nặng phải di chuyển bệnh nhân kịp thời đến bệnh viện gần nhất.
4. Thực hiện hành động đối phó – khắc phục			
Rò rỉ, tràn đổ hóa chất tại khu chứa nguyên liệu	Trong khu vực nhà kho	Đội xử lý sự cố trong nhà máy	- Đội viên trong đội ứng phó sự cố trong nhà máy phải nhanh chóng tập trung tại điểm xảy ra sự cố để xử lý. + Kiểm tra, xác định bản chất, đặc điểm của tình huống sự cố tràn đổ. + Trang bị bảo vệ cá nhân như quần áo chống hóa chất (nếu cần thiết), khẩu trang, găng tay... - Cứu hộ người bị nạn đưa ra khỏi nơi nguy hiểm (nếu có). - Xác định phương án khắc phục. - Nhanh chóng xác định loại hóa chất, tính độc hại nguy hiểm, nguyên nhân gây ra sự cố. Tìm cách ngăn chặn sự rò, tràn, đổ tiếp diễn bằng cách dựng đứng phuy chứa dung môi hóa chất đang tràn, đổ để ngăn ngừa sự tràn đổ ra bên ngoài và chuyển hóa chất sang vật chứa khác. - Cách ly các nguồn nhiệt xung quanh khu vực xảy ra sự cố nhằm phòng ngừa sự cố cháy nổ hoặc sự cố khác phát sinh do hóa chất tràn đổ. - Tìm cách vây cô lập hóa chất thoát ra hoặc làm giảm bớt tính nguy hại của hóa chất, an toàn môi trường, sử dụng phương tiện, dụng cụ xử lý thích hợp để thu gom lượng hóa chất thoát ra. Dùng phương pháp cơ học để thu gom hóa chất tràn đổ sử dụng chất thấm như cát, giẻ lau... hút hóa chất để hấp thu lượng hóa chất lỏng không thu được bằng cách quét, hút, múc, thấm, lau... Xử lý hóa chất còn tồn đọng sau khi thu gom đảm bảo an toàn về môi trường tất cả các chất vừa mới sinh ra.
5. Dọn dẹp, vệ sinh sau xử lý			

Loại sự cố	Vị trí	Trách nhiệm	Nội dung bước công việc
Rò rỉ, tràn đổ hóa chất tại khu chứa nguyên liệu	Trong khu vực nhà kho	Đội xử lý sự cố trong nhà máy	Với các sự cố rò rỉ tràn đổ dung môi hóa chất thực hiện xử lý sau khi ngăn chặn cần thu gom phân loại lại và đánh giá mức nguy hiểm để quản lý, hạn chế việc dùng lượng nước xịt rửa làm phát tán chất thải nguy hại vào môi trường gây ô nhiễm môi trường. - Tất cả các dụng cụ xử lý, chất thấm hút, giẻ lau, đất, cát...dùng khi xử lý xong phải được phân loại, dán nhãn đầy đủ và lưu giữ theo quy định. - Dùng nước vừa đủ xịt rửa lên nơi hóa chất tràn đổ nhưng không để cho lượng nước xịt rửa này chảy vào hệ thống thu gom nước mưa, thấm vào đất. - Thu gom, phân loại rác thải và quản lý theo quy định. - Khi đã xong việc dọn dẹp vệ sinh, phụ trách xử lý tiến hành kiểm tra lần cuối và đảm bảo không để sót chất thải nguy hiểm khi chưa được xử lý.
6. Xác nhận tình trạng ứng phó khẩn cấp được xử lý hoàn thành, thông báo kết thúc tình trạng khẩn cấp			
7. Đánh giá mức độ thiệt hại sau sự cố - Khôi phục sau sự cố			
Rò rỉ, tràn đổ hóa chất tại khu chứa nguyên liệu	Trong khu vực nhà kho	Chỉ huy xử lý sự cố, phòng kỹ thuật, phòng kinh doanh	Chỉ huy xử lý, phòng kỹ thuật, phòng kinh doanh, kết hợp thống kê và đánh giá mức độ thiệt hại về người, tài sản và những tác động đáng kể ảnh hưởng của sự cố sau khi sự cố được khắc phục.

c. Đối với sự cố tai nạn lao động

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã và sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp sau đây để phòng ngừa sự cố tai nạn lao động:

- Xây dựng chi tiết các bảng nội quy về an toàn lao động cho từng khâu và từng công đoạn sản xuất;
- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân;
- Trang bị các trang thiết bị và dụng cụ y tế và thuốc men cần thiết để kịp thời ứng cứu sơ bộ trước khi chuyển nạn nhân đến bệnh viện;
- Lên kế hoạch ứng cứu sự cố trong đó xác định những vị trí có khả năng xảy ra sự cố, bố trí nhân sự và trang thiết bị thông tin để đảm bảo thông tin khi có xảy ra sự cố;

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức các buổi huấn luyện về thao tác ứng cứu khẩn cấp, thực hành cấp cứu y tế, sử dụng thành thạo các phương tiện thông tin, địa chỉ liên lạc khi có sự cố;

- Người lao động (kể cả học nghề) trước khi vào làm việc phải được khám sức khỏe; Chủ cơ sở căn cứ vào sức khỏe của người lao động để bố trí việc làm và nghề nghiệp cho phù hợp với sức khỏe của người lao động;

Có kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho công nhân viên ít nhất 1 lần/năm, việc khám sức khỏe được các đơn vị chuyên môn thực hiện và tuân thủ theo quy định tại Thông tư 09/2000/TT-BYT ngày 28/04/2000 của Bộ Y tế hướng dẫn chăm sóc sức khỏe người lao động trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

So với Đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt thì Công ty có sự thay đổi như sau:

STT	Nội dung	Phương án đề xuất trong báo cáo Đề án bảo vệ môi trường	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện	Văn bản đồng ý/ cho phép của cơ quan phê duyệt báo cáo Đề án bảo vệ môi trường
01	Giãn xưởng sản xuất và mở rộng kho chứa nguyên liệu	Không có	Đã xây dựng hoàn chỉnh phần mở rộng nhà xưởng, kho với tổng diện tích 9.574,2 m ² . Trong đó, nhà xưởng, kho 1 với diện tích 2.856m ² ; nhà xưởng, kho 2 với diện tích 2.520 m ² .	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương xác nhận tại văn bản số 3563/STNMT - CCBVMT ngày 29/10/2014.

(Nguồn: Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam), 2022)

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- + Nguồn số 1: nước thải sinh hoạt của công nhân viên tại xưởng 1 với lưu lượng 13,5m³/ngày
- + Nguồn số 2: nước thải sinh hoạt của công nhân viên tại xưởng 3 với lưu lượng 2,7m³/ngày
- + Nguồn số 3: nước thải sinh hoạt của công nhân viên tại văn phòng với lưu lượng 1,8m³/ngày.
- + Nguồn số 4: nước thải tại khu vực nhà ăn với lưu lượng 6 m³/ngày.
- + Nguồn số 5: nước thải sản xuất từ quá trình xử lý bụi keo tại xưởng 3 với lưu lượng 3m³/ngày.
- + Nguồn số 6: nước thải sản xuất từ quá trình xử lý bụi keo tại đầu xưởng 3 với lưu lượng 3m³/ngày.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Bể tự thấm trong nhà máy.

2.2. Vị trí xả nước thải:

Tọa độ: X(m)= 1228836.507; Y(m)= 590347.445 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°. Múi chiều 3°)

2.3. Lưu lượng xả nước thải tối đa: khoảng 60m³/ngày

2.3.1. Phương thức xả nước

- Nước thải sau xử lý đầu nối vào tuyến ống (uPVC, ϕ 114mm) về bể tự thấm trong khuôn viên nhà máy.

2.3.2. Chế độ xả: liên tục (24 giờ)

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

- Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột A

Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm trong nước thải và giới hạn tiếp nhận của khu vực

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn tiếp nhận của khu vực QCVN 40:2011/BTNMT, cột A	Tần suất quan trắc định kì, tự động
1.	pH	-	5,5-9	Thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2.	TSS	mg/l	50	
3.	COD	mg/l	75	
4.	BOD ₅	mg/l	30	
5.	Amoni	mg/l	5	
6.	Tổng Nitơ	mg/l	20	
7.	Tổng Photpho	mg/l	4	
8.	Tổng Dầu mỡ	mg/l	-	
9.	Coliform	MPN/100ml	3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về trạm xử lý nước thải tập trung

- Nguồn số 1: nước thải sinh hoạt của công nhân viên ngoài xưởng 1 với lưu lượng 13,5m³/ngày được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn (bể tự hoại với tổng thể tích 20m³). Nước thải sau bể tự hoại được dẫn bằng đường ống PVC 200mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy công suất 60m³/ngày để xử lý. Nước thải sau xử lý được đưa về bể tự thấm của công ty.

- Nguồn số 2: nước thải sinh hoạt của công nhân viên ngoài xưởng 3 với lưu lượng 2,7m³/ngày được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn (bể tự hoại với tổng thể tích 10m³). Nước thải sau bể tự hoại được công ty giao cho bên Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty Cổ phần nước – môi trường Bình Dương, đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải hầm cầu phát sinh trong quá trình sinh hoạt theo quy định (*thực hiện theo hợp đồng số 2002 – CTHC/HĐ – KT/21 ký ngày 21/12/2021, thời hạn hợp đồng từ 21/12/2021 đến đến 20/12/2023*).

- Nguồn số 3: nước thải sinh hoạt của công nhân viên tại văn phòng với lưu lượng 1,8m³/ngày được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn (bể tự hoại với tổng thể tích 10m³). Nước thải sau bể tự hoại được công ty giao cho bên Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty Cổ phần nước – môi trường Bình Dương, đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải hầm cầu phát sinh trong quá trình sinh hoạt theo quy định (*thực hiện*

theo hợp đồng số 2002 – CTHC/HĐ – KT/21 ký ngày 21/12/2021, thời hạn hợp đồng từ 21/12/2021 đến đến 20/12/2023).

- Nguồn số 4: nước thải tại khu vực nhà ăn với lưu lượng $6\text{m}^3/\text{ngày}$ được thu gom qua ống nhựa HDPE đường kính D100 về bể tách mỡ (thể tích 6m^3) để tiền xử lý, qua hố bơm thu gom, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy công suất $60\text{m}^3/\text{ngày}$ để xử lý.

- Nguồn số 5: nước thải sản xuất từ quá trình xử lý bụi keo tại xưởng 3 với lưu lượng $3\text{m}^3/\text{ngày}$ được thu gom qua ống PVC đường kính D60-114, về các hố bơm thu gom và sau đó về hệ thống xử lý nước thải công suất $60\text{m}^3/\text{ngày}$ để xử lý.

- Nguồn số 6: nước thải sản xuất từ quá trình xử lý bụi keo tại đầu xưởng 3 với lưu lượng $3\text{m}^3/\text{ngày}$ được thu gom qua ống PVC đường kính D60-114, về các hố bơm thu gom và sau đó về hệ thống xử lý nước thải công suất $60\text{m}^3/\text{ngày}$ để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt công nghệ xử lý: Nước thải từ các nguồn số 5,6 → Hố bơm thu gom nước thải sản xuất → Bể keo tụ + lắng → Bể điều hòa chung với nước thải sinh hoạt từ các nguồn số 1,4 → Bể kỵ khí → Bể Mulbio → Bể Lắng → Bể trung gian → Thiết bị lọc áp lực → Bể trung gian → Xả vào bể tự thấm của công ty.

- Công suất thiết kế: $60\text{m}^3/\text{ngày}$.

- Hóa chất sử dụng: NaOH, PAC, Polymer, Clorin.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy định, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thay thế.

- Bố trí nhân viên vận hành hệ thống xử lý, theo dõi và ghi chép nhật ký vận hành.

- Định kỳ vệ sinh các bồn bể, thu gom bùn để tránh tắc nghẽn, đảm bảo khả năng lưu chứa và xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: Cơ sở thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (theo quy định tại điều 46 Luật bảo vệ môi trường năm 2020 và điểm b khoản 6 điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của chính phủ ngày 10/01/2022).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung: $60\text{m}^3/\text{ngày}$.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại đầu ra của bể xả thải (bể chứa nước thải sau xử lý)

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm: theo nội dung mục 2.3.3 phần A.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ

Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của chính phủ ngày 10/01/2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của chính phủ ngày 10/01/2022.

3.4. Trước khi kết thúc vận hành nghiệm 30 ngày, chủ đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải ra môi trường và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.7. Thực hiện đúng quy định tại điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của chính phủ ngày 10/01/2022.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- + Nguồn số 1: khí thải từ công đoạn khoan CNC 1 (xưởng 1)
- + Nguồn số 2: khí thải từ công đoạn khoan CNC 2 (xưởng 1)
- + Nguồn số 3: khí thải từ công đoạn khoan CNC 3 (xưởng 1)
- + Nguồn số 4: khí thải từ công đoạn khoan tự động 1 (xưởng 1)
- + Nguồn số 5: khí thải từ công đoạn khoan tự động 2 (xưởng 1)
- + Nguồn số 6: khí thải từ công đoạn khoan tự động 3 (xưởng 1)
- + Nguồn số 7: khí thải từ công đoạn khoan tự động 4 (xưởng 1)
- + Nguồn số 8: khí thải từ công đoạn bo CNC 1 (xưởng 1)
- + Nguồn số 9: khí thải từ công đoạn bo CNC 2 (xưởng 1)
- + Nguồn số 10: khí thải từ công đoạn cắt 1 (xưởng 1)
- + Nguồn số 11: khí thải từ công đoạn cắt 2 (xưởng 1)
- + Nguồn số 12: khí thải từ công đoạn cắt 3 (xưởng 1)
- + Nguồn số 13: khí thải từ công đoạn cắt 4 (xưởng 1)
- + Nguồn số 14: khí thải từ công đoạn cắt 5 (xưởng 1)
- + Nguồn số 15: khí thải từ công đoạn dán cạnh 1 (xưởng 1)
- + Nguồn số 16: khí thải từ công đoạn dán cạnh 2 (xưởng 1)
- + Nguồn số 17: khí thải từ công đoạn dán cạnh 3 (xưởng 1)

- + Nguồn số 18: khí thải từ công đoạn dán cạnh 4 (xưởng 1)
- + Nguồn số 19: khí thải từ công đoạn dán cạnh 5 (xưởng 1)
- + Nguồn số 20: khí thải từ công đoạn dán cạnh 6 (xưởng 1)
- + Nguồn số 21: khí thải từ công đoạn khoan CNC 1 (xưởng 2)
- + Nguồn số 22: khí thải từ công đoạn khoan CNC 2 (xưởng 2)
- + Nguồn số 23: khí thải từ công đoạn khoan CNC 3 (xưởng 2)
- + Nguồn số 24: khí thải từ công đoạn khoan CNC 4 (xưởng 2)
- + Nguồn số 25: khí thải từ công đoạn khoan CNC 5 (xưởng 2)
- + Nguồn số 26: khí thải từ công đoạn khoan CNC 6 (xưởng 2)
- + Nguồn số 27: khí thải từ công đoạn khoan wellane 1 (xưởng 2)
- + Nguồn số 28: khí thải từ công đoạn khoan wellane 2 (xưởng 2)
- + Nguồn số 29: khí thải từ công đoạn khoan wellane 3 (xưởng 2)
- + Nguồn số 30: khí thải từ công đoạn khoan ngăn kéo 1 (xưởng 2)
- + Nguồn số 31: khí thải từ công đoạn khoan ngăn kéo 2 (xưởng 2)
- + Nguồn số 32: khí thải từ công đoạn khoan tự động 1 (xưởng 2)
- + Nguồn số 33: khí thải từ công đoạn khoan tự động 2 (xưởng 2)
- + Nguồn số 34: khí thải từ công đoạn khoan tự động 3 (xưởng 2)
- + Nguồn số 35: khí thải từ công đoạn khoan tự động 4 (xưởng 2)
- + Nguồn số 36: khí thải từ công đoạn khoan tự động 5 (xưởng 2)
- + Nguồn số 37: khí thải từ công đoạn khoan đứng 1 (xưởng 2)
- + Nguồn số 38: khí thải từ công đoạn khoan đứng 2 (xưởng 2)
- + Nguồn số 39: khí thải từ công đoạn khoan đứng 3 (xưởng 2)
- + Nguồn số 40: khí thải từ công đoạn khoan đứng 4 (xưởng 2)
- + Nguồn số 41: khí thải từ công đoạn khoan đứng 5 (xưởng 2)
- + Nguồn số 42: khí thải từ công đoạn khoan đứng 6 (xưởng 2)
- + Nguồn số 43: khí thải từ công đoạn khoan đứng 7 (xưởng 2)
- + Nguồn số 44: khí thải từ công đoạn cắt phôi 1 (xưởng 2)
- + Nguồn số 45: khí thải từ công đoạn cắt phôi 2 (xưởng 2)
- + Nguồn số 46: khí thải từ công đoạn cắt phôi 3 (xưởng 2)
- + Nguồn số 47: khí thải từ công đoạn cắt phôi 4 (xưởng 2)
- + Nguồn số 48: khí thải từ công đoạn cắt phôi 5 (xưởng 2)
- + Nguồn số 49: khí thải từ công đoạn cắt phôi 6 (xưởng 2)
- + Nguồn số 50: khí thải từ công đoạn cắt phôi 7 (xưởng 2)
- + Nguồn số 51: khí thải từ công đoạn bo dán cạnh tự động (xưởng 2)
- + Nguồn số 52: khí thải từ công đoạn cắt phôi 7 (xưởng 2)
- + Nguồn số 53: khí thải từ công đoạn dán cạnh tự động 1 (xưởng 2)
- + Nguồn số 54: khí thải từ công đoạn dán cạnh tự động 2 (xưởng 2)
- + Nguồn số 55: khí thải từ công đoạn dán cạnh tự động 3 (xưởng 2)
- + Nguồn số 56: khí thải từ công đoạn bo tạt (xưởng 2)

- + Nguồn số 57: khí thải từ công đoạn cắt phôi 1 (xưởng 3)
- + Nguồn số 58: khí thải từ công đoạn cắt phôi 2 (xưởng 3)
- + Nguồn số 59: khí thải từ công đoạn cắt phôi 3 (xưởng 3)
- + Nguồn số 60: khí thải từ công đoạn cắt phôi 4 (xưởng 3)
- + Nguồn số 61: khí thải từ công đoạn cắt phôi 5 (xưởng 3)
- + Nguồn số 62: khí thải từ công đoạn cắt phôi 6 (xưởng 3)
- + Nguồn số 63: khí thải từ công đoạn chà nhám tam giác (xưởng 3)
- + Nguồn số 64: khí thải từ công đoạn cắt khung (xưởng 3)
- + Nguồn số 65: khí thải từ công đoạn cắt góc (xưởng 3)
- + Nguồn số 66: khí thải từ công đoạn cắt rãnh (xưởng 3)
- + Nguồn số 67: khí thải từ công đoạn dán giấy 1 (xưởng 3)
- + Nguồn số 68: khí thải từ công đoạn dán giấy 2 (xưởng 3)
- + Nguồn số 69: khí thải từ công đoạn phun keo 1 (xưởng 3)
- + Nguồn số 70: khí thải từ công đoạn phun keo 2 (đầu xưởng 3)

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- + Dòng khí thải số 1: tương ứng ống xả số 01 (nguồn số 1 đến nguồn số 68), tọa độ vị trí xả khí thải: $X=1228739.164$; $Y=590258.801$
- + Dòng khí thải số 2: tương ứng ống xả số 02 (nguồn số 69), tọa độ vị trí xả khí thải: $X=1228760.507$; $Y=590420.185$
- + Dòng khí thải số 3: tương ứng ống xả số 03 (nguồn số 70), tọa độ vị trí xả khí thải: $X=1228847.472$; $Y=590422.977$
- + Dòng khí thải số 4: tương ứng ống xả số 04 (nguồn số 70), tọa độ vị trí xả khí thải: $X=1228847.472$; $Y=590422.977$

2.2. Lưu lượng xả khí tối đa:

- + Dòng khí thải số 1: lưu lượng xả khí thải lớn nhất $500\text{m}^3/\text{h}$
- + Dòng khí thải số 2: lưu lượng xả khí thải lớn nhất $500\text{m}^3/\text{h}$
- + Dòng khí thải số 3: lưu lượng xả khí thải lớn nhất $500\text{m}^3/\text{h}$
- + Dòng khí thải số 4: lưu lượng xả khí thải lớn nhất $500\text{m}^3/\text{h}$

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- + Dòng khí thải số 1: Khí thải được thu gom và thoát qua ống xả trên vách tường nhà xưởng 3. Thời gian xả khí thải: Liên tục 24/24 giờ.
- + Dòng khí thải số 2: Khí thải được thu gom và thoát qua ống xả trên vách tường nhà xưởng 3. Thời gian xả khí thải: Liên tục 24/24 giờ.
- + Dòng khí thải số 3: Khí thải được thu gom và thoát qua ống xả trên nóc nhà. Thời gian xả khí thải: Liên tục 24/24 giờ.
- + Dòng khí thải số 4: Khí thải được thu gom và thoát qua ống xả trên nóc nhà. Thời gian xả khí thải: Liên tục 24/24 giờ.

2.2.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất vô cơ trước khi xả thải ra môi trường, cụ thể:

STT	Tên nguồn thải	Đơn vị tính	Giá trị cho phép	Tần suất quan trắc định kì	Quan trắc tự động, liên tục
I.	Dòng khí thải số 01			3 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động, liên tục theo khoản 2 điều 98 nghị định số 08/2022/NĐ-CP
1.	Lưu lượng	mg/Nm ³	-		
2.	Bụi	mg/Nm ³	200		
II.	Dòng khí thải số 2				
1.	Lưu lượng	mg/Nm ³	-		
2.	Bụi	mg/Nm ³	200		
III.	Dòng khí thải số 3				
1.	Lưu lượng	mg/Nm ³	-		
2.	Bụi	mg/Nm ³	200		
IV	Dòng khí thải số 4				
3.	Lưu lượng	mg/Nm ³	-		
4.	Bụi	mg/Nm ³	200		

- Tần suất quan trắc định kỳ: thực hiện đúng theo quy định tại điều 98 nghị định 08/2022/NĐ-CP

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01 đến nguồn số 68: được thu gom thông qua theo đường ống và xả ra môi trường thông qua miệng thoát khí thải; kích thước cửa xả: dài x rộng = 0,5m x 0,3m.

- Nguồn số 69: được thu gom thông qua theo đường ống và xả ra môi trường thông qua miệng thoát khí thải trên vách tường xưởng 3; kích thước cửa xả: đường kính D500.

- Nguồn số 70: được thu gom thông qua theo đường ống và xả ra môi trường thông qua miệng thoát khí thải trên đầu xưởng 3; kích thước cửa xả: đường kính D500

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Bụi gỗ → Chụp hút → Ống nhánh → Ống chính → Quạt hút → Cyclone thu gom tập trung và xử lý bụi → Thiết bị lọc bụi túi vải → Nhà thu bụi gỗ.

- Bụi keo → hệ thống xử lý bụi bằng màng nước → ống phát thải → môi trường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kì quạt hút và đường ống thu gom khí thải; dự phòng thiết bị để thay thế khi các thiết bị hỏng hóc.

- Trường hợp công trình, thiết bị gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động để thay thế, sửa chữa hoặc các trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở thuộc đối tượng phải vận hành công trình xử lý khí thải (theo quy định tại khoản 4 điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của chính phủ ngày 10/01/2022.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kì thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.2.2 phần A này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: máy phát điện 461kW
- Nguồn số 2: máy phát điện 565kW
- Nguồn số 3: Khu vực máy cắt
- Nguồn số 4: Khu vực máy khoan

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn và độ rung

- Nguồn số 1: tọa độ X= 1228719.376 ; Y= 590325.011
- Nguồn số 2: tọa độ X= 1228775.537 ; Y= 590410.735
- Nguồn số 3: tọa độ X= 1228738.994 ; Y= 590307.963
- Nguồn số 4: tọa độ X= 1228711.779 ; Y= 590355.379

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung: Đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kì	Ghi chú
1.	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kì	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1.	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.
- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với thiết bị có công suất lớn, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- 2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.
- 2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

A. Quản lý chất thải

1. Khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh

Bảng 4. 2. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại (rắn, lỏng, bùn)	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1.	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	18
2.	Cặn keo thải	Lỏng	08 03 01	1.200
3.	Dầu nhớt thải	Lỏng	17 02 04	240
4.	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	24
5.	Giẻ lau dính dầu nhớt, hóa chất	Rắn	18 02 01	960

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại (rắn, lỏng, bùn)	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
6.	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 04	360
7.	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	240
8.	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	240
9.	Pin, ắc qui chì thải	Rắn	19 06 01	18
10.	Bùn thải từ HTXL nước thải	Bùn	12 06 06	10.000
Tổng				13.300

Bảng 4. 3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1.	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	200
2.	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	600
3.	Ván vụn, mạt cưa	3.600
4.	Bùn thải từ bể tự hoại	9.000
Tổng		13.400

Bảng 4. 4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1.	Chất thải rắn sinh hoạt	64.000

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị thùng phuy có nắp đậy

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 10m²

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông gạch vỡ để chống thấm, có rãnh và hố thu dầu và hóa chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã CTNH, các thùng chứa chất lỏng như thùng

phuy đựng nước lẫn dầu, thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ lau, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Diện tích: 10m²

- Thiết kế, cấu tạo: Kho được dán nhãn khu vực chứa chất thải không nguy hại. Tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông gạch vỡ để chống thấm. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: các thùng nhựa có nắp đậy tại các khu vực xưởng sản xuất, khu văn phòng, khu nhà ăn.

- Diện tích: 4m²

- Hằng ngày, nhân viên thu gom rác của nhà máy về khu tập trung rác sinh hoạt.

B. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 phù hợp với nội dung phòng ngừa sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố môi trường khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

4.5. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất.

- Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

- Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.
- Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.
- Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Để giám sát chất lượng nước thải, Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) đã kết hợp với các đơn vị có chức năng quan trắc môi trường như Trung tâm Phân tích và Đo đạc Môi trường Phương Nam hoặc Trung tâm Nghiên cứu Dịch vụ Công nghệ và Môi trường tiến hành quan trắc chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý.

- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần.

- Thời gian quan trắc:

Năm 2020:

+ Đợt 1: 18/03/2020.

+ Đợt 2: 18/05/2020.

+ Đợt 3: 11/08/2020.

+ Đợt 4: 04/11/2020.

Năm 2021:

+ Đợt 1: 31/03/2021.

+ Đợt 2: 03/06/2021.

+ Đợt 3: 23/10/2021.

+ Đợt 4: 11/12/2021.

Năm 2022:

+ Đợt 1: 29/03/2022.

+ Đợt 2: 30/05/2022.

+ Đợt 3: 13/09/2022.

- Vị trí, số lượng mẫu quan trắc:

Bảng 5. 1. Thống kê vị trí điểm quan trắc nước thải

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Mô tả điểm quan trắc
1	Điểm quan trắc 1	NT01	3 tháng/lần	Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải

- Thông số quan trắc:

Bảng 5. 2. Danh mục thông số quan trắc nước thải

STT	Thành phần môi trường quan trắc	Theo QCVN
Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải		
1	pH	QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột A
2	COD	
3	BOD ₅	
4	TSS	
5	Tổng Nito	
6	Tổng Photpho	
7	Tổng dầu mỡ	
8	Coliform	

- Nhận xét đánh giá kết quả quan trắc:

Bảng 5. 3. Kết quả quan trắc nước thải sau hệ thống xử lý nước thải

S T T	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Thông số							
			pH	COD	BOD ₅	TSS	Tổng Nito	Tổng Photpho	Tổng dầu mỡ	Coliform
			-	mg/l						MPN/100ml
1	NT01 (năm 2020)	Đợt 1/2020	6,56	31	14	5	1,2	0,07	< 0,3	1,5x10 ²
		Đợt 2/2020	6,66	23	11	6	13,6	2,42	0,3	2,6x10 ³
		Đợt 3/2020	6,84	25	11	<5	1,5	0,1	<0,3	<3
		Đợt 4/2020	6,83	47	20	18	12,6	2,46	0,5	2,6x10 ³
2	NT01 (năm 2021)	Đợt 1/2021	6,88	23	10	9	15	1,03	<0,3	2,1x10 ³
		Đợt 2/2021	6,91	45	19	15	14,3	1,4	0,4	2,1x10 ³
		Đợt 3/2021	6,2	38,4	14,5	8,0	6,9	1,93	KPH	2,3x10 ³
		Đợt 4/2021	6,5	40,1	15,2	9,4	7,2	1,06	KPH	2,0x10 ³
3	NT01 (năm 2022)	Đợt 1/2022	6,1	41,1	16,5	11	11,6	2,16	KPH	2,88x10 ³
		Đợt 2/2022	6,9	28	13,3	11	10,3	2,02	4,3	2,3x10 ³
		Đợt 3/2022	6,9	36,2	14,1	9,6	10	0,91	1,7	2,07 x10 ³
QCVN 40: 2011/BTNMT cột A với K _d =0.6, K _f =1			5,5 – 9	75	30	50	20	4	-	3000

(Nguồn: Trung tâm Phân tích và Đo đạc Môi trường Phương Nam hoặc Trung tâm Nghiên cứu Dịch vụ Công nghệ và Môi trường, 2020, 2021, 2022)

Ghi chú:

NT01: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của Công ty.

Kết luận: Qua bảng kết quả phân tích cho thấy tất cả các chỉ tiêu phân tích chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của Công ty qua 4 đợt quan trắc năm 2020 đều đạt QCVN 40: 2011/BTNMT cột A với $K_q=0,6$, $K_f=1$.

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí xung quanh

Thời gian quan trắc:

Năm 2020:

+ Đợt 2: 18/05/2020.

+ Đợt 4: 04/11/2020.

Năm 2021:

+ Đợt 2: 03/06/2021.

+ Đợt 4: 11/12/2021.

Năm 2022:

+ Đợt 2: 30/05/2022.

- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần.

Vị trí, số lượng mẫu quan trắc:

Bảng 5. 4. Thống kê vị trí điểm quan trắc môi trường không khí xung quanh

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Mô tả điểm quan trắc
1	Điểm quan trắc 1	XQ01	6 tháng/năm	Khu vực cổng bảo vệ
2	Điểm quan trắc 2	XQ02		Khu vực bên ngoài xưởng sản xuất

- Thông số quan trắc:

Bảng 5. 5. Danh mục thông số quan trắc khí thải

STT	Thành phần môi trường quan trắc	Theo QCVN
1	Tiếng ồn	QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
2	Bụi	

STT	Thành phần môi trường quan trắc	Theo QCVN
3	SO ₂	QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
4	NO ₂	
5	CO	

- Nhận xét đánh giá kết quả quan trắc:

Bảng 5. 6. Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh

STT	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Thông số				
			Tiếng ồn	Bụi	SO ₂	NO ₂	CO
			dBA	µg/m ³			
1	XQ01	18/05/2020	54,6	150	90	120	5.400
		04/11/2020	56,3	120	50	75	< 4.500
2	XQ02	18/05/2020	62,2	230	110	120	6.200
		04/11/2020	66,8	180	60	90	< 4.500
3	XQ01	03/06/2021	55,3	110	60	80	< 4.500
		11/12/2021	59,2	140	58	71	4.300
4	XQ02	03/06/2021	62,7	210	80	100	5.800
		11/12/2021	65,7	190	72	78	5.630
5	XQ01	30/05/2022	59,7	0,15	0,052	0,058	5,12
	XQ02	30/05/2022	65,1	0,18	0,068	0,073	5,74
QCVN 05:2013/BTNMT			-	300	350	200	30.000
QCVN 26:2010/BTNMT			70	-	-		-

(Nguồn: Trung tâm Phân tích và Đo đạc Môi trường Phương Nam hoặc Trung tâm Nghiên cứu Dịch vụ Công nghệ và Môi trường, 2022)

Ghi chú:

QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Kết luận: Kết quả phân tích ta thấy tất cả các chỉ tiêu phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh của Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) đều tốt, các thông số giám sát tại các vị trí đều đạt quy chuẩn cho phép QCVN 05:2013/BTNMT. Độ ồn nằm trong mức độ cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

Theo khoản 4, điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường các công trình xử lý chất thải của cơ sở thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm. Kế hoạch vận hành thử nghiệm của cơ sở cụ thể như sau:

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Bảng 6. 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của cơ sở

STT	Công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của cơ sở	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
1.	Sau hệ thống xử lý nước thải	01/2023	03/2023	30 m ³ /ngày
2.	Hệ thống xử lý bụi từ quá trình gia công gỗ	01/2023	03/2023	20.000 m ³ /h
3.	Hệ thống xử lý bụi 1 từ quá trình phun keo xưởng 3	01/2023	03/2023	20.000 m ³ /h
4.	Hệ thống xử lý bụi 2 từ quá trình phun keo đầu xưởng 3	01/2023	03/2023	20.000 m ³ /h

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại Cột 3, Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, do đó không thực hiện quan trắc chất thải theo quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Việc quan trắc chất thải được Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể: Thực hiện lấy 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

Bảng 6. 2. Dự kiến kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý chất thải.

Hạng mục	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc	Tần suất quan trắc	Thời gian quan trắc	Số lượng mẫu	Quy chuẩn so sánh
Hệ thống xử lý nước thải tập trung	Đầu ra của HTXL nước thải.	pH, BOD5, COD, TSS, Tổng N, tổng P, Amoni, dầu mỡ khoáng, Coliform	1 ngày/lần	- Lần 1: Ngày đầu tiên của giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý; - Lần 2: Ngày kế tiếp kể từ ngày lấy mẫu lần 1; - Lần 3: Ngày kế tiếp kể từ ngày lấy mẫu lần 2.	3 mẫu đơn	QCVN 40: 2011/BTNMT cột A với $K_q=0,6$, $K_t=1$
HTXL bụi từ quá trình phun keo 1 ở xưởng 3	Ống thải của HTXL	Lưu lượng, bụi tổng	1 ngày/lần	- Lần 1: Ngày đầu tiên của giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý; - Lần 2: Ngày kế tiếp kể từ ngày lấy mẫu lần 1; - Lần 3: Ngày kế tiếp kể từ ngày lấy mẫu lần 2.	3 mẫu đơn	QCVN 19:2009/BTNMT, (cột B, $k_p=0,8$; $k_v=0,8$)
HTXL bụi từ quá trình phun keo 2	Ống thải của HTXL	Lưu lượng, bụi tổng	1 ngày/lần	- Lần 1: Ngày đầu tiên của giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý;	3 mẫu đơn	QCVN 19:2009/BTNMT, (cột B, $k_p=0,8$; $k_v=0,8$)

Hạng mục	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc	Tần suất quan trắc	Thời gian quan trắc	Số lượng mẫu	Quy chuẩn so sánh
ở đầu xường 3				- Lần 2: Ngày kế tiếp kể từ ngày lấy mẫu lần 1; - Lần 3: Ngày kế tiếp kể từ ngày lấy mẫu lần 2.		

1.4- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch.

- + Tên đơn vị: Trung tâm Phân tích và Đo đạc Môi trường Phương Nam
- + Điện thoại: 028 62 61 9691
- + Địa chỉ: Số 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, Bình Chánh, Tp.HCM
- + Trung tâm Phân tích và Đo đạc Môi trường Phương Nam đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện quan trắc môi trường số VIMCERTS-075 của Bộ TNMT.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

Kế hoạch quan trắc môi trường của cơ sở khi đi vào hoạt động được trình bày chi tiết trong bảng sau:

Bảng 6. 3. Tổng hợp chương trình quan trắc môi trường định kỳ của cơ sở

Nội dung giám sát	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc	Tần suất quan trắc	Quy chuẩn so sánh/văn bản hướng dẫn
Nước thải	1 điểm tại hố ga đầu nổi nước thải của cơ sở với bể tự thấm.	pH, TSS, BOD ₅ , COD, Tổng N, Tổng P, dầu mỡ khoáng, Amoni, Coliform.	3 tháng/lần	QCVN 40: 2011/BTNMT cột A với K _q =0,6, K _f =1

Khí thải	3 điểm tại đầu ra 2 HTXL bụi quá trình phun keo	Lưu lượng, bụi tổng	3 tháng/lần	QCVN 19:2009/BTNMT, (cột B, $k_p = 0,8$; $k_v = 0,8$)
Chất thải rắn và CTNH	Khu chứa rác sinh hoạt	Khối lượng	Thường xuyên và liên tục	Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019
	Khu chứa chất thải rắn công nghiệp không nguy hại	Khối lượng, thành phần		
	Khu chứa CTNH	Khối lượng, thành phần		

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục chất thải.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Bảng 6. 4. Kinh phí quan trắc môi trường của cơ sở

Tên mẫu	Đơn giá phân tích (VNĐ)	Tần suất (lần/năm)	Tổng tiền (VNĐ)
Quan trắc không khí xung quanh	760.000	4 lần	3.040.000
Quan trắc nước thải	3.250.000	4 lần	13.000.000
Nước ngầm	1.710.000	2 lần	3.420.000
Giám sát chất thải rắn thông thường, CTNH	4.000.000	Thường xuyên, liên tục	4.000.000
Tổng hợp, viết báo cáo	2.000.000	-	2.000.000
Tổng cộng	11.720.000		25.460.000

Chương VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 02 năm vận hành gần nhất trước thời điểm lập báo cáo đề nghị cấp Giấy phép môi trường (năm 2022), Nhà máy sản xuất đồ gỗ gia dụng của Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) không có các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của các cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở. Nhà máy cũng thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường đối với cơ sở nên không có vi phạm nào về bảo vệ môi trường.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) cam kết về tính trung thực, chính xác của số liệu; thông tin về cơ sở, các vấn đề về môi trường của cơ sở được trình bày trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.

Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) cam kết thực hiện nghiêm túc các phương án giảm thiểu tác động, cam kết xử lý các chất thải đạt tiêu chuẩn và quy chuẩn hiện hành về môi trường như đã nêu trong bản báo cáo. Các nội dung cam kết cụ thể như sau:

- Chủ cơ sở cam kết việc vận hành các công trình xử lý ô nhiễm của cơ sở, tuân theo các quy định và tiêu chuẩn về môi trường Việt Nam hiện hành và vận hành các công trình xử lý ô nhiễm thường xuyên trong giai đoạn hoạt động.
- Chất thải rắn phát sinh tại nhà xưởng được thu gom và xử lý theo đúng Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.
- Cam kết không sử dụng các loại hóa chất, chủng vi sinh bị cấm theo quy định của Việt Nam và các công ước quốc tế.
- Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm như đã đề ra trong báo cáo trong suốt quá trình hoạt động cho tới khi kết thúc cơ sở.
- Cam kết trong quá trình hoạt động của cơ sở, nếu vi phạm công ước quốc tế, các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam và để xảy ra các sự cố môi trường thì Chủ cơ sở hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Trong quá trình hoạt động luôn đảm bảo không để xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến môi trường và con người tại khu vực. Chủ cơ sở cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

Phụ lục 1: Các giấy tờ pháp lý liên quan đến cơ sở

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;
- Giấy tờ về đất đai.

Phụ lục 2: Các sơ đồ, bản vẽ, biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình BVMT

- Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải.
- Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường đối với nước thải.
- Sơ đồ phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Quy trình đáp ứng tình huống khẩn cấp

Phụ lục 3: Sơ đồ vị trí lấy mẫu và các kết quả quan trắc môi trường

- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;
- Các phiếu kết quả đo đạc, phân tích mẫu môi trường ít nhất là 03 đợt khảo sát;
- Bản sao Báo cáo đề án bảo vệ môi trường.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



GIẤY ỦY QUYỀN

Số: 002FR/2020

Hôm nay, Ngày 01 Tháng 07 Năm 2020, tại trụ sở CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)

thuộc xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, tôi đứng tên dưới đây:

Họ và tên: WANG, CHEN YUAN

Sinh ngày : 31-10-1977

Quốc tịch: Đài Loan

Hộ chiếu số: 308920758, cấp ngày 09/04/2014 tại Đài Loan

Trụ tại: Xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Là người đại diện theo pháp luật của: Công ty TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)

GCNDT số: 461043000618 do chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 01/03/2010.

Chứng nhận này thay đổi lần thứ 2 ngày 20/06/2014.

Giấy phép đầu tư gốc số 225/GP-BD ngày 11/10/2002

Mã số doanh nghiệp: 3700460713 do Sở Kế Hoạch & Đầu Tư Bình Dương, Cấp đăng ký thay đổi lần 3 ngày 11/09/2017 (cấp đổi nội dung đăng ký kinh doanh trên giấy chứng nhận đầu tư số 461043000618, từ ngày 11/09/2017)

Địa chỉ: Xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Bằng giấy ủy quyền này, tôi ủy quyền cho:

Ông: HSIEH, FA KUANG

Sinh ngày: 10/11/1962

Hộ chiếu số: 309093260 do Đài Loan cấp ngày 08/05/2014..

Chức vụ: Phó Tổng giám Đốc Thứ II của Công Ty TNHH Frama Group (Việt Nam) .

Những vấn đề ủy quyền gồm:

-Được đại diện Công Ty ký toàn bộ các hợp đồng, các hồ sơ có liên quan đến hoạt động của Công Ty.

-Đại diện Công Ty làm việc và giải quyết các vấn đề của Công Ty liên quan đến các sở, ban, ngành cơ quan nhà nước các cấp...

Giấy ủy quyền này có giá trị kể từ ngày ký

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung ủy quyền và pháp luật Việt Nam.

Rất mong nhận được sự giúp đỡ của quý cơ quan. Chân thành cảm ơn.

Trân trọng kính chào!

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

HSIEH, FA KUANG

NGƯỜI ỦY QUYỀN
TỔNG GIÁM ĐỐC



WANG, CHEN YUAN

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BÌNH DƯƠNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số: 461043000618

Chứng nhận lần đầu: ngày 01 tháng 3 năm 2010

Chứng nhận thay đổi lần thứ 2: ngày 20 tháng 6 năm 2014

(Giấy phép đầu tư gốc số 225/GP-BD ngày 11 tháng 10 năm 2002)

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 và Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Xét Bản đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư và hồ sơ kèm theo của CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP VIỆT NAM) nộp ngày 10/6/2014;

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Chứng nhận nhà đầu tư FRAMA GROUP CO., LTD; Giấy chứng nhận thành lập số 507403, cấp ngày 31 tháng 7 năm 2002; nơi cấp Lãnh thổ British Virgin Islands; địa chỉ trụ sở chính P.O.Box 961, Road Town, Tortola, British Virgin Islands;

Đại diện bởi: Ông WANG CHEN YUAN; sinh ngày 31 tháng 10 năm 1977; quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan) hộ chiếu số 211916602, cấp ngày 12 tháng 01 năm 2005; nơi cấp Bộ Ngoại giao Đài Loan; địa chỉ thường trú No. 463, Tatun Road, 10H, Taichung, Taiwan; nơi ở hiện nay xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư với nội dung sau:

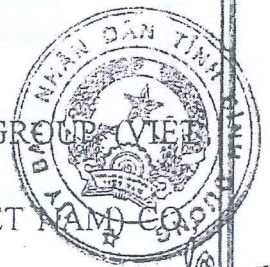
Thay đổi địa chỉ trụ sở chính và địa điểm thực hiện dự án do Nhà nước thay đổi tên gọi đơn vị hành chính.

Điều 1: Nội dung đăng ký kinh doanh:

1. Tên doanh nghiệp:

Tên bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM).

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: FRAMA GROUP (VIET NAM) LTD.



Doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và phải mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật Việt Nam

2. Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH một thành viên.

3. Địa chỉ trụ sở chính: xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

4. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Mã ngành	Tên ngành
01		Sản xuất các loại ván gỗ, ván trang trí.
02		Sản xuất chi tiết và thành phẩm đồ gỗ văn phòng và gia dụng.

5. Vốn điều lệ: 2.600.000 (hai triệu sáu trăm ngàn) đô la Mỹ.

6. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: Ông WANG CHEN YUAN; sinh ngày 31 tháng 10 năm 1977; quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan) hộ chiếu số 211916602, cấp ngày 12 tháng 01 năm 2005; nơi cấp Bộ Ngoại giao Đài Loan; địa chỉ thường trú No. 463, Tatun Road, 10H, Taichung, Taiwan; nơi ở hiện nay xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc.

Điều 2: Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT XUẤT ĐỒ GỖ.

2. Địa điểm thực hiện dự án: xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; Diện tích đất sử dụng 48.790,3m².

3. Mục tiêu và quy mô của dự án: Sản xuất các loại ván gỗ, ván trang trí, chi tiết và thành phẩm đồ gỗ văn phòng và gia dụng.

Quy mô của dự án: Sản lượng 4.000.000 sản phẩm/năm.

4. Tổng vốn đầu tư: 3.900.000 (ba triệu chín trăm ngàn) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 2.600.000 (hai triệu sáu trăm ngàn) đô la Mỹ.

Tiền độ góp vốn: Đã góp đủ.

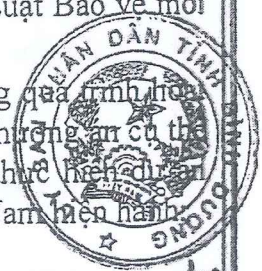
5. Thời hạn hoạt động của dự án là 50 (năm mươi) năm, kể từ ngày 11 tháng 10 năm 2002.

6. Tiến độ thực hiện dự án: Đã hoạt động ổn định.

7. CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM) thực hiện các quy định đối với dự án đầu tư như sau:

a) Nhà đầu tư có trách nhiệm tuân thủ theo các quy định về bảo vệ môi trường của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

b) Nhà đầu tư phải thực hiện việc xử lý nước thải trong quá trình hoạt động, đảm bảo không ảnh hưởng tới môi trường sống và có phương án cụ thể đáp ứng các yêu cầu về phòng chống cháy nổ tại địa điểm thực hiện dự án trong quá trình hoạt động theo đúng quy định pháp luật Việt Nam hiện hành.



c) Mức thuế thu nhập, thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

d) Thuế xuất nhập khẩu đối với hàng hóa của doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

e) Tiền thuê đất hàng năm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Điều 3:

Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 02 (hai) bản gốc; một bản cấp cho doanh nghiệp và một bản lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.



CHỦ TỊCH

Lê Thanh Cung

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực.....18869/02.....Quyển số.....SCT/BS

Ng 01/Th 07/N 14/20.....

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP



Đoàn Đình Hữu

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3700460713

Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 03 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 11 tháng 09 năm 2017

(Cấp đổi nội dung đăng ký kinh doanh trên Giấy chứng nhận đầu tư số
461043000618, từ ngày 11/09/2017)

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FRAMA GROUP (VIET NAM) CO., LTD

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Ấp An Mỹ, Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: (0274) 3566.511-513

Fax: (0274) 3566.864

Email:

Website: <http://www.frama.com.tw>

3. Vốn điều lệ 49.223.200.000 đồng

Bằng chữ: Bốn mươi chín tỷ hai trăm hai mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng
tương đương 2.600.000 usd (Hai triệu sáu trăm nghìn đô la Mỹ)

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: FRAMA GROUP CO., LTD

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 507403

Do: Lãnh thổ British Virgin Islands

Cấp ngày: 31/07/2002

Địa chỉ trụ sở chính: P.O Box 961, Road Town, Tortola, British Virgin Islands

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: WANG CHEN YUAN

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 31/10/1977

Dân tộc:

Quốc tịch:

Đài Loan

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy chứng thực cá nhân: 308920758

Ngày cấp: 09/04/2014

Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Đài Loan

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: No. 463, Tatun Road, 10H, Taichung, Đài Loan, Trung Quốc

Chỗ ở hiện tại: No. 463, Tatun Road, 10H, Taichung, Đài Loan, Trung Quốc



Nguyễn Trung Tín

SỞ KHOA HỌC - CÔNG
NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11.2./KHCNMT

Bình Dương, ngày: 13...tháng...3...năm 2003

PHIẾU XÁC NHẬN
BẢN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG
Của: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Frama Group Việt Nam
GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG
XÁC NHẬN

Điều 1: Công ty TNHH Frama Group Việt Nam tại xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã trình nội dung Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường ngày 10 tháng 03 năm 2003.

Điều 2: Công ty có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.

Điều 3: Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của Công ty TNHH Frama Group Việt Nam là cơ sở pháp lý để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường của Công ty.

Điều 4: Trước khi đi vào hoạt động sản xuất, Công ty phải hoàn thành các hạng mục công trình về môi trường và có báo cáo bằng văn bản gửi Sở Khoa học - Công nghệ & Môi trường Bình Dương để kiểm tra.

Nơi nhận

- Cty TNHH Frama Group VN.
- Sở Kế hoạch - Đầu tư.
- Sở Công nghiệp.
- Sở Xây dựng.
- Sở Nông nghiệp và PTNT.
- UBND huyện Bến Cát
- Lưu VP.

GIÁM ĐỐC
SỞ KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG



Trần Văn Dũng

Số: ...107.../QĐ-STNMT

Thủ Dầu Một, ngày 01 tháng 2 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường
Nhà máy sản xuất đồ gỗ gia dụng công suất 2.000.000 sản phẩm/năm
tại xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
của Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)



GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG **NGUYỄN VĂN KHUANG**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn việc lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 61/2008/QĐ-UB ngày 23 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 68/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương và Quyết định số 12/2009/QĐ-UBND ngày 13 tháng 04 năm 2009 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường Nhà máy sản xuất đồ gỗ gia dụng công suất 2.000.000 sản phẩm/năm của Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) (tại xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương) kèm theo văn bản đề nghị phê duyệt của Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) ngày 07 tháng 12 năm 2009;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung đề án bảo vệ môi trường Nhà máy sản xuất đồ gỗ gia dụng công suất 2.000.000 sản phẩm/năm tại xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam).

Điều 2. Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung trong đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Về quản lý và xử lý chất thải:

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt; nước thải phải được thu gom xử lý đạt quy chuẩn Việt Nam QCVN 24:2009/BTNMT, cột A ($K_q=0,6$; $K_f=1,2$) trước khi thải ra hồ tự thấm;
- Khí thải phải được xử lý đạt quy chuẩn Việt Nam QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT;
- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt theo TCVN 5949:1998; TCVN 6962:2001 và TCVS 3733/2002/QĐ-BYT;
- Chất thải rắn các loại phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định của Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 04 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;
- Lắp đặt thiết bị quan trắc lưu lượng nước thải theo Quy định tại khoản 1 điều 30 và xây dựng điểm quan trắc nguồn thải đúng yêu cầu kỹ thuật tại khoản 1, 2 điều 31 của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 68/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

2. Thực hiện chương trình giám sát môi trường theo nội dung đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, đồng thời có báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường định kỳ 3 tháng/lần để kiểm tra, giám sát;

3. Thời hạn hoàn thành các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường là 60 ngày kể từ ngày ký quyết định.

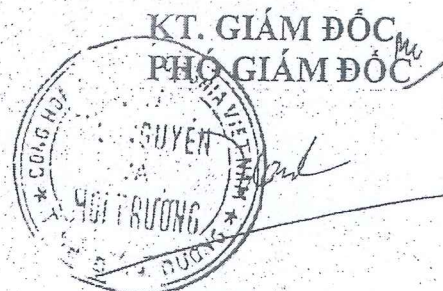
4. Sau khi hoàn thành các nội dung của đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) phải có văn bản báo cáo cơ quan phê duyệt về các nội dung đã hoàn thành để kiểm tra, giám sát.

Điều 3. Đề án bảo vệ môi trường Nhà máy sản xuất đồ gỗ gia dụng công suất 2.000.000 sản phẩm/năm và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam).

Điều 4. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan của Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam), các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký ./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam);
- UBND huyện Bến Cát;
- Phòng TNMT huyện Bến Cát;
- CCBVMT;
- D:\TĐ\ĐA\Cty Frama Group;
- Lưu: VT, Tuyet5.



Võ Thị Ngọc Hạnh



UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 3563/STNMT-CCBVMT

Bình Dương, ngày 29 tháng 10 năm 2014

V/v giãn xưởng sản xuất và mở rộng kho
chứa nguyên liệu của Công ty TNHH Frama
Group Việt Nam

Kính gửi: Công ty TNHH Frama Group Việt Nam

Phúc đáp văn bản số 02/CVMT-2014 ngày 16 tháng 9 năm 2014 của Công ty TNHH Frama Group Việt Nam về việc giãn xưởng sản xuất và mở rộng kho chứa nguyên-liệu, sau khi xem xét hồ sơ và tiến hành khảo sát thực tế tại Công ty, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

- Công ty TNHH Frama Group Việt Nam đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường cho “Nhà máy sản xuất đồ gỗ gia dụng, công suất 2.000.000 sản phẩm/năm” tại Quyết định số 103/QĐ-STNMT ngày 02 tháng 02 năm 2010. Hiện tại, Công ty đang hoạt động sản xuất trên nhà xưởng hiện hữu với diện tích 39.216,10m².

- Nay, Công ty dự kiến xây dựng thêm 01 xưởng mới (diện tích 3.060m²) nhằm chuyển công đoạn dán lớp giấy giả gỗ lên ván nguyên liệu ván ép (MDF hoặc oval nhập khẩu) để làm thông thoáng không gian tại xưởng sản xuất hiện hữu và 01 kho chứa thành phẩm, ván nguyên liệu (diện tích 2.700m²) trên khu đất liền kề với xưởng sản xuất hiện hữu của Công ty để phục vụ cho quá trình hoạt động sản xuất. Khu đất dự kiến mở rộng có phía Bắc giáp đất trồng cao su; phía Nam giáp đường đất, bên kia đường đất là Công ty Tangroup; phía Tây giáp xưởng sản xuất hiện hữu; phía Đông một phần giáp với đất trồng cao su và quán cà phê; khoảng cách đến quán cà phê khoảng 50m).

- Qua xem xét cho thấy, việc xây dựng thêm 01 xưởng mới và 01 kho chứa thành phẩm, ván nguyên liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và bố trí lại mặt bằng sản xuất của Công ty không làm thay đổi quy mô, công suất, công nghệ sản xuất của Công ty và không làm gia tăng các nguồn ô nhiễm đến môi trường so với Đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt. Do đó, về mặt môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất việc xây dựng thêm 01 xưởng mới và 01 kho chứa thành phẩm, ván nguyên liệu. Trong quá trình triển khai dự án xây dựng Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu Công ty:

+ Trong quá trình thi công, xây dựng phải thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, hạn chế tác động đến môi trường đến khu vực xung quanh.

+ Trong quá trình hoạt động, phải thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp về bảo vệ môi trường theo nội dung Đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu của Quyết định phê duyệt.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển đến Công ty TNHH Frama Group Việt Nam để biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TĐ, T.Giang4. *HL*

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Nguyên

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát, khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 3258/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành danh mục vùng cấm, vùng hạn chế, vùng đăng ký khai thác nước dưới đất và bản đồ phân vùng khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên nước, Khoáng sản và Khí tượng thủy văn tại Tờ trình số 02/TTr-TNNKSKTTV ngày 27 tháng 3 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam), địa chỉ: ấp An Mỹ, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương khai thác, sử dụng nước dưới đất với các nội dung như sau:

1. Mục đích sử dụng: Sinh hoạt, sản xuất và tưới cây;

2. Vị trí công trình khai thác nước: ấp An Mỹ, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;

3. Tầng chứa nước: Pliocen giữa;

4. Tổng số giếng khoan: 01 giếng;

5. Tổng lượng nước khai thác: 50 m³/ngày đêm;

6. Số ngày khai thác trong năm: 302 ngày;

7. Thời hạn khai thác: 05 năm;

8. Bảng tổng hợp các thông số kỹ thuật của giếng khoan cụ thể như sau:

Số hiệu giếng	Tọa độ (VN 2000)		Đường kính giếng (mm)	Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	Chế độ khai thác (giờ/ngày đêm)	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Mức nước tĩnh (m)	Mức nước động lớn nhất cho phép (m)
	X	Y				Từ	Đến		
G1	12-32-650	06-72-075	114	50	5	58	65	14,25	30,00

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam):

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản;

2. Thực hiện việc quan trắc, giám sát tài nguyên nước theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017, cụ thể như sau:

a. Thông số giám sát gồm:

- Lưu lượng khai thác;
- Mức nước trong giếng khai thác;
- Chất lượng nước.

b. Hình thức giám sát: thực hiện giám sát định kỳ.

c. Chế độ giám sát:

- Đối với lưu lượng và mức nước: không quá 12 giờ 01 lần và phải cập nhật số liệu vào hệ thống giám sát trước 20 giờ hàng ngày;

- Đối với chất lượng nước: hai (02) lần/năm. Một lần vào mùa mưa (tháng 9); một lần vào mùa khô (tháng 2), đồng thời phải thực hiện cập nhật số liệu vào hệ thống giám sát không quá 05 ngày kể từ ngày có kết quả phân tích. Các Thông số quan trắc theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ngầm QCVN 09-MT: 2015/BTNMT.

3. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định;

4. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước;

5. Hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình khai thác, sử dụng nước, các kết quả quan trắc và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác theo quy định;

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường;

7. Sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm.

8. Nộp thuế tài nguyên và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) còn tiếp tục khai thác, sử dụng nước dưới đất với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định. /

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- UBND tỉnh Bình Dương;
- Cục thuế tỉnh;
- UBND TX. Bến Cát;
- Cty TNHH Frama Group (VN);
- Lưu: VT.

(Chữ ký)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Thúy

SỞ XÂY DỰNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 150873 /SHCT

Bình Dương, ngày 01 tháng 7 năm 2003.

GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỞ HỮU CÔNG TRÌNH

- Căn cứ quyết định số 120/QĐ-UB ngày 09/01/1997 của UBND tỉnh Bình Dương v/v Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây Dựng.

- Căn cứ quyết định số 255/QĐ-UB ngày 27/01/1997 của UBND tỉnh Bình Dương v/v Ban hành bảng Quy định tạm thời về quản lý Nhà nước đối với nhà ở đô thị, nhà ở các xã và nhà xưởng thuộc tỉnh Bình Dương.

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG CHỨNG NHẬN :

1/. Đơn vị : CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM).....

là chủ sở hữu công trình : 1 Xưởng, Vp, An, Bv, Xe.....

Tọa lạc tại số : đường :

Xã: An Điền Huyện: Bến Cát tỉnh Bình Dương.

2/. Cấu trúc nhà : Loại nhà : 1 tầng Mái : Tole, Ngói.....

Vách : Gạch Nền : Bê tông, Gạch Sàn :

Khung chịu lực : BTCT DTXD trệt : 5.602 m².

Lầu 1 : m², Lầu 2 : m².

Lầu 3 : m², Lầu 4 : m².

Lầu 5 : m², Lầu 6 : m².

(Kèm bản vẽ hoàn công, văn bản hoàn công, biên lai thu lệ phí trước bạ).

3/. Danh bạ tại : Sở Xây dựng, số : 150873 /SHCT quyền : 07.....

4/. Giấy chứng nhận có thời hạn theo giấy phép đầu tư và hợp đồng thuê đất.

* Ghi chú : Khi có dấu vết tẩy, xóa, viết tay, thì giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình không có giá trị.

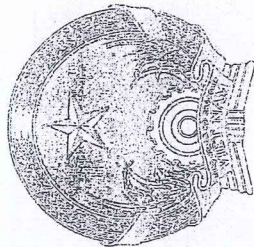


GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG

KS. Nguyễn Văn N. Kiên

Mục IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy

Ngày, tháng, năm (1)	Nội dung thay đổi (2)	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (Ký, đóng dấu) (3)



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỞ HỮU CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý

1. Chủ sở hữu có quyền và nghĩa vụ đối với công trình xây dựng theo quy định của pháp luật.
2. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho, nhận chia công trình xây dựng phải làm thủ tục theo quy định của pháp luật để được cấp giấy chứng nhận mới.
3. Chủ sở hữu không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa, viết thêm bất kỳ nội dung nào trong giấy chứng nhận.
4. Chủ sở hữu có trách nhiệm:
 - Giữ gìn, bảo quản giấy chứng nhận; trường hợp mất giấy chứng nhận phải báo ngay với công an phường, xã, thị trấn nơi gắn nhát và cơ quan cấp giấy.
 - Khi giấy chứng nhận bị hư hỏng, rách nát hoặc mục IV hết chỗ ghi thì chủ sở hữu phải đến cơ quan cấp giấy chứng nhận làm thủ tục để được cấp đổi giấy mới.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

7 4 7 2 1 2 5 8 4 0 0 6 6 4

CHỨNG NHẬN

Mục I. Chủ sở hữu công trình xây dựng

CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)

Mục II. Thực trạng công trình xây dựng

I/ Tên công trình: CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)

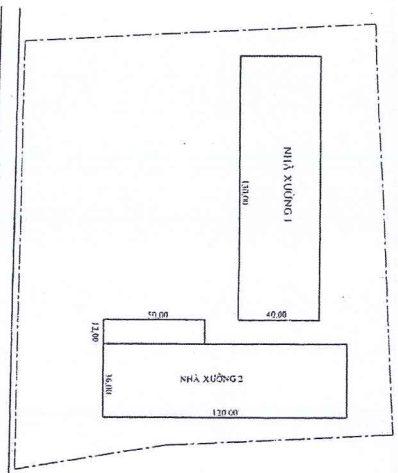
Địa chỉ: xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Số TT	Hạng mục CT	Cấp CT	Diện tích XD (m ²)	DT sản XD hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Số tầng	Năm XD
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
01	Nhà Xưởng 1	3	4.320	4.752	Bê-t	01+L.G	2006
02	Mái che	4	600		Khung thép	01	2006
03	Nhà Xưởng 2	3	5.200		Khung thép	01	2007

2/ Đất có công trình xây dựng:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số, ngày, tháng, năm): T.751602 ngày 21/02/2003	Đất được giao hoặc thuê: Đất thuê (50 năm) Hợp đồng thuê đất (số, ngày, tháng, năm): 118 /HD.TĐ ngày 21/02/2003
Thửa đất số: 39.216.1	Thời gian thuê từ ngày 11 tháng 10 năm 2002 đến ngày tháng năm
Diện tích: m ²	
Sử dụng riêng: m ²	
Sử dụng chung: m ²	

Mục III. Sơ đồ công trình xây dựng

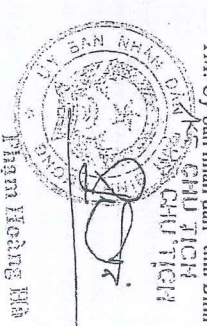


Mục IV của trang sau là thành phần của giấy chứng nhận này

Thủ Dấu Mới, ngày 9 tháng 12 năm 2008

TM. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương

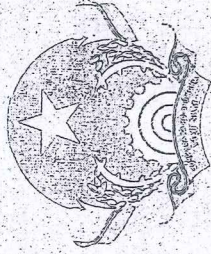
KS. CHỦ TỊCH



Phạm Hoàng Mã

Hồ sơ gốc số 200/CNV.84CT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)

Giấy chứng nhận đầu tư số 461043000618, chứng nhận lần đầu ngày 01/3/2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 20/6/2014 do UBND tỉnh Bình Dương cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

BV 395988

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



7 4 2 5 8 4 0 1 5 0 0 1 7 8 9

45742
342161

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 464 từ bản đồ số: 34
b) Địa chỉ: xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
c) Diện tích: 9.574,2 m² (bằng chữ: Chín nghìn năm trăm bảy mươi bốn phẩy hai mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
e) Thời hạn sử dụng: đến ngày 11/10/2052
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn hoặc công suất (m ²)	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà xưởng, kho 1	2.856	2.856	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà xưởng, kho 2	2.520	2.520	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà bảo vệ	17,8	17,8	Sở hữu riêng	IV	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

Cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AE 977090 ngày 20/9/2006 và chứng nhận bỏ sung quyền sử dụng đất gắn liền với đất.

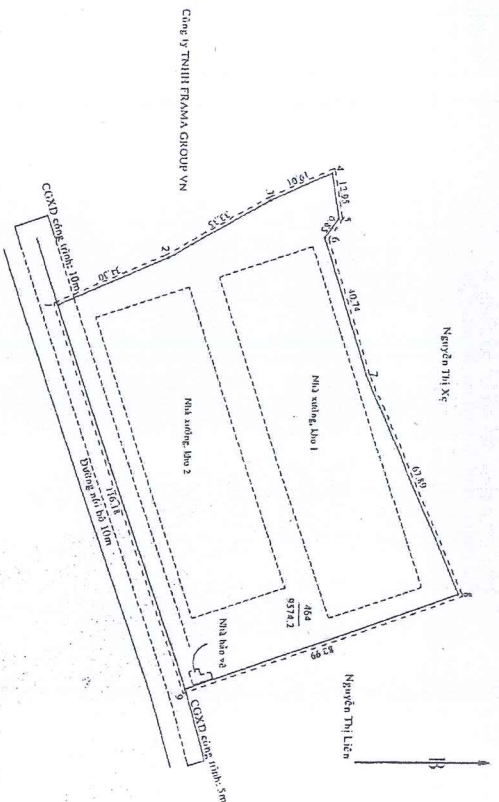
Bình Dương, ngày 02, tháng 6, năm 2015
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG



Trần Đình

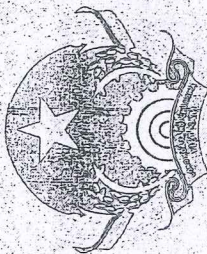


III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số vào sổ cấp GCN: CT10440



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)

Giấy chứng nhận đầu tư số 461043000618, chứng nhận lần đầu ngày 01/03/2010.

Do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp.

Địa chỉ: xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

BD 586993

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền										
Chúng nhận bổ sung quyền sở hữu công trình của Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam). Tên công trình: nhà xưởng sản xuất. (vị trí xây dựng công trình được định vị theo trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Dương xác lập ngày 15/01/2019). <table><thead><tr><th>Hạng mục CT</th><th>DT xây dựng (m²)</th><th>DT sản (m²) công suất</th><th>Hình thức sở hữu</th><th>Cấp CT</th></tr></thead><tbody><tr><td>Nhà xưởng</td><td>2.268</td><td>2.268</td><td>Sở hữu riêng</td><td>III</td></tr></tbody></table> Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) thay đổi Giấy chứng nhận đầu tư thành Giấy chứng nhận đầu tư số: 461043000618, chứng nhận lần đầu ngày 01/03/2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 20/06/2014 do Ủy ban nhân dân Bình Dương cấp. Thửa đất có số thửa: 964, thuộc tờ bản đồ số: 34; theo hồ sơ số 0063/	Hạng mục CT	DT xây dựng (m ²)	DT sản (m ²) công suất	Hình thức sở hữu	Cấp CT	Nhà xưởng	2.268	2.268	Sở hữu riêng	III	PHÓ GIÁM ĐỐC 01-2-2019 PHÓ GIÁM ĐỐC 01-2-2019 PHÓ GIÁM ĐỐC 01-2-2019
Hạng mục CT	DT xây dựng (m ²)	DT sản (m ²) công suất	Hình thức sở hữu	Cấp CT							
Nhà xưởng	2.268	2.268	Sở hữu riêng	III							

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



7 425840 110041 5

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất

a) Thửa đất số:

tờ bản đồ số:

b) Địa chỉ: xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

c) Diện tích: 39.216,1m² (Ba mươi chín ngàn hai trăm mười sáu phẩy một mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: riêng: 39.216,1m², chung: không

đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (39.216,1m²), đã trừ HLLG (403,4m²)

e) Thời hạn sử dụng: đến ngày 11/10/2052 (SKC)

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

2. Nhà ở:

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: xưởng sản xuất của Công ty TNHH Framma Group (Việt Nam)

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm HT xây dựng	Thời hạn sử dụng
Xưởng	3.185	6.370	Tường xây gạch, dầm sàn cái tầng BTCT. Khung cột, mái lợp tole. Nền bê tông.	03	02	-/-	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Tổng diện tích: 39.619,5m² Trong đó:

+ Diện tích sử dụng: 39.216,1m² (SKC)

+ Diện tích HLLG: 403,4m²

* Cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T-751602 ngày 21/02/2003 và bỏ sung tài sản gắn liền với đất.

Bình Dương, ngày 03 tháng 6 năm 2011

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

TU. CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

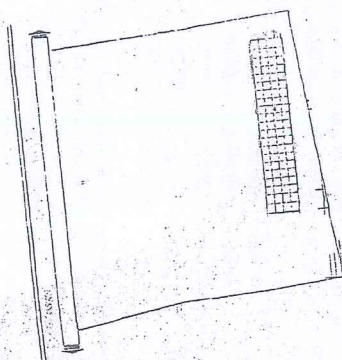


CHỖ CHỮ KÝ

Số vào sổ cấp GCN: CT00239

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

(Kèm theo bản vẽ mặt bằng tổng thể của Công ty TNHH Framma Group (Việt Nam))



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất (GCNQSH công trình xây dựng - hồ sơ gốc số 200/CN-SHCT ngày 09/12/2008) tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương theo Hồ sơ số 145/quyển số 01/2010.

Chứng nhận quyền sở hữu: Văn phòng (giai đoạn mở rộng)

của Công ty TNHH Framma Group (Việt Nam).

Hạng mục công trình	DT xây dựng (m ²)	DT sàn hoặc công suất (m ²)	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm HT xây dựng	Thời hạn sử dụng
Văn phòng	608,2	3.164,5	Móng, khung cột, dầm sàn các tầng, cầu thang, sân mái bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Nền lát gạch.	III	1trệt + 5 lầu	-/-	-/-



CHỖ CHỮ KÝ

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 1855/QĐ-CT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 26 tháng 5 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
Về việc chấp thuận thiết kế kỹ thuật và xây dựng
Công trình xưởng sản xuất các loại ván trang trí và đồ gỗ văn phòng
của Công ty trách nhiệm hữu hạn Frama Group (Việt Nam)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

- Căn cứ luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21/06/1994.
- Căn cứ luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
- Căn cứ Nghị Định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/07/2000 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Thông Tư số 16/BXD-CSXD ngày 11/12/2000 của Bộ Trưởng Bộ Xây Dựng “ Hướng dẫn về quản lý xây dựng các công trình có vốn đầu tư nước ngoài và nhà thầu nước ngoài nhận thầu xây dựng tại Việt Nam “
- Xét hồ sơ thẩm định thiết kế công trình xưởng sản xuất các loại ván trang trí và đồ gỗ văn phòng của Chủ đầu tư là Công ty trách nhiệm hữu hạn Frama Group (Việt Nam).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Chấp thuận thiết kế kỹ thuật công trình: Xưởng sản xuất các loại ván trang trí và đồ gỗ văn phòng do Công ty trách nhiệm hữu hạn thiết kế đầu tư xây dựng tư vấn Sài Việt - thành phố Hồ Chí Minh lập, gồm các hạng mục sau:

- 1/ Nhà xưởng, khu hút bụi, khu xử lý kỹ thuật:
- Qui mô: Nhà 1 tầng, cấp III.

- Diện tích: Diện tích xưởng = $36\text{m} \times 126\text{m} = 4.536\text{m}^2$.
Diện tích khu hút bụi = $8\text{m} \times 22\text{m} = 176\text{m}^2$. Diện tích khu xử lý kỹ thuật = $5\text{m} \times 24\text{m} = 120\text{m}^2$. Tổng diện tích = 4.832m^2 .

- Cấu trúc: Móng, cột, đà kiềng, giằng tường bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Cửa cuốn và cửa kính khung nhôm. Vì kèo, đòn tay, giằng mái bằng thép. Mái lợp tole, không có trần. Nền đổ bê tông.

2/ Nhà văn phòng:

- Qui mô: Nhà 1 tầng, cấp III.
- Diện tích: $12\text{m} \times 28\text{m} + 4\text{m} \times 6\text{m} = 360\text{m}^2$.
- Cấu trúc: Móng, cột, đà kiềng, giằng tường, đà và sàn sầnh, đà mái, sênô bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Cửa kính khung nhôm. Vì kèo, đòn tay bằng thép. Mái lợp ngói Đồng Nai, trần nhựa. Nền lát gạch ceramic.

3/ Nhà ăn công nhân:

- Qui mô: Nhà 1 tầng, cấp 4A.
- Diện tích: $12\text{m} \times 28\text{m} = 336\text{m}^2$.
- Cấu trúc: Móng, cột, đà kiềng, đà giằng bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Cửa kính khung nhôm. Vì kèo, đòn tay bằng thép. Mái lợp ngói Đồng Nai, trần nhựa. Nền lát gạch ceramic.

4/ Nhà bảo vệ và nhà nghỉ bảo vệ:

- Qui mô: Nhà 1 tầng, cấp III.
- Diện tích: Diện tích nhà bảo vệ = $3,9\text{m} \times 4,7\text{m} = 18,33\text{m}^2$. Diện tích nhà nghỉ = $21,65\text{m}^2$.
- Cấu trúc: Móng, cột, đà kiềng, đà mái, sênô, đà và sàn mái nhà nghỉ bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Cửa kính khung nhôm. Đòn tay bằng thép. Mái lợp ngói, trần nhựa. Nền lát gạch ceramic.

5/ Hạ tầng:

Công trình có thiết kế hệ thống thoát nước và thu lồi chống sét.

Công trình xây dựng trên lô đất có diện tích $39.216,1\text{m}^2$. Tại xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 61-QSDD/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 21/02/2003.

Chủ đầu tư là: Công ty trách nhiệm hữu hạn Frama Group (Việt Nam).

Có địa chỉ tại: Xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Được phép đầu tư xây dựng theo giấy phép đầu tư số 225/GP-BD ngày 11/10/2002 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp đã được thiết kế phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và đạt tiêu chuẩn kỹ thuật.

Về an toàn công trình đã được cơ quan chuyên môn thẩm định thiết kế: Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương tại văn bản số 636 /BC-XD ngày 21/...../5...../2003.

Điều 2: Công trình được tiến hành xây dựng theo thiết kế đã được thẩm định và theo văn bản này kể từ ngày tháng 6 năm 2003. Quyết định này thay thế giấy phép xây dựng. Với các điều kiện sau:

1/ Mặt bằng công trình đã được đền bù, giải phóng và có văn bản bàn giao của địa phương.

2/ Hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế theo mục 3 nêu trong báo cáo thẩm định số 636 /BC-XD ngày 21 tháng 5 năm 2003 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương.

3/ Đã chuẩn bị điều kiện an toàn xây dựng để khởi công xây dựng công trình.

4/ Đã có thông báo ngày giờ khởi công cho Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh và Huyện sở tại trước khi khởi công xây dựng công trình.

Điều 3: Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu xâm phạm các quyền lợi hợp pháp của người có liên quan khi tiến hành xây dựng công trình và phải thực hiện các quy định khác của pháp luật Việt Nam liên quan.

Điều 4: Các ông Chánh văn phòng Hội đồng nhân dân – Ủy ban nhân dân Tỉnh, Giám đốc sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, sau 1 năm công trình chưa được tiến hành xây dựng hoặc đã khởi công xây dựng nhưng để ngất quăng trên 1 năm thì chủ đầu tư phải báo cáo lý do và xin gia hạn.

**KT. CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên.
- Sở Xây Dựng.
- UBND huyện Bến Cát.
- Văn phòng (để Lưu).



Trần Văn Lợi

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG



Số: 724 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- oOo -----

Thủ Dầu Một, ngày 21 tháng 02 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấp thuận thiết kế kỹ thuật và xây dựng
Công trình Xưởng sản xuất các loại ván trang trí và đồ gỗ văn phòng
(giai đoạn 3) của Công ty trách nhiệm hữu hạn Frama Group
(Việt Nam)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

- Căn cứ luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003.

- Căn cứ luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Căn cứ các quy định về thẩm định thiết kế kỹ thuật thuộc các dự án có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài trong Nghị Định 24/2000/NĐ-CP ngày 31/07/2000 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Thông Tư số 16/2000/TT-BXD ngày 11/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng hướng dẫn quản lý xây dựng đối với hoạt động đầu tư nước ngoài và quản lý các nhà thầu nước ngoài vào nhận thầu xây dựng và tư vấn xây dựng công trình tại Việt Nam.

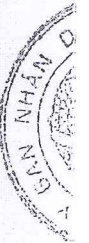
- Xét hồ sơ trình thẩm định thiết kế công trình: Xưởng sản xuất các loại ván trang trí và đồ gỗ văn phòng của Chủ đầu tư là Công ty trách nhiệm hữu hạn Frama Group (Việt Nam).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và xây dựng công trình: Xưởng sản xuất các loại ván trang trí và đồ gỗ văn phòng do Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế xây dựng Kiến Tạo- thành phố Hồ Chí Minh thiết lập, gồm các hạng mục sau:

1/ Nhà xưởng:

- Qui mô: Nhà 1 tầng cấp 3 có gác lửng.



* - Diện tích: diện tích nền = $36\text{m} \times 120\text{m} = 4.320 \text{ m}^2$, diện tích sàn lửng = $36\text{m} \times 12\text{m} = 432\text{m}^2$, tổng diện tích = 4.752 m^2 .

- Cấu trúc: Móng, cột, đà kiềng, giằng tường bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Cửa cuốn và cửa kính khung nhôm. Cột khung, vì kèo, đòn tay, giằng mái, đà sàn lửng bằng thép. Mái lợp tole, không có trần. Nền đổ bê tông lưới thép xoa phẳng, sàn lửng lát gạch ceramic.

2/ Mái che đầu xương:

- Qui mô: Nhà cấp 4.

- Diện tích: $12\text{m} \times 50\text{m} = 600 \text{ m}^2$.

- Cấu trúc: Móng, cột, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Không xây tường bao. Cột khung, vì kèo, đòn tay, giằng mái bằng thép. Mái lợp tole, không có trần. Nền đổ bê tông lưới thép xoa phẳng.

3/ Ha tầng: Công trình có thiết kế hệ thống thoát nước tổng thể, phòng cháy chữa cháy và thu lồi chống sét.

- Công trình xây dựng trên các lô đất có diện tích $39.216,1 \text{ m}^2$, tại xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 61-QSĐĐ/2003 ngày 21/02/2003 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Frama Group Việt Nam (thuê đất).

- Chủ đầu tư là: Công ty trách nhiệm hữu hạn Frama Group Việt Nam.

- Có địa chỉ tại: xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Được phép đầu tư xây dựng theo Giấy phép đầu tư số 225/GP-BD ngày 11/10/2002 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp đã được thiết kế phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và đạt tiêu chuẩn kỹ thuật.

Về an toàn công trình đã được Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn xây dựng Đô Thành- thành phố Hồ Chí Minh thẩm tra thiết kế theo các văn bản số 06/ 2006/DCC ngày 14/01/2006 và kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn thẩm định thiết kế: Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương tại văn bản số211...../BC-XD ngày...17....../....02..../2006.

Điều 2: Công trình được tiến hành xây dựng theo thiết kế đã được thẩm định và theo văn bản này kể từ ngày tháng 03 năm 2006. Quyết định này thay thế giấy phép xây dựng. Với các điều kiện sau:

1/ Mặt bằng công trình đã được đền bù, giải phóng và có văn bản bàn giao của địa phương.

2/ Hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế theo mục 3 nêu trong báo cáo thẩm định số 211 /BC-XD ngày 17 tháng 02 năm 2006 của Sở Xây Dựng tỉnh Bình Dương.

3/ Đã chuẩn bị điều kiện an toàn xây dựng để khởi công xây dựng công trình.

4/ Đã có thông báo ngày giờ khởi công cho Ủy Ban Nhân Dân cấp Tỉnh và Huyện sở tại trước khi khởi công xây dựng công trình.

Điều 3: Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu xâm phạm các quyền lợi hợp pháp của người có liên quan khi tiến hành xây dựng công trình và phải thực hiện các quy định khác của pháp luật Việt Nam liên quan.

Điều 4: Các ông Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Giám đốc sở Xây Dựng, Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, sau 1 năm công trình chưa được tiến hành xây dựng hoặc đã khởi công xây dựng nhưng để ngất quãng trên 1 năm thì Chủ đầu tư phải báo cáo lý do và xin gia hạn.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Sở Xây Dựng.
- UBND huyện Bến Cát.
- Văn phòng (để Lưu).

KT. CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thị Kim Vân

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
SỐ 2080/GPXD

1./ **Cấp cho:** Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam).

- Địa chỉ: xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
- Giấy phép đầu tư số 225/GPĐC1-BD ngày 31/10/2005 do UBND tỉnh Bình Dương cấp.

2./ **Được phép xây dựng công trình:** Nhà máy Frama Group (Việt Nam) (giai đoạn mở rộng).

– Gồm hạng mục sau:

+ Nhà xưởng mở rộng:

- Nhà 1 tầng. Diện tích 5.200m².
- Móng, dầm, cột bê tông cốt thép. Kèo thép.
- Mái tôn cách nhiệt. Nền bê tông. Tường gạch. Cửa cuốn và cửa kính khung nhôm.

+ Ha tầng : Đường nội bộ, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống điện, hệ thống thu lôi chống sét, hệ thống phòng cháy chữa cháy

- Công trình xây dựng trên khu đất có diện tích 39.216,1m², tại xã An Điền, huyện Bến Cát.
- Chỉ giới xây dựng: định vị theo mặt bằng tổng thể và theo quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

3./ **Giấy tờ về quyền sử dụng đất, Các giấy tờ có liên quan:**

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 61/QSDD/2003 ngày 21/02/2003 do UBND tỉnh Bình Dương cấp. Hợp đồng thuê đất số 118/HĐ.TĐ ngày 21/02/2003.
- Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở số 1189/SXD-TĐ ngày 05/07/2007 của sở Xây dựng Bình Dương.
- Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật công trình số 02/CV.CT ngày 24/09/2007 của Giám đốc Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam).

4./ Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau:

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm hại quyền lợi ích hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
- Thực hiện đúng quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và giấy phép xây dựng. Thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm.
- Xuất trình giấy phép xây dựng cho chính quyền địa phương trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
- Khi thay đổi thiết kế thì phải báo và chờ quyết định của cơ quan cấp phép xây dựng.

5./ Giấy phép xây dựng này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn một năm kể từ ngày cấp, quá thời hạn trên thì phải xin phép gia hạn. Nguyễn Văn Khiếu

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư,
- Phòng QLKTKT
- VP lưu

Bình Dương, ngày 08 tháng 10 năm 2007.

Nguyễn Văn Khiếu GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Khiếu

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: 2135 / GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH FRAMA GROUP-Việt Nam

- Địa chỉ: Xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Giấy phép đầu tư số: 225/462/GCNĐC 1, ngày 30/08/2006 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp.

2. Được phép xây dựng công trình theo những nội dung sau:

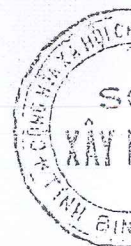
- Tên công trình: Xưởng sản xuất (giai đoạn mở rộng).
- Vị trí xây dựng: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 751602 vào sổ số 61 QSDĐ/2003 ngày 21/02/2003, diện tích khu đất: 39.216,1m².
- Địa chỉ: Xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
- Cốt nền xây dựng công trình: +0,2m so với cốt sân.
- Chỉ giới đường đỏ (CGĐĐ), chỉ giới xây dựng (CGXD):
(CGXD): Tính từ mép đường đất đến chân hạng mục công trình tối thiểu là 7m.

2.1- Hạng mục: Xưởng.

- Số tầng: 02 tầng.
- Diện tích trệt : $(130m \times 24m) + 65m^2 = 3.185m^2$.
Lầu : $(130m \times 24m) + 65m^2 = 3.185m^2$.
- Cấu trúc: Móng, khung cột, đà kiềng, dầm sàn các tầng bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Vỉ kèo, xà gỗ thép. Mái lợp tole. Cửa cuốn và cửa kính khung nhôm. Nền bê tông.

2.2- Hạ tầng: Công trình có thiết kế hệ thống điện, hệ thống thoát nước, phòng cháy chữa cháy và thu lỏi chống sét.

- Chiều cao công trình (hạng mục cao nhất): từ nền đến đỉnh mái cao 14,4m.



3. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép.

Thủ Dầu Một, ngày 18... tháng 9... năm 2009.

SỞ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên.
- Ph.KTKT.
- Lưu VP.



Trần Khắc Thạch

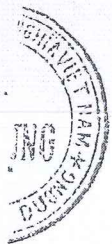
CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh:
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Thủ Dầu Một, ngày tháng năm
SỞ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG



GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 163 / GPXD

1. Cấp cho: Công Ty TNHH FRAMA GROUP (Việt Nam).

- Địa chỉ: xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Giấy chứng nhận đầu tư số 225/GPĐC1-BD ngày 31/10/2005 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp.

2. Được phép xây dựng công trình theo những nội dung sau:

- Tên công trình: Văn phòng (giai đoạn mở rộng).

- Vị trí xây dựng: Tọa lạc tại xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: T 751602 vào sổ số: 61 QSDĐ/2003 ngày 21/02/2003, do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam), diện tích khu đất: 39.216,1m².

- Địa chỉ: xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Cốt nền xây dựng công trình: +0,2m so với cốt sân.

- Chỉ giới đường đỏ (CGĐĐ), chỉ giới xây dựng (CGXD):

.(CGXD): Định vị hạng mục công trình theo mặt bằng tổng thể đã được phê duyệt và theo tiêu chuẩn, quy chuẩn do nhà nước quy định.

2.1- Hạng mục: Văn phòng.

- Số tầng: 06 tầng.

- Diện tích:

Trệt: 608,2m².

Lầu 1: 634,7m².

Lầu 2: 620m².

Lầu 3: 592,7m².

Lầu 4: 592,7m².

Lầu 5: 116,2m².

- Cấu trúc: Móng, khung cột, dầm sàn các tầng, cầu thang, sàn mái bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Cửa kính khung nhôm. Nền lát gạch.

2.2- Hạ tầng: Công trình có thiết kế điện, nước, phòng cháy và chữa cháy, thu lôi chống sét.

- Chiều cao công trình (hạng mục cao nhất): Từ nền đến đỉnh mái. 22,4m.

3. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép.

Thủ Dầu Một, ngày 29... tháng 01... năm 2010.

SỞ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

GIAM ĐÓNG



Quản văn Duyệt

Nơi nhận:

- Như trên.
- Ph.KTKT.
- Lưu VP.

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh:
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Thủ Dầu Một, ngày tháng năm
SỞ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG



Số: 1981/GPXD-SXD

Bình Dương, ngày 06 tháng 10 năm 2014

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP VIỆT NAM.

Địa chỉ trụ sở chính: Xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Giấy chứng nhận đầu tư số 461043000618 chứng nhận lần đầu ngày 01/3/2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 20/6/2014 do UBND tỉnh Bình Dương cấp.

2. Được phép xây dựng công trình theo những nội dung sau:

- Tên công trình: Nhà xưởng; Nhà kho.
- Tổng số công trình: 04 công trình.
- Theo hồ sơ thiết kế có ký hiệu số: (KT01-03; KC01-09; N01-03; Đ01-Đ03).
- Do: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kiến Tạo lập.
- Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Đô Thành.
- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng công trình: Tại thửa đất số 464; Tờ bản đồ số 34; xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

+ Chỉ giới xây dựng công trình được cấp: 5m từ tim đường nội bộ đến công trình xây dựng nhà bảo vệ, và 10m từ tim đường nội bộ đến công trình xây dựng nhà nhà xưởng, kho 2.

+ Mật độ xây dựng: 58,6%, hệ số sử dụng đất: 0.59.

a) Công trình số 1: Nhà xưởng, kho 1.

- Diện tích xây dựng: 2.856m².
- Cốt nền xây dựng công trình: ±0,00m cao hơn 0,2m so với cốt sân.
- Chiều cao công trình: 10,5m tính từ cốt ±0,00m; Số tầng: 01 tầng.
- Cấu trúc: Móng, cột, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch, phía trên ốp tôn. Khung cột, vì kèo, xà gồ thép. Mái tôn. Cửa sắt cuốn. Nền bê tông cốt thép.

b) Công trình số 2: Nhà xưởng, kho 2.

- Diện tích xây dựng: 2.520m².
- Cốt nền xây dựng công trình: ±0,00m cao hơn 0,2m so với cốt sân.
- Chiều cao công trình: 10,5m tính từ cốt ±0,00m; Số tầng: 01 tầng.



- Cấu trúc: Móng, cột, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch, phía trên ốp tôn. Khung cột, vì kèo, xà gỗ thép. Mái tôn. Cửa sắt cuốn. Nền bê tông cốt thép.

c) Công trình số 3: Mái che.

- Diện tích xây dựng: $216m^2$.

- Cốt nền xây dựng công trình: $-0,2m$, so với cốt $\pm 0,00m$.

- Chiều cao công trình: $5m$ tính từ cốt $\pm 0,00m$; Số tầng: 01 tầng.

- Cấu trúc: Vì kèo, xà gỗ thép. Mái tôn. Nền bê tông.

d) Công trình số 4: Nhà bảo vệ:

- Diện tích xây dựng: $17,8m^2$.

- Cốt nền xây dựng công trình: $\pm 0,00m$ cao hơn $0,15m$ so với cốt sân.

- Chiều cao công trình: $2,9m$ tính từ cốt $\pm 0,00m$; Số tầng: 01 tầng.

- Cấu trúc: Móng, khung cột, đà kiềng, dầm sàn mái bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Cửa nhôm kính. Nền lát gạch.

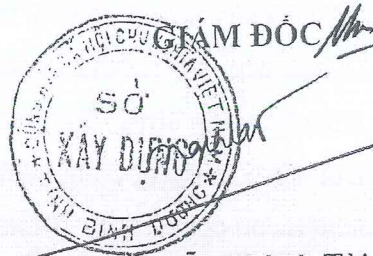
đ) Các nội dung khác: Công trình có sơ đồ cấp điện, cấp thoát nước, PCCC và thu lôi chống sét.

3. Giấy tờ về đất đai: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AE 977090 (số vào sổ cấp GCNQSDĐ: TOO 1633/CN/2006) ngày 20/9/2006, do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH FRAMA GROUP VIỆT NAM. Diện tích đất: $9.574,2m^2$. Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (SKC). Thời hạn sử dụng đất đến ngày 11/10/2052.

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng/

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- Phòng QL HĐXD;
- Lưu: VT. T.



Nguyễn Thành Tài

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp phép xây dựng

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Bình Dương, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

Bình Dương, ngày 10 tháng 8 năm 2017

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 2347 /GPXD

1. Cấp cho: CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP-VIỆT NAM.

Địa chỉ xây dựng: xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

2. Được phép xây dựng các hạng mục công trình: Nhà xưởng sản xuất thuộc dự án Nhà máy sản xuất đồ gỗ được phê duyệt tại Quyết định số 01/CV.CT 15/7/2017, cụ thể:

- Theo hồ sơ thiết kế có ký hiệu: TT(01-03); KT(01-05); KC(S1/9-S9/9); Đ(01-02); PCCC(01-09);

- Thiết kế: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kiên Tạo lập.

- Thẩm tra: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Trung Dũng Sài Gòn.

- Gồm các nội dung sau:

+ Địa điểm xây dựng công trình: xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

+ Vị trí xây dựng công trình: 10,7m tính từ tim đường nội bộ đến mép nhà xưởng.

+ Mật độ xây dựng: 55,15%, hệ số sử dụng đất: 0.55.

2.1. Nhà xưởng:

- Loại công trình: Công trình công nghiệp; cấp công trình: cấp III.

- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0,2m.

- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): +12,25m.

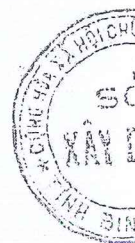
- Diện tích: $54m \times 42m = 2.268m^2$.

- Số tầng: 01 tầng.

- Cấu trúc: Móng, cột, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Khung cột, kèo, xà gỗ thép. Mái tôn. Tường xây gạch phía trên ốp tôn. Cửa sắt. Nền bê tông.

2.2. Các nội dung khác: Công trình có bể nước ngầm; hệ thống điện, hệ thống nước, PCCC và thu lỏi chống sét.

3. Giấy tờ về đất đai: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BD 586993 (số vào sổ cấp GCN: CT00239) ngày 03/6/2011 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp. Diện tích: $39.216,1m^2$. Mục đích sử dụng: đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (SKC). Thời hạn sử dụng: đến 11/10/2052.



4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng QLXD;
- Lưu: VT, T.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Võ Hoàng Ngân

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa Điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi Điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị Điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Bình Dương, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC



BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG
Số: 97/PC23

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

* * *

Thủ đầu một, ngày 18 tháng 03 năm 2003

GIẤY CHỨNG NHẬN

THẨM ĐỊNH VỀ THIẾT KẾ VÀ THIẾT BỊ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

CÔNG TRÌNH CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP VIỆT NAM

- Căn cứ nghị định số 220/CP ngày 28-12-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng PCCC chuyên nghiệp.

- Căn cứ thông tư số 03-TTLB ngày 3-11-1989 của Liên bộ Nội vụ - Xây dựng quy định chế độ an toàn PCCC, phòng nổ trong xây dựng công trình.

- Căn cứ điều lệ về việc lập, thẩm tra, xét duyệt thiết kế các công trình xây dựng ban hành theo Nghị định số 237-HĐBT ngày 19-9-1985 của Hội đồng Bộ trưởng (nay Chính phủ)

Trường phòng cảnh sát phòng cháy và chữa cháy Công an Bình dương

Thẩm định về thiết kế và thiết bị phòng cháy, chữa cháy và phòng nổ cho công trình

Công ty TNHH FRAMA GROUP VIỆT NAM

Thuộc

Địa chỉ An Điền, Bến cát, Bình dương

Theo các bản vẽ KT01/05 --- KT05/05, KT01/01, KC01/05 --- KC05/05

KC01/03 --- KC03/03, KC01/02, KC02/02.

và công văn số ngày tháng năm của

Để đảm bảo an toàn về phòng cháy và chữa cháy cho công trình yêu cầu:

- Thi công đúng hồ sơ thiết kế đã duyệt.

- Trang bị 06 bộ nội quy tiêu lệnh PCCC và 60 bình chữa cháy cho công trình.

Phòng cảnh sát PCCC sẽ cử cán bộ theo dõi việc thi công và làm thủ tục nghiệm thu về an toàn PCCC trước khi đưa công trình vào sử dụng.

Nơi nhận:

Như trên.

- Bộ Công an (C23) để báo cáo

- Lưu PC23

TÁI GIẢM ĐỐC CÔNG AN Bình dương
Trưởng phòng cảnh sát PCCC



Số: 64/PCCC

Thủ Dầu Một, ngày 18 tháng 02 năm 2008.

V/v: nghiệm thu hệ thống
Phòng cháy và chữa cháy

Kính gửi: Công ty TNHH Frama Group Việt Nam

Theo công văn số 15/CV ngày 23 tháng 01 năm 2008 của Công ty TNHH Frama Group Việt Nam về việc nghiệm thu hệ thống Phòng cháy chữa cháy (PCCC).

Sau khi xem xét hồ sơ nghiệm thu Phòng cháy chữa cháy do chủ đầu tư chuẩn bị và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy lập ngày 28 tháng 01 năm 2008.

Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy – Công an Bình Dương đồng ý nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

Công trình: NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT – GIAI ĐOẠN 4

Chủ đầu tư là: CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP VIỆT NAM

Xây dựng tại: Xã An Điền – Bến Cát – Bình Dương

Các hệ thống phòng cháy và chữa cháy đã nghiệm thu gồm:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy.

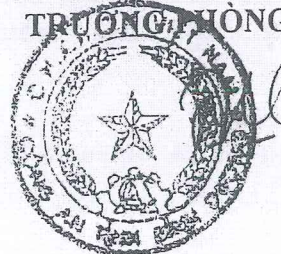
Đồng thời đề nghị chủ đầu tư thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị nêu trong biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC lập ngày 28 tháng 01 năm 2007.
- Các hệ thống, thiết bị kỹ thuật khác có liên quan đến PCCC phải được kiểm tra, thử nghiệm và nghiệm thu đưa vào vận hành đảm bảo các yêu cầu về PCCC khi đưa công trình vào sử dụng./.

Nơi nhận:

- Cục CSPCCC – BCA / Báo cáo.
- Công ty TNHH Frama Group Việt Nam
- Lưu CS. PCCC.

TL. GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH
TRƯỞNG PHÒNG CS PCCC



THƯỢNG TÁ : Lê Anh Việt

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG
Số: 325/ID-PCCC (.....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004 - In 2007

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 01/CV ngày 17/ 8 / 2009
của: CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)

Người đại diện là ông/ bà: LAI YEN PU Chức danh Giám Đốc
(1) Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Bình Dương

CHỨNG NHẬN:

(2) NHÀ XƯỞNG (MỞ RỘNG) 3120 M2

Địa điểm: Xã An Điền - Huyện Bến Cát - Tỉnh Bình Dương

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế Danh Kiến

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Kiến trúc
- Kết cấu
- Hệ thống cấp nước chữa cháy
- Hệ thống báo cháy tự động

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.
Các yêu cầu kèm theo: (3) - Hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà phải thiết kế ít nhất hai ống dẫn nước vào, theo điều 10.16 TCVN 2622-95

- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chống sét theo tiêu chuẩn hiện hành.

- Tổ chức nghiệm thu hệ thống PCCC trước khi đưa vào sử dụng theo điều 16 Luật PCCC.

Thủ Dấu Một, ngày 31 tháng 8 năm 20 09

(4) TRƯỞNG PHÒNG CS PCCC

Nơi nhận:

- Cục CS PCCC (Báo cáo)
- Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)
- Lưu Phòng CS PCCC Bình Dương.



THỦNG TÁ : Lê Anh Việt

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.

(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG
Số: 20 /TD-PCCC (.....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004 - In 2007

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 01/CV ngày 08/01/2010

của: CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP VIỆT NAM

Người đại diện là ông/ bà: Lai Yen Pu Chức danh Giám đốc

(1) Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Bình Dương

CHỨNG NHẬN:

NHÀ VĂN PHÒNG

(2) Địa điểm: Xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH Frama Group Việt Nam

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty Cổ phần TV-TK Danh Kiến

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Kiến trúc
- Kết cấu
- Hệ thống cấp nước chữa cháy
- Hệ thống báo cháy tự động

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3)

- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chống sét theo tiêu chuẩn hiện hành.
- Nghiệm thu hệ thống trước khi đưa vào hoạt động (Điều 16) Luật PCCC

Thủ Dấu Một ngày 19 tháng 01 năm 2010.

(4) TRƯỞNG PHÒNG CS PCCC

Nơi nhận:

- Cục CS PCCC (Bảo cáo)
- Công ty TNHH Frama Group Việt Nam
- Lưu Phòng CS PCCC Bình Dương.



Trưởng tá Lê Anh Việt

- (1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG CẢNH SÁT PC&CC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 173/PCCC

Thủ Dầu Một, ngày 04 tháng 8 năm 2010

V/v xác nhận nghiệm thu
hệ thống phòng cháy chữa cháy

Kính gửi: Công ty TNHH Frama Group Việt Nam

Theo công văn đề nghị ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Công ty TNHH Frama Group Việt Nam về việc nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy cho công trình: Nhà xưởng mở rộng. Địa chỉ: Xã An Điền, Huyện Bình Dương. Tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận thẩm duyệt số 325/TD-PCCC ngày 31 tháng 8 năm 2009; hồ sơ và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống phòng cháy và chữa cháy do đại diện các bên liên quan lập ngày 04 tháng 8 năm 2010;

Phòng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy – Công an tỉnh Bình Dương đồng ý nghiệm thu hệ thống phòng cháy và chữa cháy với những nội dung sau:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy đã lắp đặt theo đúng thiết kế được phê duyệt.
- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế.

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng hướng dẫn và quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Phòng CS PCCC.



TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Lê Anh Việt

14/1
CỘNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 52 /PCCC&CNCH

Thủ Dầu Một, ngày 02/ tháng 3 năm 2011

V/v xác nhận nghiệm thu
hệ thống phòng cháy chữa cháy

Kính gửi: Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)

Theo công văn đề nghị số 01/CV ngày 27 tháng 02 năm 2011 của Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) về việc nghiệm thu hệ thống cấp nước chữa cháy và hệ thống báo cháy tự động cho công trình : Nhà văn phòng; địa chỉ: Xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào hồ sơ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy số 20/TD-PCCC ngày 19/01/2010; hồ sơ và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống cấp nước chữa cháy và hệ thống báo cháy tự động do đại diện các bên liên quan lập ngày 03 tháng 3 năm 2011;

Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy & Cứu nạn cứu hộ – Công an tỉnh Bình Dương đồng ý nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy với những nội dung sau:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy và hệ thống báo cháy tự động lắp đặt theo đúng thiết kế đã được phê duyệt.

- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế.

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng hướng dẫn và quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Phòng CS PCCC & CNCH.

TRƯỞNG PHÒNG



Đã là Lê Anh Việt

Số: 374 /TDPCCC-P2.

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Nghị định số 46/2012/NĐ-CP ngày 22/5/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 130/2006/NĐ-CP ngày 08/11/2006 quy định chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc;

- Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BCA ngày 12/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 và Nghị định số 46/2012/NĐ-CP ngày 22/5/2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 01/2014
ngày 08 / 9 / 2014 của: CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)

Người đại diện là ông/bà: Hsieh Fa Kuang Chức danh: P.Tổng Giám đốc

CẢNH SÁT PC&CC TỈNH BÌNH DƯƠNG

CHỨNG NHẬN:

NHÀ XƯỞNG + KHO 1, 2

Địa điểm xây dựng: Xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty Kiến Tạo; Công ty Phú Thịnh Phát

Đã được thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Giao thông phục vụ chữa cháy; Giải pháp thoát nạn;

- Khoảng cách an toàn PCCC;

- Hệ thống chữa cháy vách tường;

- Hệ thống báo cháy tự động

- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo - Yêu cầu chủ đầu tư thực hiện đầy đủ các kiến nghị theo công văn hướng dẫn an toàn PCCC số 205 /CSPC&CC-P2 ngày 12 tháng 9 năm 2014.

Nơi nhận:

- Cục CS PCCC (Bảo cáo);

- CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)

- Lưu CS PCCC S4(1).

- Lưu P2(2).

Bình Dương, ngày 12 tháng 9 năm 2014



GIÁM ĐỐC

HỒ GIÁM ĐỐC

Đại tá Lê Anh Việt

**BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PC&CC
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **135** /CSPC&CC-P2

Bình Dương, ngày 24 tháng 5 năm 2015

V/v xác nhận nghiệm thu
hệ thống phòng cháy chữa cháy

Kính gửi: Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)

Xét công văn đề nghị số 01/CV ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) về việc nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy đối với công trình: Nhà xưởng + kho 1,2. Địa chỉ: xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ hồ sơ đã thẩm duyệt số 374/TDPCCC-P2 ngày 12 tháng 9 năm 2014; hồ sơ nghiệm thu hệ thống PCCC của công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện các bên liên quan lập ngày 25 tháng 4 năm 2015.

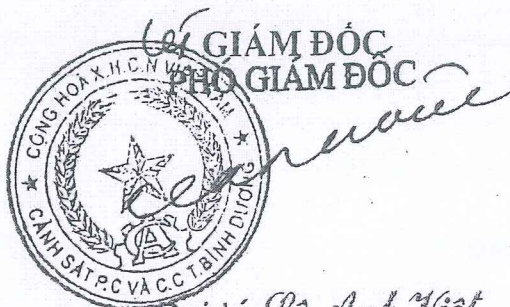
Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Bình Dương đồng ý nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đối với công trình trên với nội dung sau:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler lắp đặt theo đúng thiết kế được phê duyệt.
- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế.

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng hướng dẫn và quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Cảnh sát PCCC Số 4;
- Lưu: Phòng 2 (TH, TDKT).



Đại tá *Lê Anh Việt*

Số 485 /TD-PCCC-P2.....

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 01/CV ngày 16/7/2017 của: CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)

Người đại diện là ông/bà: Pan Ying Ming Chức danh: P.T. Giám đốc

CẢNH SÁT PC&CC TỈNH BÌNH DƯƠNG CHỨNG NHẬN:

Công trình: NHÀ XƯỞNG (54M X 42M)

Địa điểm xây dựng: Xã An Điền, thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Cty TV-TK-XD Kiến Tạo; Cty TV-TK&LD PCCC Phú Thịnh Phát.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Giao thông phục vụ chữa cháy;
- Điều kiện thoát nạn; Khoảng cách phòng cháy chữa cháy
- Hệ thống cấp nước chữa cháy (ngoài nhà, vách tường);
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chữa cháy tự động sprinkler

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2

Bình Dương, ngày 27 tháng 7 năm 2017

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)
- Phòng CS PCCC số 4;
- Lưu: P2 (TDKT);

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Đại tá Lê Anh Việt

QUỐC AN - NINH THỊA TRUNG

Số: 169 /2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nhà, ngày 08 tháng 09 năm 2020.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các cử vào công văn đề nghị kiểm tra và xác nhận PCCC của Công ty Trama Group. Địa chỉ: Tổ An Viên - Bến Cát - Bình Dương.

Qua việc tra soát Cảnh sát PCCC công an tỉnh Bình Dương, xác nhận: Công ty Trama Group đã trang bị 06 bộ nội quy tiêu chuẩn PCCC, 40 bình chữa cháy loại MFZ - 8. Có đầy đủ hồ sơ quản lý và vận hành chữa cháy.

Hội nhận:

- Công ty Trama Group.

- Đơn: PCCC.

TL/ GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH

TRƯỞNG PHÒNG T. PCCC

THỦ TÁ: *Trần Văn Hùng*

**BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PC&CC
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *167* /CSPC&CC-S4

Bình Dương, ngày *11* tháng 5 năm 2018

V/v xác nhận nghiệm thu
hệ thống phòng cháy chữa cháy

Kính gửi: Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam).

Xét đơn đề nghị ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) về việc nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy cho công trình: Nhà xưởng (54m x 42m). Địa điểm xây dựng: xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào hồ sơ thẩm duyệt số 485/TD-PCCC-P2 ngày 27/7/2017; hồ sơ nghiệm thu hệ thống PCCC của công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện các bên liên quan lập ngày 12 tháng 5 năm 2018.

Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Bình Dương đồng ý nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đối với công trình trên với nội dung sau:

- Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống cấp nước chữa cháy (vách tường, ngoài nhà), hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler lắp đặt theo đúng thiết kế được duyệt.

- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế.

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng hướng dẫn và quy định. *nh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng 2;
- Lưu: VT, Phòng CSPC&CCS4(KT).

GIÁM ĐỐC *xy*



Đại tá *Nguyễn Văn Đạt*



BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN
KHU VỰC II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHỨNG CHỈ KIỂM TRA KỸ THUẬT

Số (No.): 26791.2022/KĐ2

Đơn vị yêu cầu kiểm tra: CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP VIỆT NAM
Đối tượng kiểm tra: Hệ thống chống sét
Đặc tính kỹ thuật: Hệ thống chống sét đánh thẳng sử dụng kim thu sét dạng chủ động
Đơn vị sử dụng: CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP VIỆT NAM
Phạm vi công việc kiểm tra: Đo điện trở nối đất
Quy trình kiểm tra: QT11
Tiêu chuẩn đánh giá: TCVN 9385:2012
Người kiểm tra: Bùi Phước Tấn
Thời gian kiểm tra: 27-05-2022
Địa điểm kiểm tra: Xã An Điền, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
Báo cáo kết quả kiểm tra số: 26791/KĐ2
Kết quả kiểm tra: Đạt yêu cầu

Căn cứ báo cáo kết quả kiểm tra, Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn khu vực II xác nhận đối tượng nêu trên đã được chúng tôi kiểm tra theo phạm vi công việc nêu trong chứng chỉ này.
Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ: 27-05-2023

Ngày 07 tháng 06 năm 2022

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Hồng Hà



Số: 26791/KĐ2

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 06 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐO ĐIỆN TRỞ TIẾP ĐẤT HỆ THỐNG CHỐNG SÉT ĐÁNH THẮNG

- + Công trình: **CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP VIỆT NAM**
- + Địa chỉ: Xã An Điền, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- + Đơn vị yêu cầu đo: **CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP VIỆT NAM**
- + Tiêu chuẩn áp dụng : TCVN 9385:2012.
- + Qui trình đo số : QT11
- + Chế độ kiểm tra : Định kỳ
- + Người thực hiện : **BÙI PHƯỚC TẤN** - Kiểm định viên
- + Thời gian thực hiện : 27/05/2022.
- + Tình trạng thời tiết khi đo: Trời nắng, đất khô, nhiệt độ môi trường

I. ĐẶC ĐIỂM HỆ THỐNG

- Hệ thống chống sét đánh thẳng sử dụng kim thu sét dạng chủ động

II. KẾT QUẢ ĐO

- Dụng cụ đo :

Mã hiệu	Số chế tạo	Giấy CN kiểm định số	Hạn kiểm định
Kyoritsu 4105A	E8228809	KT3-0248ADE2/2	31/03/2023

- Kết quả đo:

Stt	Vị trí đo	Trị số trung bình (Ω)	Hệ số phụ	Trị số đánh giá (Ω)	Đánh giá theo TCVN 9385:2012 ($<10 \Omega$)	Ghi chú
1	Dây nối đất – Khu văn phòng	5,0	1,3	6,5	ĐẠT	
2	Dây nối đất – Khu nhà xưởng A	1,5	1,3	1,95	ĐẠT	
3	Dây nối đất – Khu nhà xưởng B	1,0	1,3	1,3	ĐẠT	
4	Dây nối đất – Khu máy hút bụi	1,1	1,3	1,43	ĐẠT	

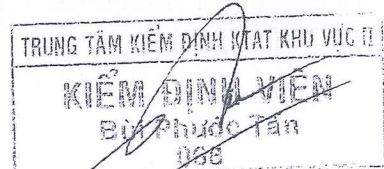
III- NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

- Nhận xét: Không
- Kiến nghị: Đơn vị cần thực hiện đo điện trở tiếp đất của hệ thống trước ngày 27/05/2023.

IV- KẾT LUẬN

◆ Hệ thống chống sét đánh thẳng bảo vệ công trình có trị số điện trở tiếp đất đạt yêu cầu theo quy định tại các tiêu chuẩn áp dụng nêu trên .

NGƯỜI KIỂM TRA



Số: ~~2021~~ CTHC/HĐ – KT/21

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải hầm cầu của Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/06/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015.
- Căn cứ quyết định 23/2016/QĐ-UBND ngày 05/08/2016 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH : 1-2-3-4-5-6.028.VX , của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 2 ngày 23/05/2019 và phụ lục II – nội dung điều chỉnh đối với Giấy phép xử lý CTNH do Bộ tài nguyên và Môi trường cấp ngày 23/07/2020 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Cty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó)
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 30 tháng 07 năm 2021.
- Căn cứ theo nhu cầu của Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700460713 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương cấp (chứng nhận thay đổi lần 3) ngày 11/09/2017.

Hôm nay, ngày 11 tháng 12 năm 2021 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)

Địa chỉ: ấp An Mỹ, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 02743.566511/2

Fax: 02743.566864

Mã số thuế: 3700460713

Do Ông/Bà: PAN YING MING

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Mã khách hàng:

Ngành sản xuất: Ván gỗ, ván trang trí, đồ gỗ văn phòng và gia dụng.

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty : Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ: Thửa đất số 1093, Tờ bản đồ số 29, khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa , thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 02746.564528/29

Fax: 0274 3.542907

Tên tài khoản : CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Tài khoản 1: 6501.0000069090 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương

Tài khoản 2: 0841000087337 tại Ngân hàng Vietcombank – Chi Nhánh Bắc Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông Ngô Chí Thắng

Chức vụ: Phó giám đốc CN Làm Đại Diện

(Theo giấy ủy quyền số 08/UQ-XLCT.NSQT, ngày 31 tháng 12 năm 2020)

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải hàm cầu phát sinh trong quá trình sinh hoạt

1.2. Điều kiện lưu chứa

- Chất thải hàm cầu được bên A chứa trong hầm tách riêng biệt.

1.3. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: Thu gom theo yêu cầu Bên A báo trước cho Bên B 02 ngày qua tin nhắn điện thoại hoặc tin nhắn zalo và ít nhất 01 lần/06 tháng (trừ ngày lễ và ngày tết)
- Địa điểm giao nhận: tại Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) (Địa chỉ: ấp An Mỹ, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.)

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá chất thải hàm cầu được thể hiện cụ thể trong bảng sau :

Stt	Loại chất thải	Đơn giá Xử Lý (đồng/kg)	Đơn giá vận chuyển (đồng/chuyến)
01	Chất thải hàm cầu	800	1.200.000

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT 10%

- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản.

2.2. Phương thức thanh toán

- Căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A.

- Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán 15 ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn điện tử do bên B phát hành tại website: www.biwase.com.vn (Bên A tự đăng nhập để nhận hóa đơn).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email/nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Nguyễn Thị Mỹ Lệ	mylecash@yahoo.com	0948.585.023

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.
- Nếu bên A không thanh toán cho bên B theo đúng thời hạn ghi hợp đồng này thì bên B sẽ ngưng thu gom chất thải cho bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

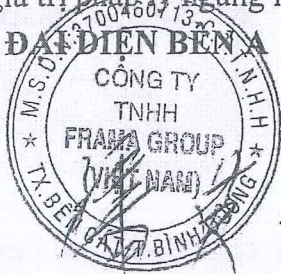
3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Chịu trách nhiệm phân loại chất thải theo đúng quy định về quản lý chất thải trước khi chuyển giao cho bên B.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 2. Theo định kỳ, căn cứ vào lịch thu gom đã thỏa thuận tại điều 1 khoản 1.3, bên B đến thu gom chất thải mà bên A không giao chất thải thì bên A phải chịu chi phí vận chuyển đã thỏa thuận tại điều 2.1 cho lần đến vận chuyển đó.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Giao rác đúng thời gian và đặt tại vị trí thỏa thuận, nơi lưu chứa phải thuận lợi cho phương tiện vận chuyển di chuyển vào thu gom.
- Cử người ký xác nhận việc thu gom chất thải khi bên B đến thu gom.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.

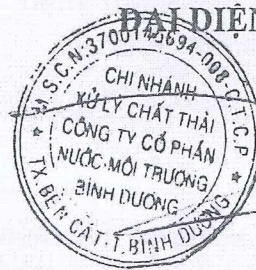
5.2 Trong vòng 180 (một tám mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 180 (một tám mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.

5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nghĩa vụ nào thì hợp đồng này xem như được thanh lý.

5.4 Hợp đồng bao gồm 05 (năm) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ (02) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.



PAN-YING-MING



Ngô Chí Cường
Phó Giám Đốc

Số: 2002-RNH/HĐ – KT/21

HỢP ĐỒNG

M03-OT18/XLCT

V/v xử lý chất thải nguy hại của Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/06/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015.
- Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính Phủ về Quản lý Chất thải và phế liệu.
- Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH : 1-2-3-4-5-6.028.VX , của Cty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 2 ngày 23/05/2019 và phụ lục II – nội dung điều chỉnh đối với Giấy phép xử lý CTNH do Bộ tài nguyên và Môi trường cấp ngày 23/07/2020 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Cty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 30 tháng 07 năm 2021.
- Căn cứ theo sổ đăng ký quản lý chủ nguồn thải nguy hại mã số QLCT nguy hại : 74.000.767.T, ngày 27 tháng 04 năm 2010 do Chi Cục Bảo Vệ Môi Trường tỉnh Bình Dương cấp lần cho Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)
- Căn cứ theo nhu cầu của Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700460713 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương cấp (chứng nhận thay đổi lần 3) ngày 11/09/2017.

Hôm nay, ngày 24 tháng 12 năm 2021 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)

Địa chỉ: ấp An Mỹ, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 02743.566511/2

Fax: 02743.566864

Mã số thuế: 3700460713

Do Ông/Bà: PAN YING MING

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Mã khách hàng:

Ngành sản xuất: Ván gỗ, ván trang trí, đồ gỗ văn phòng và gia dụng.

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty : Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ: Thửa đất số 1093, Tờ bản đồ số 29, khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa , thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 02746.564528/29

Fax: 0274 3.542907

Tên tài khoản : **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Tài khoản 1: 6501.0000069090 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương

Tài khoản 2: 0841000087337 tại Ngân hàng Vietcombank – Chi Nhánh Bắc Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông **Ngô Chí Thắng**

Chức vụ: Phó giám đốc CN Lâm Đại Diện

(Theo giấy ủy quyền số 08/UQ-XLCT.NSQT, ngày 31 tháng 12 năm 2020)

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sản xuất của bên A .

1.2. Điều kiện lưu chứa:

- Chất thải nguy hại (CTNH) được bên A thu gom, phân loại, lưu giữ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định hiện hành trước khi giao cho Bên B. Chất thải nguy hại lưu chứa trong các bao bì, thiết bị đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn CTNH và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu lô hàng chất thải nguy hại chuẩn bị chuyển giao mà để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục Chất thải nguy hại chuyển giao đính kèm hợp đồng thì Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ lô hàng bị lẫn đó.

1.3. Phương thức xác định khối lượng

- Khối lượng chất thải là tổng của khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên A có xác nhận của bên B. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của bên B.

1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: Thu gom theo yêu cầu Bên A báo trước cho Bên B **02** ngày qua tin nhắn điện thoại hoặc tin nhắn zalo và ít nhất **01** lần/tháng (trừ ngày lễ và ngày tết)
- Địa điểm giao nhận: tại **Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)** (Địa chỉ: ấp An Mỹ, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.)

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá của từng loại chất thải được thể hiện trong bảng sau:

Stt	Loại chất thải	Trạng Thái Tồn Tại	Mã CTNH	Phương thức xử lý	Đơn giá Xử Lý (Đồng/kg)	Đơn giá vận chuyển (Đồng/lần)
01	Bao bì, thùng đựng keo, dầu nhớt thải	Rắn	18 01 01	Thiêu đốt	2.000	900.000
02	Giẻ lau dính keo, dầu nhớt thải	Rắn	18 02 01	Thiêu đốt	4.000	
03	Cặn keo thải	Rắn	08 03 01	Thiêu đốt	5.000	
04	Dầu nhớt thải	Lỏng	17 02 04	Thiêu đốt	3.000	
05	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	Hóa rắn/chôn	15.000	
06	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	Thiêu đốt	8.000	
07	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	Tẩy rửa	8.000	
08	Xăng dầu thải	Lỏng	17 06 02	Thiêu đốt	4.000	

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.

- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản

2.2. Phương thức thanh toán

- Căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A.
- Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán 15 ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn GTGT do bên B phát hành tại website: www.biwase.com.vn (định kỳ hàng tháng bên A vui lòng đăng nhập để nhận hóa đơn GTGT).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Nguyễn Thị Mỹ Lệ	mylecash@yahoo.com	0948.585.023

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.

- Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng thu gom chất thải cho Bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Chịu trách nhiệm phân định, phân loại, xác định số lượng chất thải nguy hại theo quy định.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 2. Theo định kỳ, căn cứ vào lịch thu gom đã thỏa thuận tại Điều 1- khoản 1.4, bên B đến thu gom chất thải mà bên A không giao chất thải thì bên A phải chịu chi phí vận chuyển đã thỏa thuận tại điều 2.1 cho lần đến vận chuyển đó.
- Phát hành Chứng từ CTNH theo quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT cho bên B khi chuyển giao CTNH theo hợp đồng đã ký kết.
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH theo quy định hiện hành.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Cử người cân xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 2.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :

- + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
- + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại khoản 2.2 điều 2.
- + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
- + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 5.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.
- Từ chối tiếp nhận loại CTNH không đúng với thông tin Danh mục CTNH quy định tại điều 2 của hợp đồng.
- Từ chối tiếp nhận CTNH nếu không được lưu chứa trong bao bì, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý; có khả năng không đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Đảm bảo việc thu gom, vận chuyển, xử lý các loại CTNH theo Danh mục CTNH quy định tại điều 2 hợp đồng đúng theo các nội dung của Giấy phép xử lý CTNH được cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Bên B có trách nhiệm giữ vệ sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ ~~toàn bộ lượng~~ chất thải đã được bên A giao theo quy định.
- Thực hiện Chứng từ CTNH theo quy định.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 20 tháng 12 năm 2023 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.

5.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.

5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nghĩa vụ nào thì hợp đồng này xem như được thanh lý.

5.4 Hợp đồng bao gồm 06 (sáu) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ (02) bản có giá trị pháp lý ngang nhau. *✓*



PAN-YING-MING



Ngô Chi Hằng
Phó Giám Đốc

Số: 2002-RCN/HĐ – KT/21

HỢP ĐỒNG

M02-OT18/XLCT

V/v xử lý chất thải công nghiệp của Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)

- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;
- Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014;
- Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về Quản lý Chất thải và phế liệu;
- Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại;
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH : 1-2-3-4-5-6.028.VX , của Cty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 2 ngày 23/05/2019 và phụ lục II – nội dung điều chỉnh đối với Giấy phép xử lý CTNH do Bộ tài nguyên và Môi trường cấp ngày 23/07/2020 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Cty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 30 tháng 07 năm 2021.
- Căn cứ theo nhu cầu của Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700460713 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương cấp (chứng nhận thay đổi lần 3) ngày 11/09/2017.

Hôm nay, ngày 24 tháng 12 năm 2021 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)

Địa chỉ: ấp An Mỹ, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 02743.566511/2

Fax: 02743.566864

Mã số thuế: 3700460713

Do Ông/Bà: **PAN YING MING**

Chức vụ: PT.Giám Đốc

Ngành sản xuất: Ván gỗ, ván trang trí, đồ gỗ văn phòng và gia dụng.

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty : Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ: Thửa đất số 1093, Tờ bản đồ số 29, khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 02746.564528/29

Fax: 0274 3.542907

Tên tài khoản : **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Tài khoản 1: 6501.0000069090 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương

Tài khoản 2: 0841000087337 tại Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Bắc Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông **Ngô Chí Thắng**

Chức vụ: Phó giám đốc CN Làm Đại Diện

(Theo giấy ủy quyền số 08/UQ-XLCT.NSQT, ngày 31 tháng 12 năm 2020)

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp (không nguy hại) phát sinh trong hoạt động sản xuất của bên A.

1.2. Điều kiện lưu chứa

- Chất thải công nghiệp (không nguy hại) được bên A thu gom, phân loại và lưu chứa trong các bao bì, thùng chứa riêng biệt; đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường; đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý chất thải công nghiệp do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.

1.3. Phương thức xác định khối lượng

- Khối lượng chất thải là tổng của khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên A có xác nhận của bên B. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của bên B.

1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: 01 lần/tháng vào ngày thứ 04 tuần thứ 03 hàng tháng (trừ ngày lễ và ngày tết).
- Địa điểm giao nhận: tại Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) (Địa chỉ: ấp An Mỹ, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.)

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá chất thải công nghiệp (không nguy hại) được thể hiện cụ thể trong bảng sau :

Stt	Loại chất thải công nghiệp	Trạng thái	Đơn giá Xử Lý (Đồng/kg)	Đơn giá vận chuyển (đồng/lần)
01	Nilon, giấy vụn, nút xốp, carton, dây đai	Rắn	2.000	600.000

Ghi chú:

- Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.
- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản
- Trong trường hợp bên A có nhu cầu chuyển giao cho bên B có loại chất thải công nghiệp (không nguy hại) ngoài Danh mục chất thải công nghiệp thì hai bên sẽ tiến hành thương thảo, thỏa thuận lại các điều kiện của Hợp đồng trước khi tiến hành giao nhận.

2.2. Phương thức thanh toán

- Căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A.
- Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán ... ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn GTGT do bên B phát hành tại website: www.biwase.com.vn (định kỳ hàng tháng bên A vui lòng đăng nhập để nhận hóa đơn GTGT).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Nguyễn Thị Mỹ Lệ	mylecash@yahoo.com	0948.585.023

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.
- Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng thu gom chất thải cho Bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1 Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Có quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Chịu trách nhiệm phân định chất thải theo đúng quy định về quản lý chất thải trước khi chuyển giao cho bên B.
- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 1.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 2. Theo định kỳ, căn cứ vào lịch thu gom đã thỏa thuận tại Điều 1 – khoản 1.4, bên B đến thu gom chất thải mà bên A không giao chất thải thì bên A phải chịu chi phí vận chuyển đã thỏa thuận tại điều 2.1 cho lần đến vận chuyển đó.
- Phân loại chất thải theo quy định. Không để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn công nghiệp phát sinh từ hoạt động của người lao động, bùn thải hoặc các loại chất thải khác vào các loại chất thải thuộc Danh mục chất thải công nghiệp quy định tại Điều 2, Khoản 1. Chịu trách nhiệm chi trả chi phí vận chuyển đối với lần đến vận chuyển không đúng quy định này.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B đến thu gom. Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Cử người cân xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 02.
- Bên B có quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
 - Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại khoản 2.2 điều 2.
 - Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
 - Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 5.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.

- Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ loại hoặc lô hàng chất thải công nghiệp chuẩn bị chuyển giao của Bên A có lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục chất thải công nghiệp. Bên B yêu cầu bên A thanh toán chi phí vận chuyển cho lần đến vận chuyển không đúng quy định này.
- Bên B có quyền từ chối nhận các loại chất thải công nghiệp thông thường không thuộc Danh mục chất thải công nghiệp đã ký kết. Chỉ tiếp nhận các loại chất thải theo Danh mục chất thải công nghiệp đã ký kết
- Quyền cung cấp thông tin của hợp đồng này theo luật định hoặc khi có yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền.
- Trong trường hợp phát hiện Bên A tự xử lý chất thải công nghiệp (không nguy hại) không đúng quy định về quản lý chất thải thông thường thì bên B có quyền thông báo bằng văn bản cho cơ quan có chức năng để xem xét, xử lý.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Bảo đảm tuân thủ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải đúng như Điều 1; quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường và Giấy phép xử lý chất thải nguy hại được cấp.
- Chịu trách nhiệm khi vi phạm các quy định hiện hành về quản lý chất thải thông thường và Giấy phép xử lý chất thải nguy hại được cấp trong khi thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường của Bên B.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 20 tháng 12 năm 2023. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.

5.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.

5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nghĩa vụ nào thì hợp đồng này xem như được thanh lý.

5.4 Hợp đồng bao gồm 06 (sáu) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ (02) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



PAN-YING-MING

ĐẠI DIỆN BÊN B



Ngô Chi Hằng
Phó Giám Đốc

4/ 01/ 3/ 2017

T. T. N. H. H.
DƯƠNG *

Số: 2022 - RTT/HĐ – KT/21

M01-OT18/XLCT

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của người lao động) của Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/06/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015.
- Căn cứ quyết định 23/2016/QĐ-UBND ngày 05/08/2016 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Dương.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 16 ngày 28/10/2021) cho Công ty Cổ phần nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH : 1-2-3-4-5-6.028.VX , của Cty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 2 ngày 23/05/2019 và phụ lục II – nội dung điều chỉnh đối với Giấy phép xử lý CTNH do Bộ tài nguyên và Môi trường cấp ngày 23/07/2020 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Cty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 30 tháng 07 năm 2021.
- Căn cứ theo nhu cầu của Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700460713 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương cấp (chứng nhận thay đổi lần 3) ngày 11/09/2017.

Hôm nay, ngày 11 tháng 12 năm 2021 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)

Địa chỉ: ấp An Mỹ, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 02743.566511/2

Fax: 02743.566864

Mã số thuế: 3700460713

Do Ông/Bà: **PAN YING MING**

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Mã khách hàng:

Ngành sản xuất: Ván gỗ, ván trang trí, đồ gỗ văn phòng và gia dụng.

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty : Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ: Thửa đất số 1093, Tờ bản đồ số 29, khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa , thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 02746.564528/29

Fax: 0274 3.542907

Tên tài khoản : **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Tài khoản 1: 6501.0000069090 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương

Tài khoản 2: 0841000087337 tại Ngân hàng Vietcombank – Chi Nhánh Bắc Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông **Ngô Chí Thắng**

Chức vụ: Phó giám đốc CN Làm Đại Diện

(Theo giấy ủy quyền số 08/UQ-XLCT.NSQT, ngày 31 tháng 12 năm 2020)

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của người lao động) của bên A.

1.2. Điều kiện lưu chứa

- Chất thải công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động được bên A thu gom, phân loại và lưu chứa trong các thùng chứa hoặc bao bì riêng biệt, đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn chất thải theo quy định và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu xảy ra tình trạng chất thải ngoài quy định của hợp đồng (chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải công nghiệp từ hoạt động sản xuất) để chung với chất thải công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động, bên B có quyền từ chối thu gom chất thải (hai bên lập biên bản xác nhận sự việc), bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển tương ứng một chuyến vận chuyển theo hợp đồng.

1.3. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: 02 lần/tuần vào ngày thứ 3, 5... hàng tuần (trừ ngày lễ và ngày tết)
- Địa điểm giao nhận: tại Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam) (Địa chỉ: ấp An Mỹ, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.)

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá chất thải rắn công nghiệp thông thường (chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của người lao động) được thể hiện cụ thể trong bảng sau:

Stt	Loại chất thải	Khối lượng (kg/tháng)	Đơn giá Xử Lý (đồng/tháng)	Đơn giá vận chuyển (đồng/tháng)	Tổng đơn giá (đồng/tháng)
01	Chất thải rắn công nghiệp thông thường (chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của người lao động): rác từ nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng	1.200	950.000	1.200.000	2.150.000

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT 10%

- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản.

2.2. Phương thức thanh toán

- Hàng tháng bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A.
- Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán 15 ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn GTGT do bên B phát hành tại website: www.biwase.com.vn (định kỳ hàng tháng bên A vui lòng đăng nhập để nhận hóa đơn GTGT).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Nguyễn Thị Mỹ Lệ	mylecash@yahoo.com	0948.585.023

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.

2.3 Điều chỉnh đơn giá:

Trong một số trường hợp sau đây có thể xem xét điều chỉnh đơn giá của hợp đồng:

- Điều chỉnh giá theo các quy định của ngành.
- Thay đổi đột biến về khối lượng hoặc quy mô so với hợp đồng đã ký (mức thay đổi trên 10%)
- Thay đổi tần suất thu gom rác.
- Thay đổi địa điểm giao rác.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.

- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Thực hiện các quy định về phân loại rác tại nguồn, không được đưa các loại chất thải nguy hại, chất thải không hợp pháp, chất thải có thể gây cháy, nổ, chất thải công nghiệp thông thường từ hoạt động sản xuất vào chung chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 2.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Giao rác đúng thời gian và đặt tại vị trí thỏa thuận, nơi lưu chứa phải thuận lợi cho phương tiện vận chuyển di chuyển vào thu gom.
- Cử người ký xác nhận việc thu gom chất thải khi bên B đến thu gom.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 02.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại khoản 2.2 điều 2.
 - + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
 - + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 5.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Bố trí nhân sự, phương tiện đến nhận chất thải của bên A giao theo đúng thời gian thỏa thuận và đảm bảo các quy định vệ sinh đô thị. Phương tiện vận chuyển được trang bị

bảo đảm vệ sinh môi trường, bảo đảm thu dọn sạch sẽ chất thải rơi vãi ngay sau khi thu gom.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 20 tháng 12 năm 2023. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.

5.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.

5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nghĩa vụ nào thì hợp đồng này xem như được thanh lý.

5.4 Hợp đồng bao gồm 05 (năm) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ (02) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG
CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 426 /CN-CCBVM

Thủ Dầu Một, ngày 27 tháng 04 năm 2010

**SỞ ĐĂNG KÝ QUẢN LÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**

Mã số Quản lý chất thải nguy hại: 74.00076



HSIEH FA KUANG

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

Tên chủ nguồn thải: Công ty TNHH Frama Group Việt Nam.

Địa chỉ: xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650.3566512

Fax: 0650.3566864

Giấy phép đầu tư số: 225/GP-BD do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 11 tháng 10 năm 2002, điều chỉnh lần 2 ngày 15 tháng 06 năm 2009.

Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường số: 103/QĐ-STNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 02 tháng 02 năm 2010.

Loại hình cơ sở: Công ty Trách nhiệm hữu hạn

II. Nội dung đăng ký:

Công ty đã đăng ký với Chi cục Bảo vệ môi trường danh sách chất thải nguy hại và danh sách chất thải khác phát sinh tại Công ty như sau:

1. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh trung bình trong 01 tháng tại Công ty

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/tháng)	Mã CTNH
1	Bao bì, thùng đựng keo, dầu nhớt thải	Rắn	200	18 01 01
2	Giẻ lau dính keo, dầu nhớt thải	Rắn	80	18 02 01
3	Cặn keo thải	Rắn	100	08 03 01
4	Dầu nhớt thải	Lỏng	20	17 02 04
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	2	16 01 06
6	Hộp mực in thải	Rắn	1,5	08 02 04
7	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	1,5	19 06 01
8	Xăng dầu thải	Lỏng	10	17 06 02
Tổng cộng:			415 kg	

2. Danh sách chất thải khác đã đăng ký phát sinh trung bình trong 01 tháng tại Công ty

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/tháng)
1	Mạt cưa	Rắn	2.100
2	Ván vụn	Rắn	6.000
3	Giấy carton	Rắn	900
4	Rác thải sinh hoạt	Rắn	900
Tổng cộng:			9.900 kg

3. Bộ hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại:

- Bản sao Giấy phép đầu tư số: 225/GP-BD do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 11 tháng 10 năm 2002, điều chỉnh lần 2 ngày 15 tháng 06 năm 2009.

- Bản sao Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường số: 103/QĐ-STNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 02 tháng 02 năm 2010.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Bảo vệ môi trường, phòng, chống ô nhiễm và suy thoái môi trường;
2. Tuân thủ các quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Luật bảo vệ môi trường và các quy định liên quan;
3. Có trách nhiệm quản lý chất thải nguy hại cho đến khi chúng được tiêu hủy;
4. Thực hiện đúng các trách nhiệm được quy định tại Mục 1, phần IV của Thông tư số: 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
5. Hợp đồng với đơn vị có giấy phép hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại để xử lý, đồng thời lưu giữ chứng từ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định;
6. Định kỳ 06 tháng một lần, lập báo cáo về tình hình phát sinh và quản lý chất thải nguy hại gửi về Chi cục Bảo vệ môi trường theo mẫu tại phụ lục 4 (A) của Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT.
7. Khi chấm dứt hoạt động, phải thông báo bằng văn bản và nộp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải cho Chi cục Bảo vệ môi trường.
8. Phải điều chỉnh Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại khi:
 - Thay đổi, bổ sung về chủng loại hoặc tăng từ 15% trở lên so với số lượng chất thải nguy hại đã đăng ký;
 - Thay đổi địa điểm cơ sở nhưng không thay đổi chủ nguồn thải hoặc thay đổi chủ nguồn thải nhưng không thay đổi địa điểm cơ sở.

IV. Thời hạn hiệu lực:

Sổ đăng ký này có hiệu lực cho đến khi cần điều chỉnh theo quy định hoặc khi Công ty chấm dứt hoạt động.

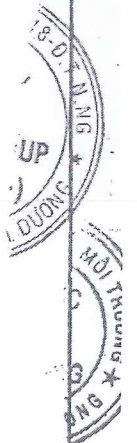
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Gks4 *ur*

PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG PHỤ TRÁCH *ur*



Lão Mạnh Quân





TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM

Công ty Điện lực Bình Dương-Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001.014

19001006-19009000

Mẫu số: 01GTKT0/003
Ký hiệu: AD/22E
Số: 0241765

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Khách hàng

Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)

Địa chỉ

ấp An Mỹ, Xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương

Điện thoại

0948585023

Email

mylecafh@yahoo.com

Mã số thuế

3700460713

Địa chỉ sử dụng điện

Xã An Điền Xã An Điền

Mục đích sử dụng điện

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

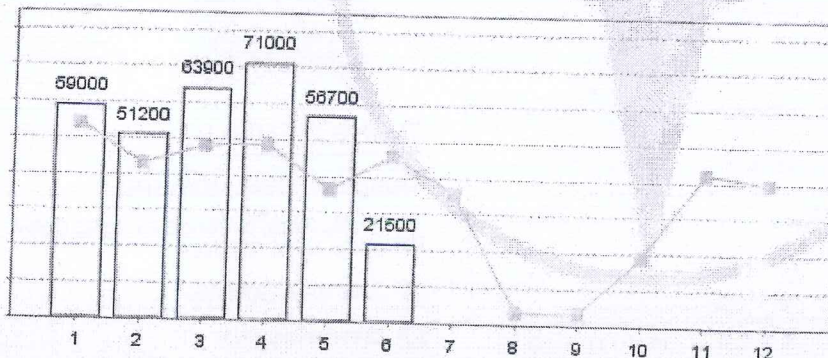
Cấp điện áp sử dụng

Từ 22kV đến dưới 35kV

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 6/2022 (11 ngày từ 26/05/2022 đến 05/06/2022)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17090916				
Khung giờ bình thường	100	16.127	15.990	13.700
Khung giờ cao điểm	100	6.855	6.783	7.200
Khung giờ thấp điểm	100	4.598	4.592	600
				Tổng: 21.500



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.555	13.700	21.303.500
Khung giờ cao điểm	2.871	7.200	20.671.200
Khung giờ thấp điểm	1.007	600	604.200
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		21.500	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			42.578.900
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			3.406.312
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			45.985.212

Bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm mười hai đồng.



Mã khách hàng

PB04040085732



Số tiền thanh toán

45.985.212 đồng



Hạn thanh toán

11/06/2022

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://www.cskh.evnspsc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspsc.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

BÊN BÁN ĐIỆN

Ngày ký 06/06/2022

Người ký: Công ty Điện lực Bình Dương - Điện lực Bến Cát


TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM
Công ty Điện lực Bình Dương-Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001.014

19001006-19009000

Mẫu số: 01GTK0/003

Ký hiệu: AD/22E

Số: 0241645

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Khách hàng

Công ty TNHH Frama Group Việt-Nam

Địa chỉ

Xã An Điền Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại

0918558498

Email

chauhuenhi@yahoo.com.vn

Mã số thuế

3700460713

Địa chỉ sử dụng điện

Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mục đích sử dụng điện

100 % Sản xuất - Giờ bình thường

100 % Sản xuất - Giờ cao điểm

100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

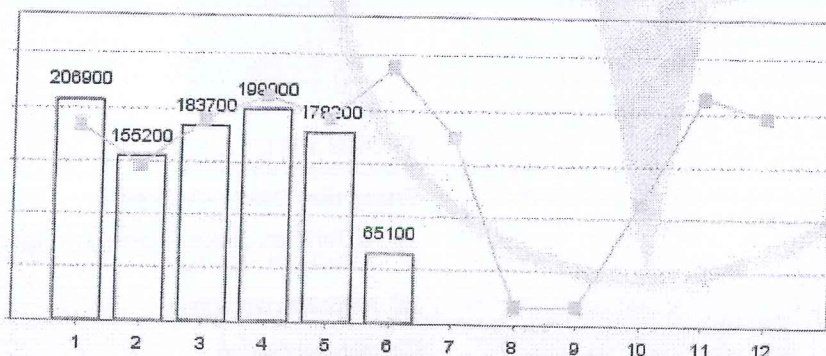
Cấp điện áp sử dụng

Từ 22kV đến dưới 35kV

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 6/2022 (11 ngày từ 26/05/2022 đến 05/06/2022)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17088926				
Khung giờ bình thường	100	190.722	190.308	41.400
Khung giờ cao điểm	100	70.133	69.909	22.400
Khung giờ thấp điểm	100	69.755	69.742	1.300

Tổng: 65.100

☐ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ☐ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.555	41.400	64.377.000
Khung giờ cao điểm	2.871	22.400	64.310.400
Khung giờ thấp điểm	1.007	1.300	1.309.100
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		65.100	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			129.996.500
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			10.399.720
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			140.396.220

Bằng chữ: Một trăm bốn mươi triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm hai mươi đồng.



Mã khách hàng

PB04040010805


Số tiền thanh toán

140.396.220 đồng


Hạn thanh toán

11/06/2022

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ

<https://www.cskh.evnspsc.vn/>

và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:


THÔNG TIN LIÊN HỆ
Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspsc.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android


IOS

Android
BÊN BÁN ĐIỆN

Ngày ký 06/06/2022

Người ký: Công ty Điện lực Bình Dương - Điện lực Bến Cát


TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM
Công ty Điện lực Bình Dương-Điện lực Bến Cát

 Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
 MST: 0300942001.014

19001006-19009000

 Mẫu số: 01GKT0/003
 Ký hiệu: AD/22E
 Số: 0267931

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Khách hàng

Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)

Địa chỉ

ấp An Mỹ, Xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương

Điện thoại

0948585023

Email

mylecafh@yahoo.com

Mã số thuế

3700460713

Địa chỉ sử dụng điện

Xã An Điền Xã An Điền

Mục đích sử dụng điện

 100 % Sản xuất - Giờ bình thường
 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

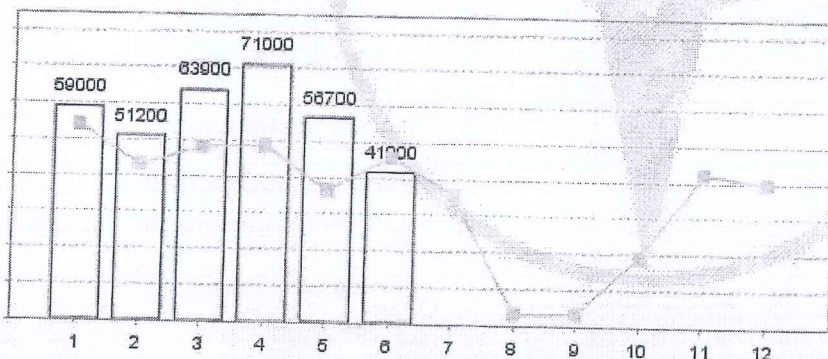
Cấp điện áp sử dụng

Từ 22kV đến dưới 35kV

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 6/2022 (10 ngày từ 06/06/2022 đến 15/06/2022)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17090916				
Khung giờ bình thường	100	16.259	16.127	13.200
Khung giờ cao điểm	100	6.923	6.855	6.800
Khung giờ thấp điểm	100	4.602	4.598	400
				Tổng: 20.400


☐ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ☒ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.555	13.200	20.526.000
Khung giờ cao điểm	2.871	6.800	19.522.800
Khung giờ thấp điểm	1.007	400	402.800
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		20.400	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			40.451.600
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			3.236.128
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			43.687.728

Bảng chữ: Bốn mươi ba triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng.



Mã khách hàng

PB04040085732



Số tiền thanh toán

43.687.728 đồng



Hạn thanh toán

21/06/2022

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

 Vui lòng truy cập địa chỉ
<https://www.cskh.evnspsc.vn/>
 và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ
Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspsc.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC



Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



IOS



Android

BÊN BÁN ĐIỆN

Ngày ký 16/06/2022

Người ký : Công ty Điện lực Bình Dương - Điện lực Bến Cát



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM

Công ty Điện lực Bình Dương-Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001.014

19001006-19009000

Mẫu số: 01GTK0/003
Ký hiệu: AD/22E
Số: 0267811

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Khách hàng

Công ty TNHH Frama Group Việt-Nam

Địa chỉ

Xã An Điền Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại

0918558498

Email

chauhuenhi@yahoo.com.vn

Mã số thuế

3700460713

Địa chỉ sử dụng điện

Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mục đích sử dụng điện

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

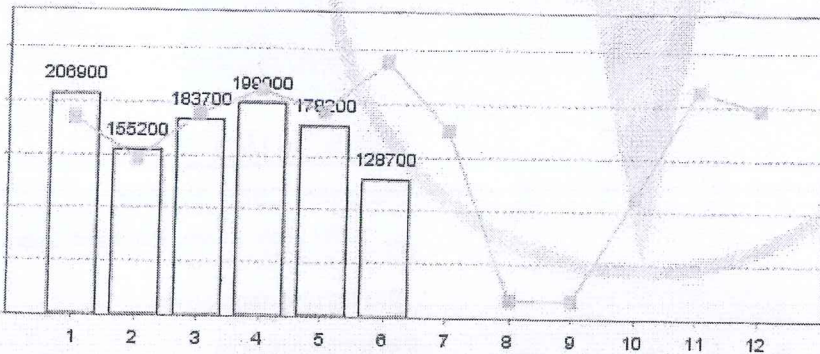
Cấp điện áp sử dụng

Từ 22kV đến dưới 35kV

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 6/2022 (10 ngày từ 06/06/2022 đến 15/06/2022)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	DIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17088926				
Khung giờ bình thường	100	191.138	190.722	41.600
Khung giờ cao điểm	100	70.341	70.133	20.800
Khung giờ thấp điểm	100	69.767	69.755	1.200
				Tổng: 63.600



☐ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại
 ☐ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.555	41.600	64.688.000
Khung giờ cao điểm	2.871	20.800	59.716.800
Khung giờ thấp điểm	1.007	1.200	1.208.400
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		63.600	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			125.613.200
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			10.049.056
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			135.662.256

Bảng chữ: Một trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm năm mươi sáu đồng.



Mã khách hàng

PB04040010805



Số tiền thanh toán

135.662.256 đồng



Hạn thanh toán

21/06/2022

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ

<https://www.cskh.evnspsc.vn/>

và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspsc.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



IOS



Android

BÊN BÁN ĐIỆN

Ngày ký 16/06/2022

Người ký: Công ty Điện lực Bình Dương - Điện lực Bến Cát



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM

Công ty Điện lực Bình Dương-Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001.014

19001006-19009000

Mẫu số: 01GTKT0/003
Ký hiệu: AD/22E
Số: 0295921

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Khách hàng

Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)

Địa chỉ

ấp An Mỹ, Xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương

Điện thoại

0948585023

Email

mylecafh@yahoo.com

Mã số thuế

3700460713

Địa chỉ sử dụng điện

Xã An Điền Xã An Điền

Mục đích sử dụng điện

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

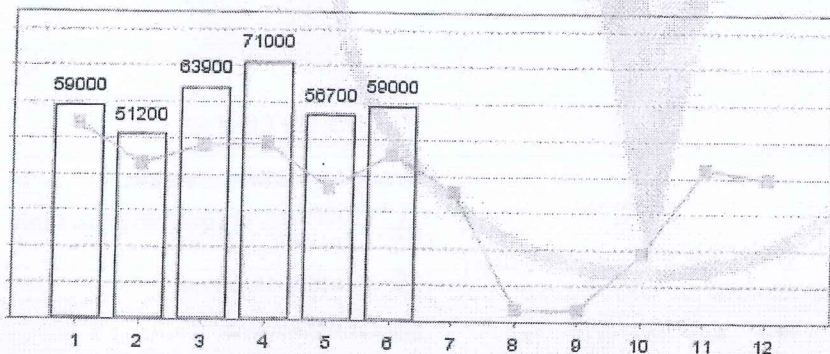
Cấp điện áp sử dụng

Từ 22kV đến dưới 35kV

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 6/2022 (10 ngày từ 16/06/2022 đến 25/06/2022)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17090916				
Khung giờ bình thường	100	16.371	16.259	11.200
Khung giờ cao điểm	100	6.977	6.923	5.400
Khung giờ thấp điểm	100	4.607	4.602	500
				Tổng: 17.100


☐ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại
 ☒ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.555	11.200	17.416.000
Khung giờ cao điểm	2.871	5.400	15.503.400
Khung giờ thấp điểm	1.007	500	503.500
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		17.100	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			33.422.900
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			2.673.832
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			36.096.732

Bằng chữ: Ba mươi sáu triệu không trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng.



Mã khách hàng

PB04040085732



Số tiền thanh toán

36.096.732 đồng



Hạn thanh toán

01/07/2022

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ
<https://www.cskh.evnspsc.vn/>
và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspsc.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC



Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

BÊN BÁN ĐIỆN

Ngày ký 26/06/2022

Người ký : Công ty Điện lực Bình Dương - Điện lực Bến Cát


TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM
Công ty Điện lực Bình Dương-Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001.014

19001006-19009000

Mẫu số: 01GTK0/003
Ký hiệu: AD/22E
Số: 0295801

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Khách hàng

Công ty TNHH Frama Group Việt-Nam

Địa chỉ

Xã An Điền Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại

0918558498

Email

chauhuenhi@yahoo.com.vn

Mã số thuế

3700460713

Địa chỉ sử dụng điện

Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mục đích sử dụng điện

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

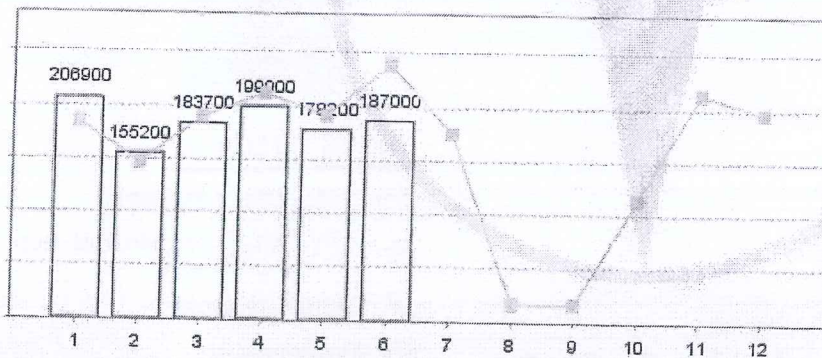
Cấp điện áp sử dụng

Từ 22kV đến dưới 35kV

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 6/2022 (10 ngày từ 16/06/2022 đến 25/06/2022)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	DIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17088926				
Khung giờ bình thường	100	191.525	191.138	38.700
Khung giờ cao điểm	100	70.525	70.341	18.400
Khung giờ thấp điểm	100	69.779	69.767	1.200
				Tổng: 58.300



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại □ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.555	38.700	60.178.500
Khung giờ cao điểm	2.871	18.400	52.826.400
Khung giờ thấp điểm	1.007	1.200	1.208.400
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		58.300	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			114.213.300
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			9.137.064
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			123.350.364

Bằng chữ: Một trăm hai mươi ba triệu ba trăm năm mươi nghìn ba trăm sáu mươi bốn đồng.



Mã khách hàng

PB04040010805



Số tiền thanh toán

123.350.364 đồng



Hạn thanh toán

01/07/2022

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ
<https://www.cskh.evnspsc.vn/>
và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:


THÔNG TIN LIÊN HỆ
Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspsc.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC



Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



IOS



Android

BÊN BÁN ĐIỆN

Ngày ký 26/06/2022

Người ký: Công ty Điện lực Bình Dương - Điện lực Bến Cát

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 08 tháng (month) 07 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22THD

Số (No): 3748

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)

Mã số thuế (Tax code): 3700460713

Địa chỉ (Address): ấp An Mỹ, Xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04040085732

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 7 năm 2022 từ ngày 26/06/2022 đến ngày 05/07/2022	kWh	16.700	-	32.669.300
	(kèm theo bảng kê số 1131207928 ngày 08 tháng 07 năm 2022)				

Cộng tiền hàng (Total amount):

32.669.300

Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%

Tiền thuế GTGT (VAT amount):

2.613.544

Tỷ giá (Exchanged rate):

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):

35.282.844

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi lăm triệu hai trăm tám mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi bốn đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 08/ 07/ 2022 16:38:09

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 08 tháng (month) 07 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22THD

Số (No): 3628

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty TNHH Frama Group Việt-Nam

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Frama Group Việt-Nam

Mã số thuế (Tax code): 3700460713

Địa chỉ (Address): Xã An Điền Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04040010805

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 7 năm 2022 từ ngày 26/06/2022 đến ngày 05/07/2022	kWh	56.300	-	109.787.300
	(kèm theo bảng kê số 1131207923 ngày 08 tháng 07 năm 2022)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					109.787.300
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			8.782.984
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			118.570.284
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm mười tám triệu năm trăm bảy mươi nghìn hai trăm tám mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 08/07/2022 16:38:05

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 19 tháng (month) 07 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22THD

Số (No): 24553

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty TNHH Frama Group Việt-Nam

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Frama Group Việt-Nam

Mã số thuế (Tax code): 3700460713

Địa chỉ (Address): Xã An Điền Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04040010805

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 7 năm 2022 từ ngày 06/07/2022 đến ngày 15/07/2022	kWh	33.600	-	62.469.200
	(kèm theo bảng kê số 1139208653 ngày 19 tháng 07 năm 2022)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					62.469.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			4.997.536
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			67.466.736
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 19/ 07/ 2022 08:34:01

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 19 tháng (month) 07 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22THD

Số (No): 24673

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)

Mã số thuế (Tax code): 3700460713

Địa chỉ (Address): ấp An Mỹ, Xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04040085732

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 7 năm 2022 từ ngày 06/07/2022 đến ngày 15/07/2022	kWh	10.300	-	19.032.500
	(kèm theo bảng kê số 1139208658 ngày 19 tháng 07 năm 2022)				

Cộng tiền hàng (Total amount): 19.032.500

Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%

Tiền thuế GTGT (VAT amount): 1.522.600

Tỷ giá (Exchanged rate):

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 20.555.100

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai mươi triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn một trăm đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 19/ 07/ 2022 08:34:04

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 19 tháng (month) 07 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22THD

Số (No): 24673

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)

Mã số thuế (Tax code): 3700460713

Địa chỉ (Address): ấp An Mỹ, Xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04040085732

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 7 năm 2022 từ ngày 06/07/2022 đến ngày 15/07/2022	kWh	10.300	-	19.032.500
	(kèm theo bảng kê số 1139208658 ngày 19 tháng 07 năm 2022)				

Cộng tiền hàng (Total amount): 19.032.500

Thuế suất GTGT (VAT rate): 8% Tiền thuế GTGT (VAT amount): 1.522.600

Tỷ giá (Exchanged rate): Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 20.555.100

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai mươi triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn một trăm đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 19/07/2022 08:34:04

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 19 tháng (month) 07 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22THD

Số (No): 24553

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty TNHH Frama Group Việt-Nam

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Frama Group Việt-Nam

Mã số thuế (Tax code): 3700460713

Địa chỉ (Address): Xã An Điền Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04040010805

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 7 năm 2022 từ ngày 06/07/2022 đến ngày 15/07/2022	kWh	33.600	-	62.469.200
	(kèm theo bảng kê số 1139208653 ngày 19 tháng 07 năm 2022.)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					62.469.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			4.997.536
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			67.466.736
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 19/ 07/ 2022 08:34:01

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 19 tháng (month) 07 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22THD

Số (No): 24553

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty TNHH Frama Group Việt-Nam

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Frama Group Việt-Nam

Mã số thuế (Tax code): 3700460713

Địa chỉ (Address): Xã An Điền Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04040010805

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 7 năm 2022 từ ngày 06/07/2022 đến ngày 15/07/2022	kWh	33.600	-	62.469.200
	(kèm theo bảng kê số 1139208653 ngày 19 tháng 07 năm 2022)				

Cộng tiền hàng (Total amount):

62.469.200

Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%

Tiền thuế GTGT (VAT amount):

4.997.536

Tỷ giá (Exchanged rate):

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):

67.466.736

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 19/ 07/ 2022 08:34:01

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 19 tháng (month) 07 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22THD

Số (No): 24673

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)

Mã số thuế (Tax code): 3700460713

Địa chỉ (Address): ấp An Mỹ, Xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04040085732

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 7 năm 2022 từ ngày 06/07/2022 đến ngày 15/07/2022 (kèm theo bảng kê số 1139208658 ngày 19 tháng 07 năm 2022)	kWh	10.300	-	19.032.500

Cộng tiền hàng (Total amount): 19.032.500

Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%

Tiền thuế GTGT (VAT amount): 1.522.600

Tỷ giá (Exchanged rate):

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 20.555.100

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai mươi triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn một trăm đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 19/07/2022 08:34:04

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 27 tháng (month) 07 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22THD

Số (No): 55999

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty TNHH Frama Group Việt-Nam

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Frama Group Việt-Nam

Mã số thuế (Tax code): 3700460713

Địa chỉ (Address): Xã An Điền Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04040010805

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 7 năm 2022 từ ngày 16/07/2022 đến ngày 25/07/2022 (kèm theo bảng kê số 1139768462 ngày 27 tháng 07 năm 2022)	kWh	44.700	-	83.381.700

Cộng tiền hàng (Total amount):

83.381.700

Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%

Tiền thuế GTGT (VAT amount):

6.670.536

Tỷ giá (Exchanged rate):

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):

90.052.236

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi triệu không trăm năm mươi hai nghìn hai trăm ba mươi sáu đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 27/07/2022 13:50:36

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 27 tháng (month) 07 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22THD

Số (No): 56119

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)

Mã số thuế (Tax code): 3700460713

Địa chỉ (Address): ấp An Mỹ, Xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04040085732

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 7 năm 2022 từ ngày 16/07/2022 đến ngày 25/07/2022	kWh	13.000	-	24.152.200
	(kèm theo bảng kê số 1139768467 ngày 27 tháng 07 năm 2022)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					24.152.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		1.932.176
Tỷ giá (Exchanged rate):			Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		26.084.376

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai mươi sáu triệu không trăm tám mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi sáu đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 27/ 07/ 2022 13:50:39



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 08 tháng (month) 08 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22THD

Số (No): 62544

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)

Mã số thuế (Tax code): 3700460713

Địa chỉ (Address): ấp An Mỹ, Xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04040085732

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 8 năm 2022 từ ngày 26/07/2022 đến ngày 05/08/2022 (kèm theo bảng kê số 1141459407 ngày 08 tháng 08 năm 2022)	kWh	18.900	-	35.191.100
Cộng tiền hàng (Total amount):					35.191.100
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 2.815.288
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 38.006.388
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi tám triệu không trăm linh sáu nghìn ba trăm tám mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 08/08/2022 15:43:39



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 08 tháng (month) 08 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22THD

Số (No): 62424

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty TNHH Frama Group Việt-Nam

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Frama Group Việt-Nam

Mã số thuế (Tax code): 3700460713

Địa chỉ (Address): Xã An Điền Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04040010805

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 8 năm 2022 từ ngày 26/07/2022 đến ngày 05/08/2022	kWh	58.000	-	107.243.600
	(kèm theo bảng kê số 1141459402 ngày 08 tháng 08 năm 2022)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					107.243.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			8.579.488
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			115.823.088
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm mười lăm triệu tám trăm hai mươi ba nghìn không trăm tám mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 08/ 08/ 2022 15:43:36



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 08 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22THD

Số (No): 83755

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)

Mã số thuế (Tax code): 3700460713

Địa chỉ (Address): ấp An Mỹ, Xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04040085732

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 8 năm 2022 từ ngày 06/08/2022 đến ngày 15/08/2022	kWh	14.300	-	26.009.300
	(kèm theo bảng kê số 1148796580 ngày 17 tháng 08 năm 2022)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					26.009.300
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			2.080.744
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			28.090.044
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai mươi tám triệu không trăm chín mươi nghìn không trăm bốn mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 17/08/2022 13:54:15



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 08 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22THD

Số (No): 83635

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty TNHH Frama Group Việt-Nam

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Frama Group Việt-Nam

Mã số thuế (Tax code): 3700460713

Địa chỉ (Address): Xã An Điền Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04040010805

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 8 năm 2022 từ ngày 06/08/2022 đến ngày 15/08/2022	kWh	47.800	-	88.279.000
	(kèm theo bảng kê số 1148796575 ngày 17 tháng 08 năm 2022)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					88.279.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			7.062.320
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			95.341.320
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi một nghìn ba trăm hai mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 17/ 08/ 2022 13:52:51



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 08 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22THD

Số (No): 83635

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty TNHH Frama Group Việt-Nam

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Frama Group Việt-Nam

Mã số thuế (Tax code): 3700460713

Địa chỉ (Address): Xã An Điền Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04040010805

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 8 năm 2022 từ ngày 06/08/2022 đến ngày 15/08/2022	kWh	47.800	-	88.279.000
	(kèm theo bảng kê số 1148796575 ngày 17 tháng 08 năm 2022)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					88.279.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			7.062.320
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			95.341.320
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi một nghìn ba trăm hai mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 17/ 08/ 2022 13:52:51



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 08 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22THD

Số (No): 83755

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)

Mã số thuế (Tax code): 3700460713

Địa chỉ (Address): ấp An Mỹ, Xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04040085732

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 8 năm 2022 từ ngày 06/08/2022 đến ngày 15/08/2022	kWh	14.300	-	26.009.300
	(kèm theo bảng kê số 1148796580 ngày 17 tháng 08 năm 2022)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					26.009.300
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			2.080.744
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			28.090.044
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai mươi tám triệu không trăm chín mươi nghìn không trăm bốn mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 17/08/2022 13:54:15



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 26 tháng (month) 08 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22THD

Số (No): 112990

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam)

Mã số thuế (Tax code): 3700460713

Địa chỉ (Address): ấp An Mỹ, Xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04040085732

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 8 năm 2022 từ ngày 16/08/2022 đến ngày 25/08/2022	kWh	16.300	-	30.073.300
	(kèm theo bảng kê số 1149883283 ngày 26 tháng 08 năm 2022.)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					30.073.300
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			2.405.864
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			32.479.164
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 26/08/2022 11:28:47



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 26 tháng (month) 08 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22THD

Số (No): 112870

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty TNHH Frama Group Việt-Nam

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Frama Group Việt-Nam

Mã số thuế (Tax code): 3700460713

Địa chỉ (Address): Xã An Điền Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04040010805

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 8 năm 2022 từ ngày 16/08/2022 đến ngày 25/08/2022	kWh	54.500	-	101.461.100
	(kèm theo bảng kê số 1149883278 ngày 26 tháng 08 năm 2022)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					101.461.100
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			8.116.888
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			109.577.988
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm linh chín triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 26/08/2022 11:28:41



UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1535/STNMT-CCBVM

Bình Dương, ngày 24 tháng 8 năm 2011

Kiểm tra, xác nhận công trình xử lý
nước thải của Công ty TNHH Frama Group
Việt Nam

Kính gửi: Công ty TNHH Frama Group Việt Nam

HSIEH FA KUANG

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận công trình xử lý nước thải của Công ty TNHH Frama Group Việt Nam. Sau khi xem xét hồ sơ và kiểm tra thực tế tại Công ty, Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận:

Công ty đã đầu tư xây dựng công trình xử lý nước thải sản xuất (nước thải từ quá trình xử lý bụi keo) và nước thải sinh hoạt theo đúng nguyên lý nêu trong Đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt. Công trình xử lý nước thải với công suất 30m³/ngày gồm các hạng mục cụ thể như sau:

- Nước thải sinh hoạt → Bể gom → Bể điều hòa → Bể lọc sinh học hiếu khí (Bể Biofor) → Thiết bị lắng đứng → Thải ra môi trường.

- Nước thải sản xuất → Bể gom → Bể keo tụ, tạo bông → Bể lắng → Bể điều hòa → Xử lý chung với nước thải sinh hoạt.

Tại thời điểm kiểm tra ngày 11 tháng 08 năm 2011, nước thải sau khi qua công trình xử lý đạt quy chuẩn cho phép thải ra môi trường (Quy chuẩn QCVN 24:2009/BTNMT cột A với hệ số $k_q = 0,6$; $k_f = 1,2$). Kèm theo Phiếu kết quả thử nghiệm số: Q 453 811 ngày 18 tháng 08 năm 2011 của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Bình Dương.

Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu Công ty TNHH Frama Group Việt Nam trong quá trình hoạt động phải:

- Luôn luôn vận hành công trình xử lý nước thải, đảm bảo toàn bộ nước thải phải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn cho phép thải ra môi trường theo quy chuẩn QCVN 24:2009/BTNMT cột A.

- Lập báo cáo giám sát môi trường với tần suất 03 tháng/lần và gửi về Chi cục Bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát.

Trên đây là một số ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển đến Công ty TNHH Frama Group Việt Nam để biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, CCBVM, Gks04





UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2535/STNMT-CCBVM

Bình Dương, ngày 24 tháng 8 năm 2011

Kiểm tra, xác nhận công trình xử lý
nước thải của Công ty TNHH Frama Group
Việt Nam

Kính gửi: Công ty TNHH Frama Group Việt Nam

HSIEH FA KUANG

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận công trình xử lý nước thải của Công ty TNHH Frama Group Việt Nam. Sau khi xem xét hồ sơ và kiểm tra thực tế tại Công ty, Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận:

Công ty đã đầu tư xây dựng công trình xử lý nước thải sản xuất (nước thải từ quá trình xử lý bụi keo) và nước thải sinh hoạt theo đúng nguyên lý nêu trong Đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt. Công trình xử lý nước thải với công suất 30m³/ngày gồm các hạng mục cụ thể như sau:

- Nước thải sinh hoạt → Bể gom → Bể điều hòa → Bể lọc sinh học hiếu khí (Bể Biofor) → Thiết bị lắng đứng → Thải ra môi trường.

- Nước thải sản xuất → Bể gom → Bể keo tụ, tạo bông → Bể lắng → Bể điều hòa → Xử lý chung với nước thải sinh hoạt.

Tại thời điểm kiểm tra ngày 11 tháng 08 năm 2011, nước thải sau khi qua công trình xử lý đạt quy chuẩn cho phép thải ra môi trường (Quy chuẩn QCVN 24:2009/BTNMT cột A với hệ số $k_q = 0,6$; $k_f = 1,2$). Kèm theo Phiếu kết quả thử nghiệm số: Q 453 811 ngày 18 tháng 08 năm 2011 của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Bình Dương.

Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu Công ty TNHH Frama Group Việt Nam trong quá trình hoạt động phải:

- Luôn luôn vận hành công trình xử lý nước thải, đảm bảo toàn bộ nước thải phải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn cho phép thải ra môi trường theo quy chuẩn QCVN 24:2009/BTNMT cột A.

- Lập báo cáo giám sát môi trường với tần suất 03 tháng/lần và gửi về Chi cục Bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát.

Trên đây là một số ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển đến Công ty TNHH Frama Group Việt Nam để biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, CCBVM, Gks04



Số : 02/2017/CV-MT

V/v cải tạo và nâng cấp hệ thống xử lý nước
thải của Công ty TNHH Frama Group Việt Nam

Bình Dương, ngày 22 tháng 02 năm 2017

**Kính gửi: -SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
-CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

- Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 46104300618, chứng nhận lần đầu: ngày 1/3/2010, chứng nhận thay đổi lần thứ hai: ngày 20/6/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp.
- Căn cứ Quyết định số 103/QĐ-STNMT ngày 02/02/2010 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường “Nhà máy sản xuất đồ gỗ gia dụng công suất 2.000.000 sản phẩm/năm” tại xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Frama Group (Việt Nam).

Chúng tôi là: Công ty TNHH Frama Group Việt Nam.

Địa điểm thực hiện dự án: xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 06503.566.512, Fax: 06503.566.864.

Trong quá trình hoạt động sản xuất, Công ty có phát sinh nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất (từ quá trình xử lý bụi keo). Để xử lý lượng nước thải này, Công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải (công suất: 30m³/ngày), với quy trình công nghệ như sau:

Nước thải sinh hoạt + nước thải sản xuất (xử lý sơ bộ bằng hóa lý: keo tụ/tạo bông kết hợp lắng) → Bể điều hòa → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ tự thấm.

Hiện tại, hệ thống xử lý nước thải đã xuống cấp và thường xuyên gặp sự cố trong quá trình hoạt động nên khả năng xử lý của hệ thống không còn hiệu quả.

Trong thời gian tới, Công ty dự kiến tuyển dụng thêm khoảng 250 công nhân và tổ chức nấu ăn cho công nhân nên lưu lượng nước thải sẽ tăng gấp đôi. Vì vậy, Công ty quyết định nâng công suất của hệ thống xử lý từ 30m³/ngày lên 60m³/ngày và cải tạo phương án xử lý nước thải cho phù hợp với tính chất đặc trưng của nước thải.

Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải (công suất 60m³/ngày) sau khi cải tạo và nâng cấp:

Nước thải sinh hoạt + nước thải sản xuất (xử lý sơ bộ bằng hóa lý: keo tụ/tạo bông kết hợp lắng) → Bể điều hòa → Bể kỵ khí → Bể Mulbio (cụm bể sinh học hiếu khí và thiếu khí kết hợp) → Bể lắng → Bể trung gian → Bể khử trùng → Hồ tự thấm (nước thải sau xử lý đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT; cột A; K_q=0,6; K_f=1,1).

Dự kiến thời gian cải tạo và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải, hoàn thành trong khoảng 2 tháng (từ tháng 02 năm 2017 đến tháng 04 năm 2017).

Bằng văn bản này, Công ty kính trình với Quý Sở Tài nguyên và Môi trường và Chi cục Bảo vệ Môi trường về việc thực hiện “Cải tạo và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải của Công ty TNHH Frama Group Việt Nam”. Công ty kính mong Quý cơ quan xem xét và chấp thuận.

Rất mong nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của Quý cơ quan.

Xin chân thành cảm ơn.!

CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP VIỆT NAM



HSIEH FA KUANG

Sở TN MT nhận ngày 23/02/2018

Nguyễn Thị Thanh Hải



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

V/v xem xét, nghiệm thu hệ thống xử lý nước thải, công suất 60m³/ngày.

Bình Dương, ngày 10 tháng 07 năm 2017

Kính gửi: SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Chúng tôi là : CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)

Địa chỉ : Ấp An Mỹ, Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : 0650.3566863 – 0650.566511- 0650.566512

Fax : 0650.3566864

Di động : 0979194377

Trong quá trình đi vào hoạt động sản xuất của công ty TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM) có phát sinh nước thải với lưu lượng 60 m³/ngày (lưu lượng khi nhà máy hoạt động ổn định). Để khắc phục ô nhiễm từ lượng nước thải phát sinh này, hiện nay Công ty chúng tôi đã đầu tư xây dựng, lắp đặt hoàn thành hệ thống xử lý nước thải với công suất 60 m³/ngày và đã đưa vào vận hành thử nghiệm.

Để đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải này, Công ty chúng tôi đề nghị Sở Tài Nguyên Môi Trường tỉnh Bình Dương bố trí cán bộ chuyên môn đến xem xét cũng như đánh giá hoạt động của hệ thống xử lý nước thải nhằm tạo điều kiện cho Công ty chúng tôi đưa hệ thống xử lý nước thải đi vào hoạt động chính thức.

Công ty chúng tôi xin gửi đến Quý cơ quan hồ sơ gồm có:

- 01 (một) bộ Bảng kết quả phân tích chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý.
- 01 (một) Hồ sơ thuyết minh thiết kế và các bản vẽ kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải.

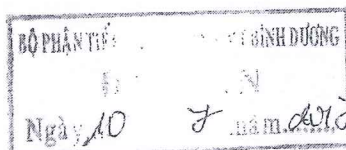
Chúng tôi xin đảm bảo về độ trung thực của các thông tin, số liệu được đưa ra trong các tài liệu nêu trên. Có gì sai trái, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Trong khi chờ phúc đáp, chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

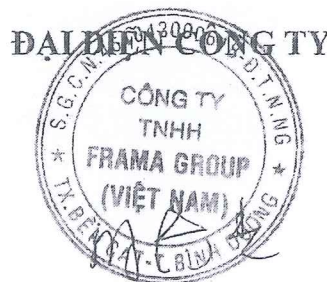
Trân trọng kính chào.

Nơi nhân:

- Như trên;
- Liêu văn thư



Thư
Nguyễn Kim Hưng



HSIEH FA KUANG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG
CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Số: 356 /TB-CCBVM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 05 tháng 3 năm 2014

THÔNG BÁO

Nộp phí cố định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải năm 2014 đối với các doanh nghiệp lưu lượng nước thải trung bình $< 30 \text{ m}^3/\text{ngày}$ và có loại hình ngành nghề sản xuất không thuộc danh mục lĩnh vực, ngành sản xuất, chế biến có nước thải chứa kim loại nặng

Kính gửi: Công ty TNHH Frama Group VN

Địa chỉ: Ấp 2, xã An Điền, Bến Cát

Căn cứ Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 03 năm 2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15 tháng 05 năm 2013 của liên Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BTNMT ngày 07 tháng 05 năm 2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành danh mục lĩnh vực, ngành sản xuất, chế biến có nước thải chứa kim loại nặng phục vụ tính phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Theo quy định nêu trên thì doanh nghiệp thuộc đối tượng phải nộp phí cố định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp định kỳ hàng năm với số tiền là: **1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng)**. Do vậy, Chi cục Bảo vệ môi trường thông báo số tiền phí cố định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của quý doanh nghiệp phải nộp năm 2014 là: **1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng)**.

Chi cục Bảo vệ môi trường yêu cầu quý doanh nghiệp nhanh chóng nộp trực tiếp hoặc chuyển khoản số phí nêu trên vào tài khoản số: **3511.0.1096941** của **Chi cục Bảo vệ môi trường tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Dương**. Thời hạn nộp 10 ngày, kể từ ngày ký thông báo này.

Hết thời gian nêu trên, nếu quý doanh nghiệp không thực hiện nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật.



Chi cục Bảo vệ môi trường thông báo đến quý doanh nghiệp để biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, CCBVMT.

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG



Trần Thanh Quang



Mang phồn thịnh đến khách hàng

CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

Ngày: 20/03/2014
Liên 2: Khách hàng

Mẫu số: 01GTGT2/5500
Ký hiệu: FX/14T
Số hóa đơn: 03200113000012
Ngày giá trị: 20/03/2014 SBT: 12

Chi nhánh: 5500 - Chi nhánh Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ: 45 - Đại lộ Bình Dương - TX Thủ Dầu Một - Tỉnh Bình Dương

Người phát lệnh: Cty TNHH Frama Group Việt nam

Chứng minh thư: ##

Địa chỉ: An Điền, Bến Cát, BD - -

Khách hàng thụ hưởng: CHI CUC BAO VE MOI TRUONG

Chứng minh thư:

Địa chỉ:

H phát lệnh: 74204001 - CN NHNo&PTNT Tỉnh Bình Dương NH gửi lệnh: 74204001-CN NHNo&PTNT Tỉnh Bình Dương

H nhận lệnh: 74701001-KBNN tỉnh Bình Dương NH thanh toán: 74701001 - KBNN tỉnh Bình Dương

Loại giao dịch: Chuyển tiền đi (IL) Số tham chiếu đi: 5500OTT141065213 Số tham chiếu đến:

Số tiền giao dịch: 1.500.000 VND Bằng chữ: Một triệu năm trăm nghìn VND

Loại dung: NOP PHI CO DINH BVMT DV NUOC THAI CN NAM 2014

HSIEH FA KUANG

Mã số thuế: 0100686174-228

Điện thoại/Fax: (0650) 811 670/(0650) 822

Mã số thuế: 3700460713

Điện thoại/Fax:

Số tài khoản: 5500211000651

Mã số thuế:

Điện thoại/Fax:

Số tài khoản: 3511.0.109.6941

Thông tin giao dịch	N/C	Số tiền	LTT	Ghi chú
Chuyển tiền đi	C	1.500.000 VND		
Số dư khách hàng	N	1.511.000 VND		5500211000651
Thu phí chuyển tiền trong nước	C	10.000 VND		Mức phí[%]: 11.000.000
AT	C	1.000 VND		Thuế suất[%]: .100

Khách hàng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ

Giao dịch viên

(Mã GDV: BDUPNTHU)

Chức vụ

Giám đốc

ỦY NHIỆM CHI

Payment Order

Ngày: 20/03/2014 Date

Số:
 No

Liên 2: Khách hàng
 Copy 2 Customer
 Số bút toán:
 Loại tiền: VND.....

CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG

Đơn vị trả tiền Applicant	CTY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)		Dành cho ngân hàng (For bank use only)
Số tài khoản: Account No	5500211000651	Điện thoại: Tel	
Tại ngân hàng: At bank	Nông nghiệp và PTNT Tỉnh Bình Dương		5500211000651
Đơn vị thụ hưởng: Beneficiary	CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG		Tài khoản ghi có:
CMT/Hộ chiếu: D/Passport No		Ngày cấp: Date of issue	519101
Nơi cấp: Place of issue		Điện thoại: Tel	Số tiền bằng số: Amount in figures
Số tài khoản: Account No	3511.0.1096941		1,500,000
Tại ngân hàng: At bank	KHO BẠC NHÀ NƯỚC TỈNH BÌNH DƯƠNG		
Số tiền bằng chữ: Amount in words	Một triệu năm trăm ngàn đồng.		
Mô tả nội dung: Details	Nộp phí cố định BVMT đối với nước thải CN năm 2014		

Đơn vị trả tiền (Applicant)
 Chủ tài khoản (Account holder)
 HỌ TÊN: FRAMA GROUP (VIỆT NAM)
 PANG-YING-MING

Ngân hàng A (Bank of Applicant)
 Ghi số ngày (Settled date): 20/03/2014
 Giao dịch viên (Teller)

Kiểm soát (Supervisor)
 KẾ TOÁN VÀ
 NGÂN QUÝ

Ngân hàng B (Bank of Beneficiary)
 Ghi số ngày (Settled date):
 Giao dịch viên (Teller)
 Kiểm soát (Supervisor)

13000
 CÔNG
 TNHH
 AMA G
 VIỆT N
 CAT-T. B



Bảng dữ liệu an toàn (SDS)

No.0602/MSDS-H/2016/KLV

Ngày lập: 25 tháng 7 năm 2016

Phần 1 - SẢN PHẨM HÓA HỌC VÀ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Tên sản phẩm	: CH77
Tên công ty	: CÔNG TY TNHH KONISHI LEMINDO VIỆT NAM
Địa chỉ	: 2C Dân Chủ, VSIP2, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương, Việt Nam
Liên hệ	: Phòng quan hệ khách hàng
Số điện thoại	: (0650) - 3865044, (0650)-3865045
Đường dây nóng	: (0650) - 3865044, (0650)-3865045
Khuyến cáo và hạn chế khi sử dụng	: Keo dán phủ

Phần 2 - THÔNG TIN VỀ MỨC ĐỘ NGUY HẠI

Phân loại theo Hệ thống toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS)

Các mối nguy hại về mặt vật lý : Chất lỏng dễ cháy: Không phân loại
Chất lỏng tự cháy: Không phân loại
Chất hoặc hỗn hợp tự nóng: Không phân loại
Chất và hỗn hợp khi tiếp xúc với nước phát ra khí dễ cháy: Không phân loại
Các mối nguy hại khác ngoài những mối nguy hại được đề cập ở trên bao gồm: Không áp dụng

Phần 3 - THÀNH PHẦN/THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Thông tin chung : Dạng hỗn hợp
Tên gốc : Keo sữa PVAc

Tên hóa học hoặc Tên gốc		Nồng độ hoặc mức độ của chất (% trọng lượng)	Số đăng ký
Poly Vinyl Acetate		50 ~ 52	9003-20-7
Poly Vinyl Alcohol			9002-89-5
Plasticizer (TXIB Formulation Additive)			6846-50-0
Biocides	2-methyl-4-isothiazolin-3-one		2682-20-4
(Acticide MBS)	1,2-benzisothiazolin-3-one		2634-33-5
Nước		48 ~ 50	7732-18-5

Các loại tạp chất và/hoặc chất phụ gia có trong keo : Không có thông tin

Phần 4 – CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

- Nếu hít phải : Đưa nạn nhân đến nơi có không khí trong lành. Để họ nghỉ ngơi giúp hít thở dễ dàng hơn.
Gọi cho bác sỹ nếu có triệu chứng bất thường.
- Nếu dính vào da : Cởi/bỏ ngay quần áo bị dính keo.
Rửa sạch với nhiều nước và xà phòng.
Gọi cho bác sỹ nếu có triệu chứng bất thường.
- Nếu dính vào mắt : Rửa mắt thật kỹ với nước trong 15 phút.
Tháo bỏ kính áp tròng nếu có để dễ dàng thao tác.
Nhanh chóng đưa nạn nhân tới bệnh viện gần nhất.
- Nếu nuốt phải : Súc miệng với nước sạch.
Tuyệt đối không được ép nạn nhân nôn ra.
Nhanh chóng đưa nạn nhân tới bệnh viện gần nhất.
- Bảo vệ cho người thực hiện thao tác sơ cứu : Đeo các loại dụng cụ bảo vệ để tránh bị ngộ độc dung môi hữu cơ.

Phần 5 - CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY



- Dụng cụ chữa cháy : Nước, carbon dioxide, bình chữa cháy (dạng bột), cát, đất.
- Các phương pháp chữa cháy cụ thể : Dập tắt lửa từ phía đón gió ở nơi không dẫn khí, thực hiện các bước chống gây rò rỉ hóa chất.
- Bảo vệ cho nhân viên cứu hỏa : Trong quá trình dập lửa, nhân viên cứu hỏa phải đeo bộ máy thở áp lực không khí thích hợp và mặc các loại quần áo bảo hộ đầy đủ giúp tránh bị ảnh hưởng từ các loại hóa chất.

Phần 6 - CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TAI NẠN

- Biện pháp phòng ngừa, bảo vệ : Cấm ra vào khu vực một cách trái phép.
- Trang thiết bị và dụng cụ bảo hộ : Thông gió cho khu vực kín.
Không chạm tay vào hóa chất rò rỉ.
Đeo các loại trang thiết bị bảo hộ cá nhân thích hợp (Tham khảo nội dung "phần 8") và tránh hít phải hoặc để sản phẩm tiếp xúc với mắt và da.
- Các biện pháp phòng ngừa cho môi trường : Không được thải sản phẩm vào môi trường và nguồn nước gây ô nhiễm.
Sản phẩm pha loãng cũng có thể gây ô nhiễm môi trường.
- Thu hồi/xử lý sản phẩm bị tràn đổ : Đối với lượng nhỏ: xử lý sản phẩm bị tràn ra bằng các loại vật liệu trơ (cát hoặc đất) và để chúng vào thùng chứa xử lý chất thải.
Đối với lượng lớn: Cần thận thu hồi phần còn lại, sau đó chuyển chúng đến nơi an toàn.

- Các phương pháp làm sạch và dụng cụ chứa sản phẩm. : Sử dụng nước để làm sạch và sử dụng thùng chứa theo quy định.
- Các biện pháp phòng ngừa những tai nạn thông thường : Không để sản phẩm chảy vào mương, cống thoát nước, tầng hầm, hoặc các khu vực kín khác.
Cần loại bỏ các bề mặt nhờn và trơn trượt trên sàn nhà.

Phần 7 – SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

Sử dụng

- Các biện pháp bảo vệ : Tạo hệ thống thông gió và sử dụng các dụng cụ bảo hộ cá nhân cần thiết được mô tả trong "Phần 8".
- Thông gió toàn phần và thông gió cục bộ : Tạo hệ thống thông gió và sử dụng các dụng cụ bảo hộ cá nhân cần thiết được mô tả trong "Phần 8".
- Các biện pháp phòng ngừa giúp lưu trữ an toàn : Sử dụng sản phẩm ở nơi thông thoáng.
Tránh để sản phẩm dính lên mắt, da, hoặc quần áo.
Rửa tay thật kỹ sau khi sử dụng.
- Tránh sử dụng với các chất và hỗn hợp không tương thích : Tham khảo nội dung trong "Phần 10".

Bảo quản

- Các biện pháp kỹ thuật : Không cần áp dụng các biện pháp kỹ thuật đặc biệt.
- Chất hoặc hỗn hợp không tương thích : Tham khảo nội dung trong "Phần 10".
- Điều kiện bảo quản : Bảo quản ở nhiệt độ: 2-40°C
Không để sản phẩm trực tiếp dưới ánh sáng mặt trời.
Giữ thùng chứa đóng kín.
- Vật liệu sử dụng cho đóng gói/lưu trữ. : Sử dụng các bình kín và bền.



Phần 8 - KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO HỘ CÁ NHÂN

- Kiểm soát kỹ thuật : Sử dụng sản phẩm ở nơi thông thoáng
: Tại địa điểm bảo quản hoặc sử dụng sản phẩm, cần có một trạm rửa mắt và một trạm tắm khăn cấp.





Bảo vệ

Bảo vệ đường hô hấp	: Trong trường hợp hệ thống thông gió không đủ thì phải đeo dụng cụ bảo vệ đường hô hấp.
Bảo vệ tay	: Đeo găng tay bảo vệ.
Bảo vệ mắt	: Đeo dụng cụ bảo vệ mắt.
Bảo vệ da và cơ thể	: Mặc các loại quần áo/giày ủng bảo hộ.
Các biện pháp vệ sinh cụ thể	: Rửa tay thật kỹ sau khi xử lý hóa chất

Phần 9 - TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Tính chất vật lý

Hình dạng	: Dạng nhũ tương
Màu	: Màu trắng sữa
Mùi	: Mùi nhẹ
Độ pH	: 3.0 - 5.0
Điểm sôi ban đầu và giới hạn sôi	: 100°C / 212°F
Điểm bắt cháy	: Không dễ cháy
Trọng lượng riêng (nước = 1)	: 1.02 - 1.06
Độ hòa tan	: Phân tán trong nước
Độ nhớt (30°C)	: 12000 - 20000 Cps
Hàm lượng chất rắn	: 50 - 52%

Phần 10 - TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

Tính ổn định về mặt hóa học	: Ổn định trong điều kiện thường.
Khả năng gây phản ứng nguy hại	: Không có thông tin
Điều kiện cần tránh	: Không có dữ liệu
Các chất hoặc hỗn hợp không tương thích	: Các chất oxy hóa.
Sản phẩm phân hủy gây nguy hiểm	: Trong quá trình đốt cháy phát ra các loại khí (CO, vv).

Phần 11 - THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Độc tính cấp tính

Qua đường miệng	: ATEmix>2000mg/kg Các thành phần chưa xác định: 52%
Qua da	: ATEmix>2000mg/kg Các thành phần chưa xác định: 52%
Nếu hít phải	: Nếu hít phải (các loại hơi): ATEmix>20,0mg/l Các thành phần chưa xác định: 52% Nếu hít phải (các loại bụi/sương): Không có dữ liệu
Ăn mòn/Gây rát da	: Kết quả phân loại đối với độ nguy hại của các thành phần được xác định: Không phân loại

Gây tổn hại/kích ứng mắt nghiêm trọng	Các thành phần chưa xác định: 52% : Kết quả phân loại đối với độ nguy hại của các thành phần được xác định: Không phân loại Các thành phần chưa xác định: 52%
Gây kích ứng đường hô hấp	: Không có dữ liệu
Gây kích ứng da	: Kết quả phân loại đối với độ nguy hại của các thành phần được xác định: Không phân loại Các thành phần chưa xác định: 52%
Gây đột biến tế bào mầm	: Kết quả phân loại đối với độ nguy hại của các thành phần được xác định: Không phân loại Các thành phần chưa xác định: 52%
Chất gây ung thư	: Kết quả phân loại đối với độ nguy hại của các thành phần được xác định: Không phân loại Các thành phần chưa xác định: 52%
Độc tính đối với khả năng sinh sản	: Kết quả phân loại đối với độ nguy hại của các thành phần được xác định: Không phân loại Các thành phần chưa xác định: 52%

Phần 12 - THÔNG TIN VỀ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI

Nguy hại đối với môi trường	: Kết quả phân loại đối với độ nguy hại của các thành phần được xác định: Không phân loại Các thành phần chưa xác định: 52%
Độc tính cấp tính đối với môi trường nước	: Kết quả phân loại đối với độ nguy hại của các thành phần được xác định: Không phân loại Các thành phần chưa xác định: 52%
Độc tính mãn tính cho môi trường nước	: Không có thông tin
Chất độc đối với môi trường	: Cần tránh gây ô nhiễm môi trường trên cạn và môi trường nước.
Tác dụng phụ khác	Nếu sản phẩm chảy vào sông, có thể gây chết cá do khó thở gây ra bởi thành phần nhựa dính của nhũ tương. Nguy hiểm cho môi trường nếu xả sản phẩm thải vào nguồn nước.



Phần 13 - XEM XÉT KHẢ NĂNG XỬ LÝ

Chất thải còn lại	: Nếu bạn muốn loại bỏ hóa chất này, cần tự xử lý đúng cách hoặc nhờ các nhân viên có trình độ thực hiện công tác xử lý theo các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định của địa phương. Nếu bạn muốn nhờ các nhân viên xử lý hóa chất, bạn cần cung cấp đầy đủ thông tin về mức độ nguy hiểm và nguy hại của loại hóa chất này.
Bình chứa và bao bì bị nhiễm bẩn	: Bình chứa cần được tái chế sau khi làm sạch hoặc nếu bạn muốn loại bỏ Bình chứa hóa chất này, cần tự xử lý đúng cách hoặc nhờ các



nhân viên có trình độ thực hiện công tác xử lý theo các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định của địa phương. Nếu bạn muốn nhờ các nhân viên xử lý bình chứa hóa chất, bạn cần cung cấp đầy đủ thông tin về mức độ nguy hiểm và nguy hại của hóa chất trong bình chứa đó và thông tin về thành phần và lưu ý đối với bình chứa.

Phần 14 - THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Quy định quốc tế

Thông tin pháp quy theo đường biển	: Không áp dụng.
Số UN	: Không áp dụng.
Chất gây ô nhiễm biển	: Không áp dụng.
Thông tin pháp quy theo đường hàng không	: Không áp dụng.
Số UN	: Không áp dụng.

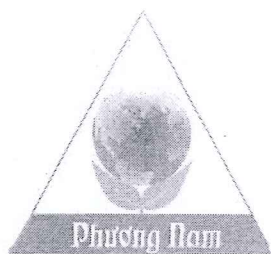
Các biện pháp đảm bảo an toàn đặc biệt : Vui lòng tham khảo "Phần 7" để biết thông tin chi tiết. Trong quá trình chất hàng, cần xử lý các thùng chứa một cách cẩn thận để ngăn chặn thiệt hại cho thùng chứa và cần phải cố định chặt thùng chứa để tránh bị rơi trong quá trình vận chuyển.

Phần 15 - THÔNG TIN PHÁP QUY

Bạn có trách nhiệm kiểm tra các thông tin pháp quy đối với chất này trong quốc gia hoặc vùng lãnh thổ của bạn.

Phần 16 - THÔNG TIN KHÁC

Tham khảo	: Điều 29: Phiếu an toàn hóa chất của chương IV: Phân loại, ghi nhãn, bao gói và phiếu an toàn hóa chất trong Luật Hóa Chất đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo nghị quyết số 51/2001/QH10, căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992.
Chứng nhận 4VOC	: JAIA- 404909 4VOC (Quy định Hiệp hội ngành Công nghiệp keo dính đối với việc Đăng ký các sản phẩm 4VOC tại Nhật Bản). Vui lòng xem thông tin tại http://www.jaia.gr.jp/ .
Sản phẩm không chứa Formaldehyde	: JAIA - 010949 F☆☆☆☆ (Quy định của Hiệp hội ngành Công nghiệp chất keo dính đối với việc Đăng ký các Sản phẩm không chứa Formaldehyde tại Nhật Bản). Vui lòng xem thông tin tại http://www.jaia.gr.jp/ .



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0107.180320.NT01

Tên mẫu : Nước thải
Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP VN
Địa điểm lấy mẫu : Ấp An Mỹ, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 18/03/2020
Ngày trả kết quả : 25/03/2020

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				NT01
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,56
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	14
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2012	31
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	5
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2012	< 0,3
6	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638:2000	1,20
7	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	0,070
8	Coliform	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	1,5 x 10 ²

Ghi chú:

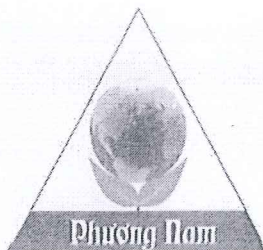
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Nước thải sau HTXL.

Phó phòng phân tích

Nguyễn Thanh Phong

K.T. Giám đốc
P. Giám đốc
TRUNG TÂM
PHÂN TÍCH VÀ
ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
THÀNH SA ĐΙΑ VŨNG TÀU

Lại Minh Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0107.180520.XQ02

Tên mẫu : Không khí xung quanh
Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP VN
Địa điểm lấy mẫu : Ấp An Mỹ, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 18/05/2020
Ngày trả kết quả : 25/05/2020

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	VIMCERTS 075	
				XQ02	QCVN 05:2013/BTNMT Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn	dB(A)	TCVN 7878-2:2010	62,2	70 ^a
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	230	300
3	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	110	350
4	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	120	200
5	CO	µg/m ³	HD24-PPT-CO	6.200	30.000

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ02: Không khí khu vực phía trước xưởng sản xuất;
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- (a) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Phó phòng phân tích

Nguyễn Thanh Phong

KT Giám đốc
P. Giám đốc
TRUNG TÂM
PHÂN TÍCH VÀ
ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
LÊ MINH TIẾN



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0107.180520.XQ01

Tên mẫu : Không khí xung quanh
Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP VN
Địa điểm lấy mẫu : Ấp An Mỹ, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 18/05/2020
Ngày trả kết quả : 25/05/2020

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT
				XQ01	Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	54,6	70 ^a
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	150	300
3	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	90	350
4	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	120	200
5	CO	µg/m ³	HD24-PPT-CO	5.400	30.000

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ01: Không khí công bảo vệ;
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- (a) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Phó phòng phân tích

Nguyễn Thanh Phong

K.T. Giám đốc
P. Giám đốc
TRUNG TÂM
PHÂN TÍCH VÀ
ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Lại Minh Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0107.180520.NT01

Tên mẫu : Nước thải
Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP VN
Địa điểm lấy mẫu : Ấp An Mỹ, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 18/05/2020
Ngày trả kết quả : 25/05/2020

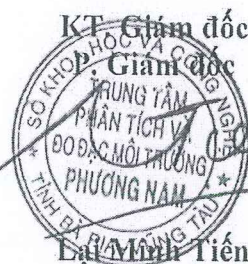
TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả
				NT01
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,66
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	11
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2012	23
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	6
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2012	0,3
6	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	13,6
7	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	2,42
8	Coliform	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	2,6 x 10 ³

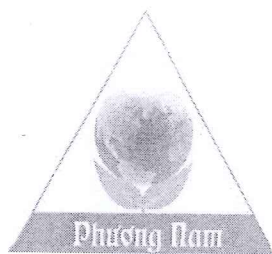
Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Nước thải sau HTXL.

Phó phòng phân tích

Nguyễn Thanh Phong





TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0107.110820.NT01

Tên mẫu : Nước thải
Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP VN
Địa điểm lấy mẫu : Ấp An Mỹ, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 11/08/2020
Ngày trả kết quả : 18/08/2020

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				NT01
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,84
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	11
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2012	25
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	< 5
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2012	< 0,3
6	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638:2000	1,50
7	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	0,10
8	Coliform	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	< 3

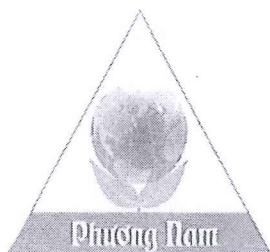
Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Nước thải sau HTXL.

Phó phòng phân tích

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc
P. Giám đốc
TRUNG TÂM
PHÂN TÍCH VÀ
ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Lại Minh Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0107.041120.XQ01-02

Tên mẫu : Không khí xung quanh
Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP VN
Địa điểm lấy mẫu : Ấp An Mỹ, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Số lượng : 02 mẫu
Ngày lấy mẫu : 04/11/2020
Ngày trả kết quả : 11/11/2020

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 05:2013/ BTNMT Trung bình 1 giờ
				XQ01	XQ02	
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	56,3	66,8	70 ^a
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	120	180	300
3	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	50	60	350
4	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	75	90	200
5	CO	µg/m ³	HD24-PPT-CO	< 4.500	< 4.500	30.000

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ01: Không khí khu vực cổng bảo vệ;
- XQ02: Không khí khu vực phía trước xưởng sản xuất;
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- (a) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Phó phòng phân tích

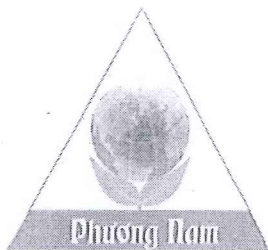

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc

P. Giám đốc



Lại Minh Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0107.041120.NT01

Tên mẫu : Nước thải
Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP VN
Địa điểm lấy mẫu : Ấp An Mỹ, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 04/11/2020
Ngày trả kết quả : 11/11/2020

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				NT01
1	pH ^(#)	-	TCVN 6492:2011	6,83
2	BOD ₅ (20°C) ^(#)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	20
3	COD ^(#)	mg/L	SMEWW 5220C:2012	47
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#)	mg/L	TCVN 6625:2000	18
5	Tổng dầu mỡ khoáng ^(#)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2012	0,5
6	Tổng Nito ^(#)	mg/L	TCVN 6638:2000	12,6
7	Tổng Photpho (tính theo P) ^(#)	mg/L	TCVN 6202:2008	2,46
8	Coliform	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	2,1 x 10 ³

Ghi chú:

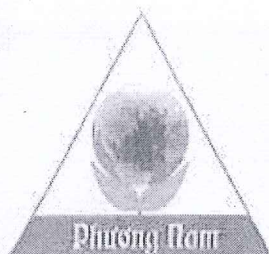
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Nước thải sau HTXL;
- ^(#): Thông số được chứng nhận Vilas.

Phó phòng phân tích

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc
P. Giám đốc

Lại Minh Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0000755.21
MSM: PNE.NT.21.00241

Tên mẫu : Nước thải
Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP VN
Địa điểm lấy mẫu : Ấp An Mỹ, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 31/03/2021
Ngày trả kết quả : 07/04/2021

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				NT.00241
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	6,88
2	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	10
3	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	23
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	9
5	Tổng dầu mỡ khoáng ^(a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	< 0,3
6	Tổng Nitơ ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	15,0
7	Tổng Photpho (tính theo P) ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,03
8	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	2,1 x 10 ¹

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT.00241: Nước thải sau HTXL;
- ^(a): Thông số được chứng nhận Vilas;

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc

KT. Giám đốc

TRUNG TÂM

PHÂN TÍCH VÀ

ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

PHƯƠNG NAM

TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Lại Minh Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0002579.21
MSM: PNE.21.0018.NT01

Tên mẫu : Nước thải
Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP VN
Địa điểm lấy mẫu : Ấp An Mỹ, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 03/06/2021
Ngày trả kết quả : 10/06/2021

VIMCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				NT01
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	6,91
2	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	19
3	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	45
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	15
5	Tổng dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,4
6	Tổng Nito ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	14,3
7	Tổng Photpho (tính theo P) ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,40
8	Coliform	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	2,1 x 10 ³

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Nước thải sau HTXL;
- ^(a): Thông số được chứng nhận Vilas.

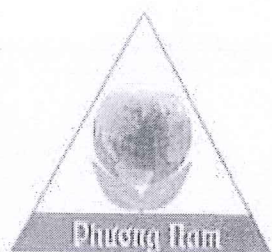
Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc



Lưu Minh Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0002578.21
MSM: PNE.21.0018.XQ01-02

Tên mẫu : Không khí xung quanh
Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP VN
Địa điểm lấy mẫu : Ấp An Mỹ, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Số lượng : 02 mẫu
Ngày lấy mẫu : 03/06/2021
Ngày trả kết quả : 10/06/2021

VIMCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 05:2013/ BTNMT Trung bình 1 giờ
				XQ01	XQ02	
1	Tiếng ồn	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	55,3	62,7	70 ^a
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	110	210	300
3	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	60	80	350
4	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	80	100	200
5	CO	µg/m ³	HD12-KK-CO	< 4.500	5.800	30.000

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ01: Không khí khu vực cổng bảo vệ;
- XQ02: Không khí khu vực phía trước xưởng sản xuất;
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- (a) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc

P. Giám đốc





**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



Ngày: 30/10/2021

Trang: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 231021

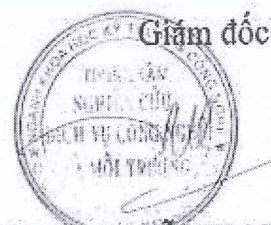
- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH TV KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)**
- Địa chỉ: **Ấp An Mỹ, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương**
- Tên mẫu: **Nước thải** Số lượng: **01 mẫu**
- Ký hiệu mẫu:
 - NT.231021.006: Nước thải sau hệ thống xử lý
- Ngày lấy mẫu: **23/10/2021** Thời gian thử nghiệm: **23/10 - 30/10/2021**
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột A (K _a =0,6; K _f =1)
1.	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,2	6 - 9
2.	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2012	38,4	45
3.	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	14,5	18
4.	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	8,0	30
5.	Tổng N ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000	6,9	12
6.	Tổng P ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,93	2,4
7.	Tổng dầu mỡ ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B:2012	KPH (LOD=0,9)	-
8.	Coliform ^(b)	MPN/ 100ml	TCVN 6187-2:1996	1,3x10 ³	3000

Ghi chú: (-): Không quy định; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.

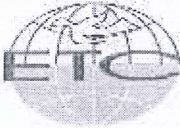
P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí



Th.S Nguyễn Thị Mai Thảo

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vincerts công nhận;
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng. (c): Chỉ tiêu đo Nhà thầu phụ phân tích.

	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514	  
Ngày: 08/07/2021 Trang: 1/2	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 010721	

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH TV KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)**
- Địa chỉ: **Áp An Mỹ, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương**
- Tên mẫu: **Nước ngầm** Số lượng: **01 mẫu**
- Ký hiệu mẫu:
 - NN.010721.010: Nước ngầm tại giếng khoan đang sử dụng
- Ngày lấy mẫu: **01/07/2021** Thời gian thử nghiệm: **01/07 - 08/07/2021**
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 09-MT:2015/ BTNMT
1.	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	4,2	5,5 – 8,5
2.	TDS ^(a,b)	mg/L	HDPP 08-TDS	40	1500
3.	Chỉ số Pemanganat ^(b)	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (LOD=0,5)	4
4.	Độ cứng ^(a,b)	mg/L	TCVN 6224:1996	KPH (LOD=5,0)	500
5.	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .F:2012	0,14	1
6.	NO ₂ ⁻ (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,005	1
7.	NO ₃ ⁻ (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	US EPA Method 352.1	1,38	15
8.	SO ₄ ²⁻ ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2017	KPH (LOD=2,0)	400
9.	As ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,003)	0,05
10.	Pb ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,003)	0,01
11.	Fe ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2012	KPH (LOD=0,03)	5
12.	Hg ^(c)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH (LOD=0,00002)	0,001

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng. (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



Ngày: 08/07/2021

Trang: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 010721

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 09- MT:2015/ BTNMT
13.	Mn ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2012	KPH (LOD=0,02)	0,5
14.	E.coli ^(b)	MPN/ 100ml	TCVN 6187-2:1996	KPH (LOD=2)	Không phát hiện thấy
15.	Coliform ^(b)	MPN/ 100ml	TCVN 6187-2:1996	2	3

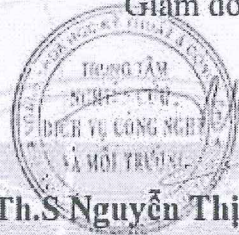
Ghi chú: (-): Không quy định; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện;

QCVN 09-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí

Giám đốc



Th.S Nguyễn Thị Mai Thảo



- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vincerts công nhận;
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng. (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 29 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514	
Ngày: 18/12/2021 Trang: 1/1	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 111221	

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH TV KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)**
- Địa chỉ: **Ấp An Mỹ, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương**
- Tên mẫu: **Nước thải** Số lượng: **01 mẫu**
- Ký hiệu mẫu:
 - NT.111221.005: Nước thải sau hệ thống xử lý
- Ngày lấy mẫu: **11/12/2021** Thời gian thử nghiệm: **11/12 - 18/12/2021**
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột A (K _q =0,6; K _f =1)
1.	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,5	6 - 9
2.	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2012	40,1	45
3.	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	15,2	18
4.	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	9,4	30
5.	Tổng N ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000	7,2	12
6.	Tổng P ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,06	2,4
7.	Tổng dầu mỡ ^(a)	mg/L	SMEWW 5520B:2012	KPH (LOD=0,9)	-
8.	Coliform ^(b)	MPN/ 100ml	TCVN 6187-2:1996	2,0x10 ³	3000

Ghi chú: (-): Không quy định; KPII: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.

P. Phòng thí nghiệm



Nguyễn Công Trí



Th.S Nguyễn Thị Mai Thảo

- Không được trích sao một phần phiên kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (a): Chỉ tiêu được VHLAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vincerts công nhận;
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng. (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514	  
Ngày: 18/12/2021 Trang: 1/1	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 111221	

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH TV KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)**
- Địa chỉ: **Áp An Mỹ, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương**
- Tên mẫu: **Không khí xung quanh** Số lượng: **02 mẫu**
- Ký hiệu mẫu:
 - KK.111221.017: Khu vực cổng bảo vệ
 - KK.111221.018: Khu vực phía trước xưởng sản xuất
- Ngày lấy mẫu: **11/12/2021** Thời gian thử nghiệm: **11/12 – 18/12/2021**
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM		QCVN 05: 2013/BTNMT Trung bình 1 giờ
				KK.017	KK.018	
1.	Tiếng ồn ^(a,b)	dBA	TCVN 7878-2:2010	59,2	65,7	70 ⁽¹⁾
2.	Bụi ^(a,b)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,14	0,19	0,3
3.	SO ₂ ^(a,b)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,058	0,072	0,35
4.	NO ₂ ^(a,b)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,071	0,078	0,2
5.	CO ^(b)	mg/m ³	HDPP-60	4,30	5,63	30

Ghi chú: QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

(1) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

P. Phòng thí nghiệm



Nguyễn Công Trí



Giám đốc

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận;
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng. (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 29 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514	  
Ngày: 18/12/2021 Trang: 1/2	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 111221	

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH TV KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)**
- Địa chỉ: **Ấp An Mỹ, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương**
- Tên mẫu: **Nước ngầm** Số lượng: **01 mẫu**
- Ký hiệu mẫu:
 - NN.111221.012: Nước ngầm tại giếng khoan đang sử dụng
- Ngày lấy mẫu: **11/12/2021** Thời gian thử nghiệm: **11/12 - 18/12/2021**
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 09-MT:2015/ BTNMT
1.	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	4,8	5,5 – 8,5
2.	TDS ^(a,b)	mg/L	HDPP 08-TDS	45	1500
3.	Chỉ số Pemanganat ^(b)	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (LOD=0,5)	4
4.	Độ cứng ^(a,b)	mg/L	TCVN 6224:1996	KPH (LOD=5,0)	500
5.	NI ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ -F:2012	0,19	1
6.	NO ₂ ⁻ (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,007	1
7.	NO ₃ ⁻ (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	US EPA Method 352.1	1,40	15
8.	SO ₄ ^{2-(b)}	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2017	KPH (LOD=2,0)	400
9.	As ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,003)	0,05
10.	Pb ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,003)	0,01
11.	Fe ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2012	KPH (LOD=0,03)	5
12.	Hg ^(c)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH (LOD=0,00002)	0,001
13.	Mn ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2012	KPH (LOD=0,02)	0,5
14.	E.coli ^(b)	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	KPH	Không phát hiện thấy

- Không được trích sao mọi phần phiên kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
 - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiên này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
 - Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày in kết quả.
 - Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vincerts công nhận; (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



Ngày: 18/12/2021

Trang: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 111221

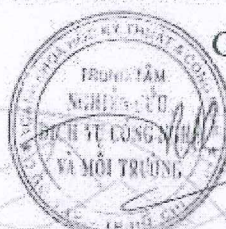
STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 09- MT:2015/ BTNMT
15.	Coliform ^(b)	MPN/ 100ml	TCVN 6187-2:1996	<2	3

Ghi chú: (-): Không quy định; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.

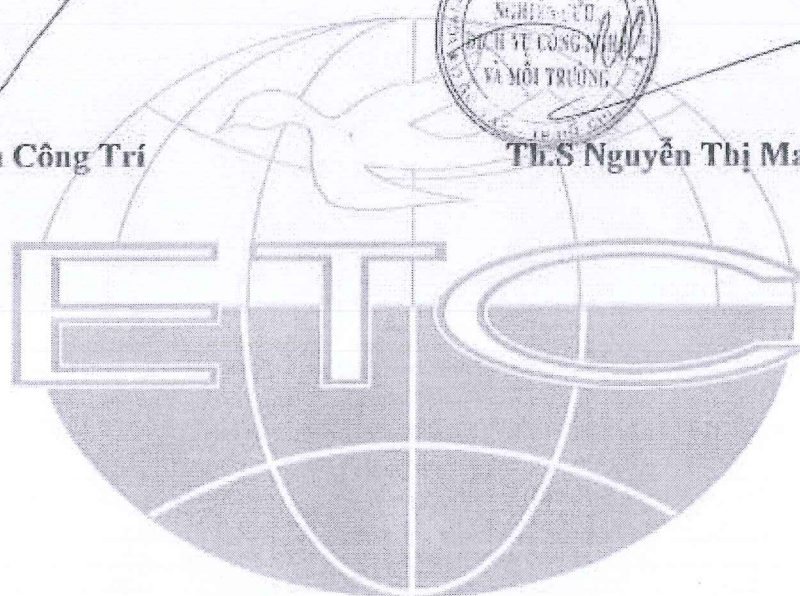
P. Phòng thí nghiệm

Giám đốc

Nguyễn Công Trí



Th.S Nguyễn Thị Mai Thảo



- Không được trích sao một phần phiên kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiên này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thời gian hạn hiệu: 05 ngày kể từ ngày ra kết quả. (a): Chỉ tiến được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiến được Vincerts công nhận;
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng. (c): Chỉ tiến do Nhà thầu phụ phân tích.

	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM Dt: 028.39162814 Fax: 028.39162514	   VIAS 456
	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 070122	Ngày: 14/01/2022 Trang: 1/2

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH TV KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)**
- Địa chỉ: **Ấp An Mỹ, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương**
- Tên mẫu: **Nước ngầm** Số lượng: **01 mẫu**
- Ký hiệu mẫu:
 - **NN.070122.001: Nước ngầm tại giếng khoan đang sử dụng**
- Ngày lấy mẫu: **07/01/2022** Thời gian thử nghiệm: **07/01 - 14/01/2022**
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 09-MT:2015/ BTNMT
1.	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	5,0	5,5 – 8,5
2.	TDS ^(a,b)	mg/L	HDPP 08-TDS	80	1500
3.	Chỉ số Pemanganat ^(b)	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (LOD=0,5)	4
4.	Độ cứng ^(a,b)	mg/L	TCVN 6224:1996	KPH (LOD=5,0)	500
5.	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .F:2012	0,18	1
6.	NO ₂ ⁻ (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,007	1
7.	NO ₃ ⁻ (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	US EPA Method 352.1	1,52	15
8.	SO ₄ ²⁻ ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2017	KPH (LOD=2,0)	400
9.	As ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,003)	0,05
10.	Pb ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,003)	0,01
11.	Fe ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2012	KPH (LOD=0,03)	5
12.	Hg ^(c)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,00025)	0,001

- Không được trích sao một phần phiên kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (a): Chỉ nên được VIAS công nhận; (b): Chỉ nên được Vincerts công nhận;
- Tên mẫu, tên khách hàng chỉ theo yêu cầu của khách hàng. (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514		  
	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 070122		
Ngày: 14/01/2022 Trang: 2/2			

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 09-MT:2015/ BTNMT
13.	Mn ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2012	KPH (LOD=0,02)	0,5
14.	E.coli ^(b)	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	KPH (LOD=2)	Không phát hiện thấy
15.	Coliform ^(b)	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	KPH (LOD=2)	3

Ghi chú: (-): Không quy định; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện;

QCVN 09-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí



Giám đốc

Th.S Nguyễn Thị Mai Thảo



- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận, (b): Chỉ tiêu được Vincerts công nhận.
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng. (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514	  
Ngày: 05/04/2022 Trang: 1/1	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 41/2022	

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH TV KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)**
- Địa chỉ: **Ấp An Mỹ, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương**
- Tên mẫu: **Nước thải** Số lượng: **01 mẫu**
- Ký hiệu mẫu:
 - NT.290322.002: Nước thải sau hệ thống xử lý
- Ngày lấy mẫu: **29/03/2022** Thời gian thử nghiệm: **29/03 - 05/04/2022**
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột A (K _q =0,6; K _f =1)
1.	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,1	6 - 9
2.	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	41,1	45
3.	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	16,5	18
4.	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	11,0	30
5.	Tổng N ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000	11,6	12
6.	Tổng P ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	2,16	2,4
7.	Tổng dầu mỡ ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B:2017	KPH (LOD=0,3)	-
8.	Coliform ^(b)	MPN/ 100ml	TCVN 6187-2:2020	2.880	3.000

Ghi chú: (-): Không quy định; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.

P. Phòng thí nghiệm


Nguyễn Công Trí

Giám đốc

 Th.S Nguyễn Thị Mai Thảo

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận;
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng. (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514	  
Ngày: 06/06/2022 Trang: 1/1	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 188/2022	

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH TV KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)**
- Địa chỉ: **Ấp An Mỹ, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương**
- Tên mẫu: **Không khí** Số lượng: **02 mẫu**
- Ký hiệu mẫu:
 - KK.300522.001: Khu vực cổng bảo vệ
 - KK.300522.002: Khu vực phía trước xưởng sản xuất
- Ngày lấy mẫu: **30/05/2022** Thời gian thử nghiệm: **30/05 – 06/06/2022**
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM		QCVN 05:2013/BTNMT Trung bình 1 giờ
				KK.300522.001	KK.300522.002	
1.	Độ ồn ^(a,b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	59,7	65,1	70 ⁽¹⁾
2.	Bụi ^(a,b)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,15	0,18	0,3
3.	SO ₂ ^(a,b)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,052	0,068	0,35
4.	NO ₂ ^(a,b)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,058	0,073	0,2
5.	CO ^(b)	mg/m ³	HDPP-60	5,12	5,74	30

Ghi chú: ⁽¹⁾: QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

P. Phòng thí nghiệm



Nguyễn Công Trí

Giám đốc



Th.S Nguyễn Thị Mai Thảo

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vincerts công nhận;
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng. (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514	  
Ngày: 06/06/2022 Trang: 1/1	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 188/2022	

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH TV KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)**
- Địa chỉ: **Ấp An Mỹ, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương**
- Tên mẫu: **Nước thải** Số lượng: **01 mẫu**
- Ký hiệu mẫu:
 - NT.300522.001: Nước thải sau hệ thống xử lý
- Ngày lấy mẫu: **30/05/2022** Thời gian thử nghiệm: **30/05 – 06/06/2022**
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột A (K _a =0,6; K _f =1)
1.	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,9	6 - 9
2.	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	28,0	45
3.	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	13,3	18
4.	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	11,0	30
5.	Tổng N ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000	10,3	12
6.	Tổng P ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	2,02	2,4
7.	Tổng dầu mỡ ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B:2017	4,3	-
8.	Coliform ^(b)	MPN/100ml	TCVN 6187-2:2020	2.300	3.000

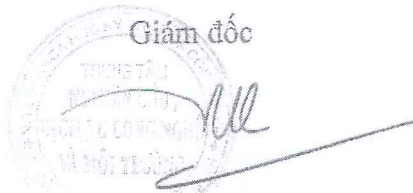
Ghi chú: (-): Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

P. Phòng thí nghiệm



Nguyễn Công Trí

Giám đốc



Th.S Nguyễn Thị Mai Thảo

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận, (b): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận;
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng. (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514	  
Ngày: 20/09/2022 Trang: 1/1	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 467/2022	

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH TV KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)**
- Địa chỉ: **Ấp An Mỹ, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương**
- Tên mẫu: **Nước thải** Số lượng: **01 mẫu**
- Ký hiệu mẫu:
 - NT.130922.001: Nước thải sau hệ thống xử lý
- Ngày lấy mẫu: **13/09/2022** Thời gian thử nghiệm: **13/09 – 20/09/2022**
- Kết quả thử nghiệm:

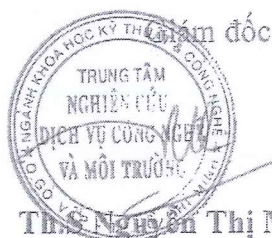
STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột A (K _a =0,6; K _f =1)
1.	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,9	6 - 9
2.	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	36,2	45
3.	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	14,1	18
4.	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	9,6	30
5.	Tổng N ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000	10,0	12
6.	Tổng P ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,91	2,4
7.	Tổng dầu mỡ ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B:2017	1,7	-
8.	Coliform ^(b)	MPN/100ml	TCVN 6187-2:2020	2.070	3.000

Ghi chú: (-): Không quy định;

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí



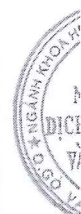
Thị Mai Thảo

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vincerts công nhận.
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng. (a): Chỉ tiêu được Nhà thầu phụ phân tích.

	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM Đt: 028.39162814 Fax: 028.39162514	  
Ngày: 22/07/2022 Trang: 1/2	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 378/2022	

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH TV KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)**
- Địa chỉ: **Ấp An Mỹ, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương**
- Tên mẫu: **Nước ngầm** Số lượng: **01 mẫu**
- Ký hiệu mẫu:
 - NN.150722.001: Nước ngầm tại giếng khoan đang sử dụng
- Ngày lấy mẫu: **15/07/2022** Thời gian thử nghiệm: **15/07 - 22/07/2022**
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 09- MT:2015/ BTNMT
1.	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,2	5,5 – 8,5
2.	TDS ^(a,b)	mg/L	HDPP-03	410	1500
3.	Chỉ số Pemanganat ^(b)	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL=0,5)	4
4.	Độ cứng ^(a,b)	mg/L	TCVN 6224:1996	KPH (MDL=5,0)	500
5.	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .B&F:2017	0,25	1
6.	NO ₂ ⁻ (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,008	1
7.	NO ₃ ⁻ (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	US EPA Method 352.1	1,31	15
8.	SO ₄ ²⁻ ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2017	KPH (MDL=2,0)	400
9.	As ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,006)	0,05
10.	Pb ^(c)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0020)	0,01
11.	Fe ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,04)	5
12.	Hg ^(c)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (MDL=0,00025)	0,001



- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu: 03 ngày kể từ ngày ra kết quả. (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận;
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng. (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

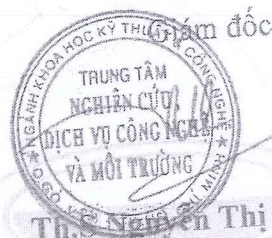
	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514		  
	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 378/2022		
Ngày: 22/07/2022 Trang: 2/2			

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 09- MT:2015/ BTNMT
13.	Mn ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,03)	0,5
14.	E.coli ^(b)	MPN/100ml	TCVN 6187-2:2020	KPH (MDL=1)	Không phát hiện thấy
15.	Coliform ^(b)	MPN/100ml	TCVN 6187-2:2020	KPH (MDL=1)	3

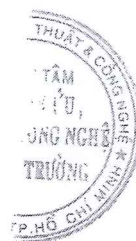
Ghi chú: (-): Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
 QCVN 09-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí



Th.S Nguyễn Thị Mai Thảo



- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

Stt	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1.	Nhà xưởng 1	4.536	9,30
2.	Nhà kỹ thuật - Giáp xưởng 1	120	0,25
3.	Khu hút bụi	176	0,36
4.	Nhà văn phòng 1	360	0,74
5.	Nhà ăn công nhân	336	0,69
6.	Nhà bảo vệ	39,98	0,08
7.	Nhà xưởng 2	5.200	10,66
8.	Nhà xưởng - kho 4	3.120	6,39
9.	Mái che đầu xưởng	600	1,23
10.	Nhà xưởng 3	4.320	8,85
11.	Nhà văn phòng 2	608,2	1,25
12.	Nhà xưởng - kho 3	2.268	4,65
13.	Nhà xưởng + kho 1	2.856	5,85
14.	Mái che bãi container	216	0,44
15.	Nhà xưởng + kho 2	2.520	5,16
16.	Nhà bảo vệ + vệ sinh	17,8	0,04
17.	Bể tự thấm	400	0,82
18.	Hệ thống xử lý nước thải	100	0,20
19.	Khu vực chứa chất thải	25	0,05
20.	Hành lang, đường bộ, sân bãi	11.213,26	22,98
21.	Diện tích cây xanh	9.758,06	20
	TỔNG DIỆN TÍCH	48.790,3	100

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR:
CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP
(VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ - ADDRESS:

CÔNG TY
GIÁM ĐỐC - DIRECTOR:

FRAMA GROUP

ĐIỀU CHỈNH - DESCRIPTION OF REVISION

Date:

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR:

THIẾT KẾ SƠ BỘ - PRELIMINARY:

TRÌNH DUYỆT - APPROVAL:

THI CÔNG - CONSTRUCTION:

HOÀN CÔNG - AS-BUILT:

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR:

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - TECHNICAL MANA

THIẾT KẾ - DESIGNER BY:

VẼ - DRAWED BY:

KIỂM TRA - CHECKED BY:

CÔNG TRÌNH - PROJECT:

HẠNG MỤC - ITEM:

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME:

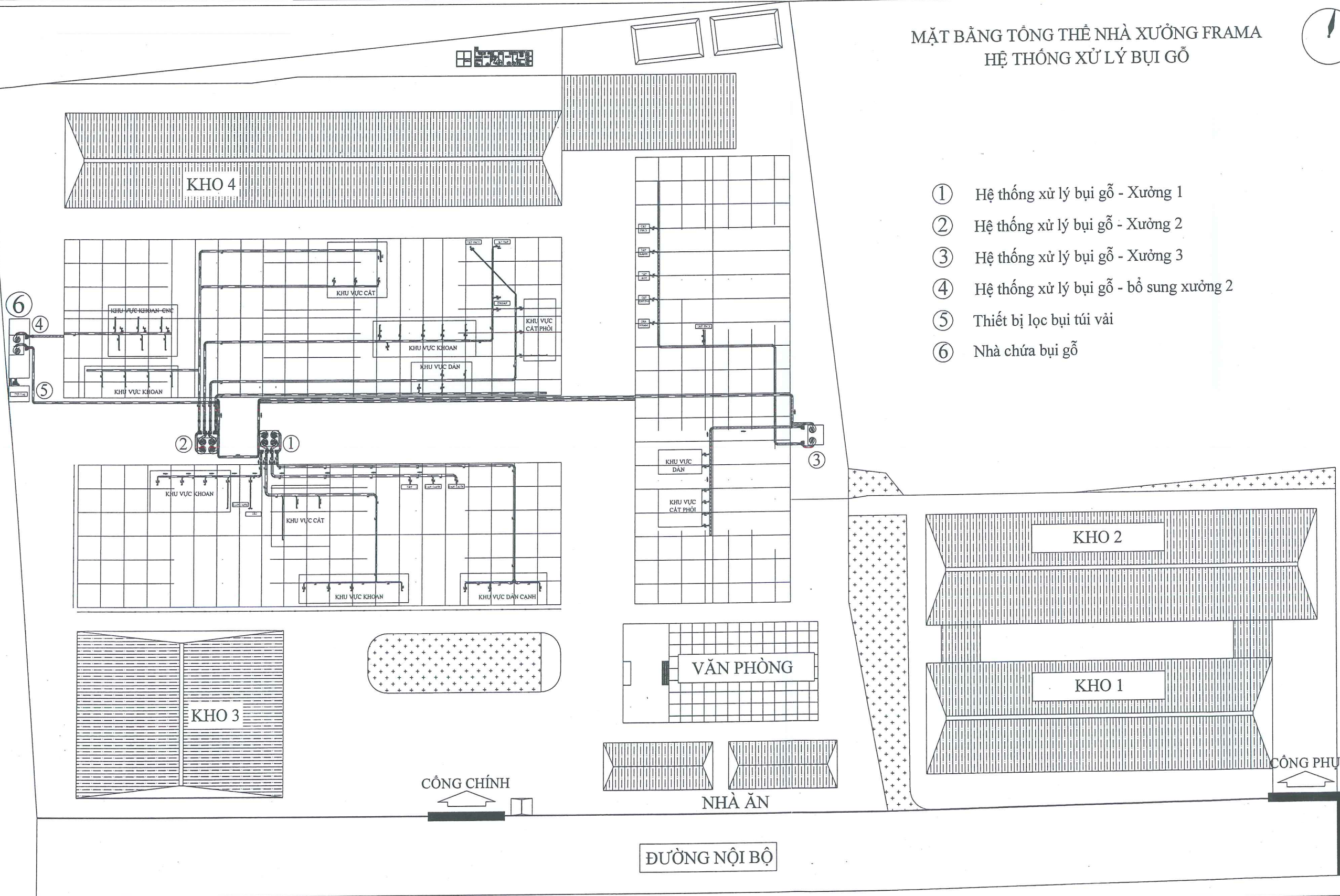
MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TỶ LỆ - SCALE

SỐ BẢN VẼ - DRAWING No

NGÀY HOÀN THÀNH - DATE

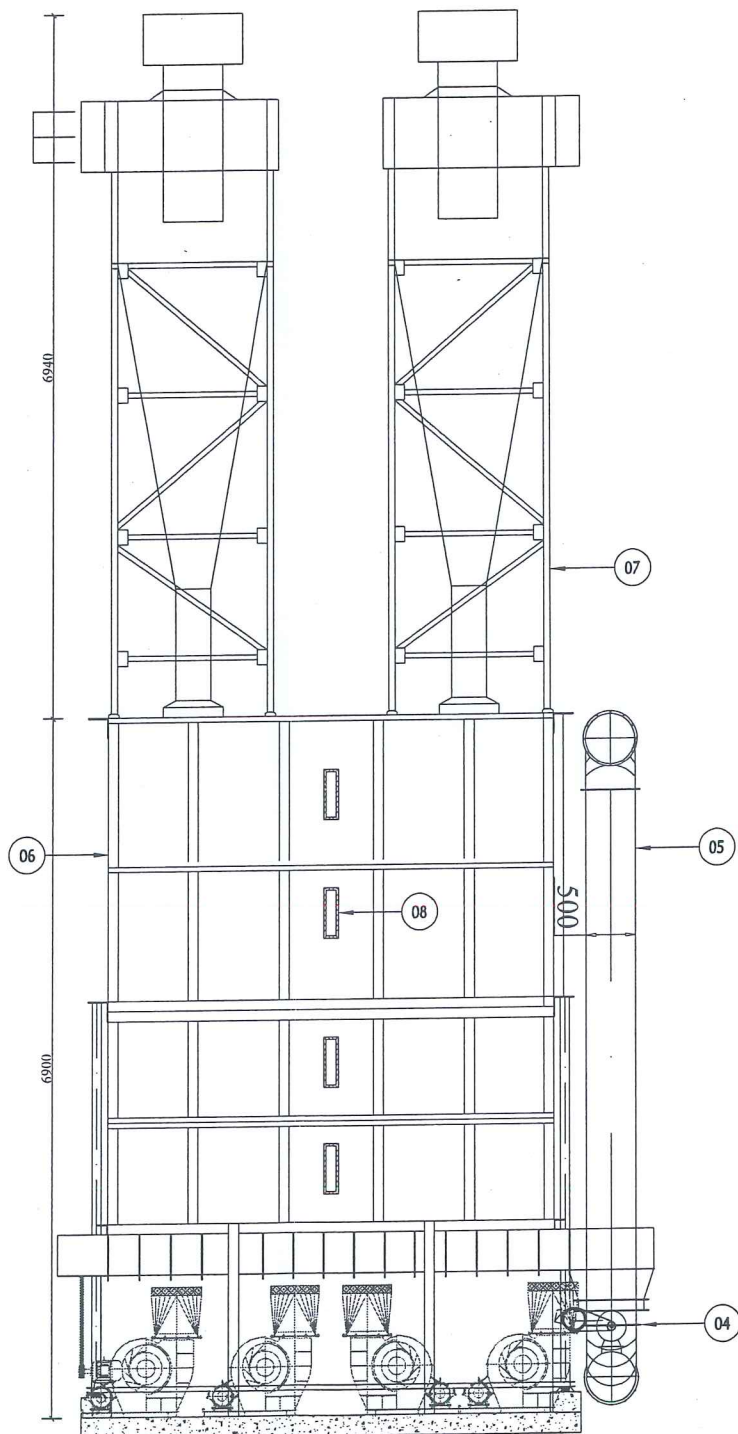
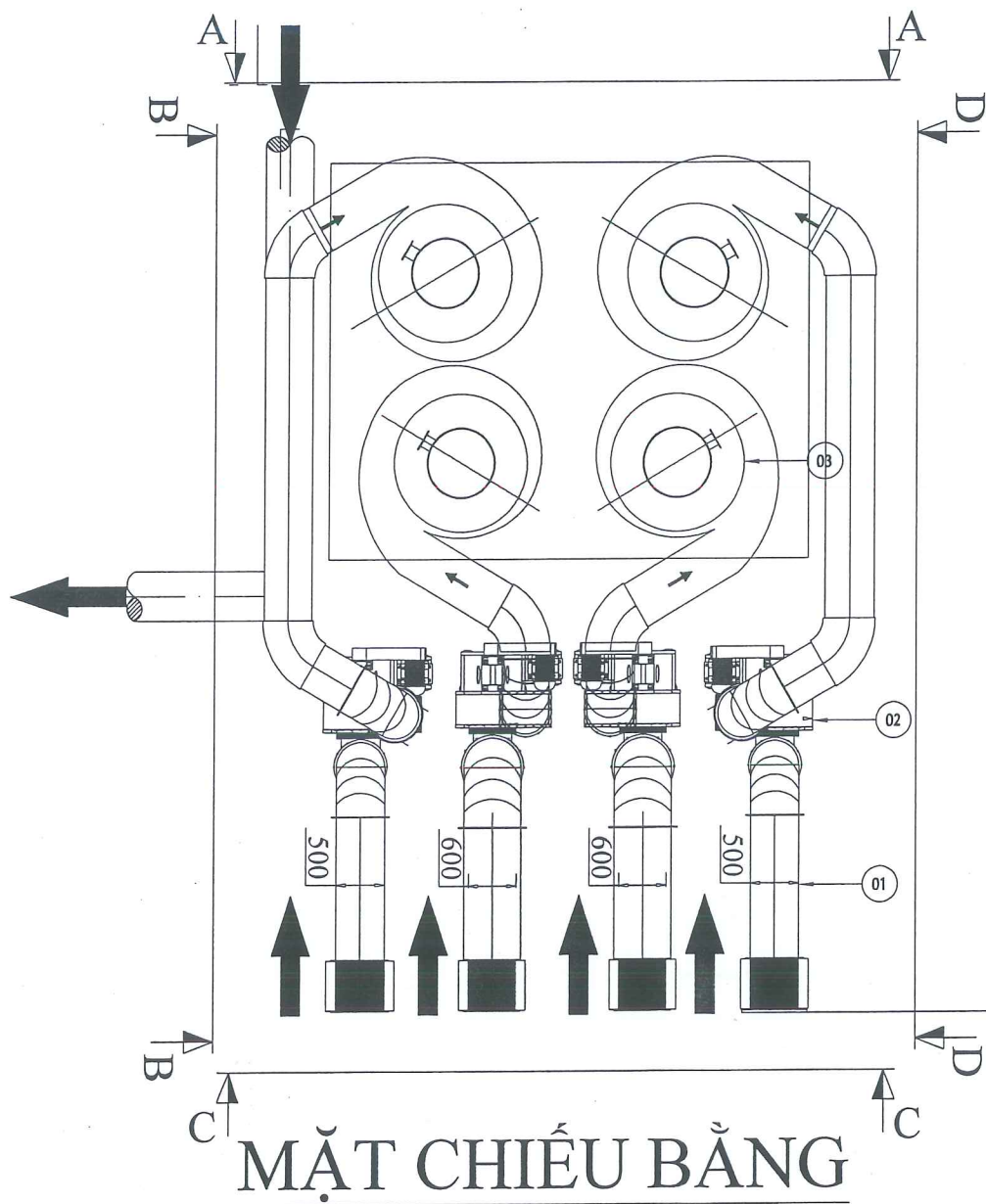
MẶT BẰNG TỔNG THỂ NHÀ XƯỞNG FRAMA
HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI GỖ



- ① Hệ thống xử lý bụi gỗ - Xưởng 1
- ② Hệ thống xử lý bụi gỗ - Xưởng 2
- ③ Hệ thống xử lý bụi gỗ - Xưởng 3
- ④ Hệ thống xử lý bụi gỗ - bổ sung xưởng 2
- ⑤ Thiết bị lọc bụi túi vải
- ⑥ Nhà chứa bụi gỗ

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR:	
CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)	
ĐỊA CHỈ - ADDRESS:	
CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)	
GIÁM ĐỐC - DIRECTOR:	
ĐIỀU CHỈNH - DESCRIPTION OF REVISION:	
Date:	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR:	
THIẾT KẾ SỐ BỘ - PRELIMINARY:	
TRÌNH DUYỆT - APPROVAL:	
THI CÔNG - CONSTRUCTION:	
HOÀN CÔNG - AS-BUILT:	
GIÁM ĐỐC - DIRECTOR:	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - TECHNICAL MANAGER:	
THIẾT KẾ - DESIGNER BY:	
VẼ - DRAWED BY:	
KIỂM TRA - CHECKED BY:	
CÔNG TRÌNH - PROJECT:	
HẠNG MỤC - ITEM:	
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME:	
MẶT BẰNG TỔNG THỂ NHÀ XƯỞNG FRAMA HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI GỖ	
TỶ LỆ - SCALE	
SỐ BẢN VẼ - DRAWING No	
NGÀY HOÀN THÀNH - DATE	—/—/—

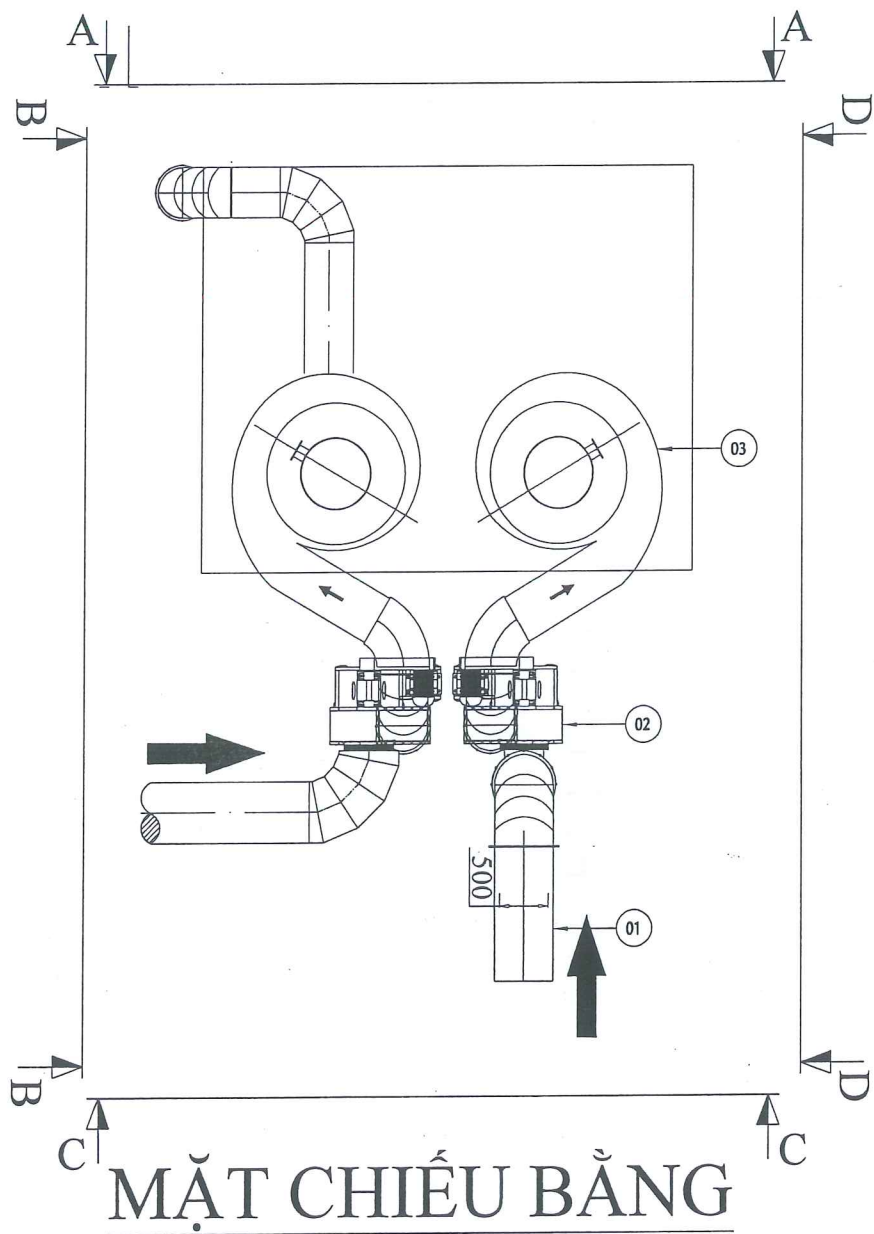
BẢN VẼ HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI GỖ TỪ XUỒNG 1&2



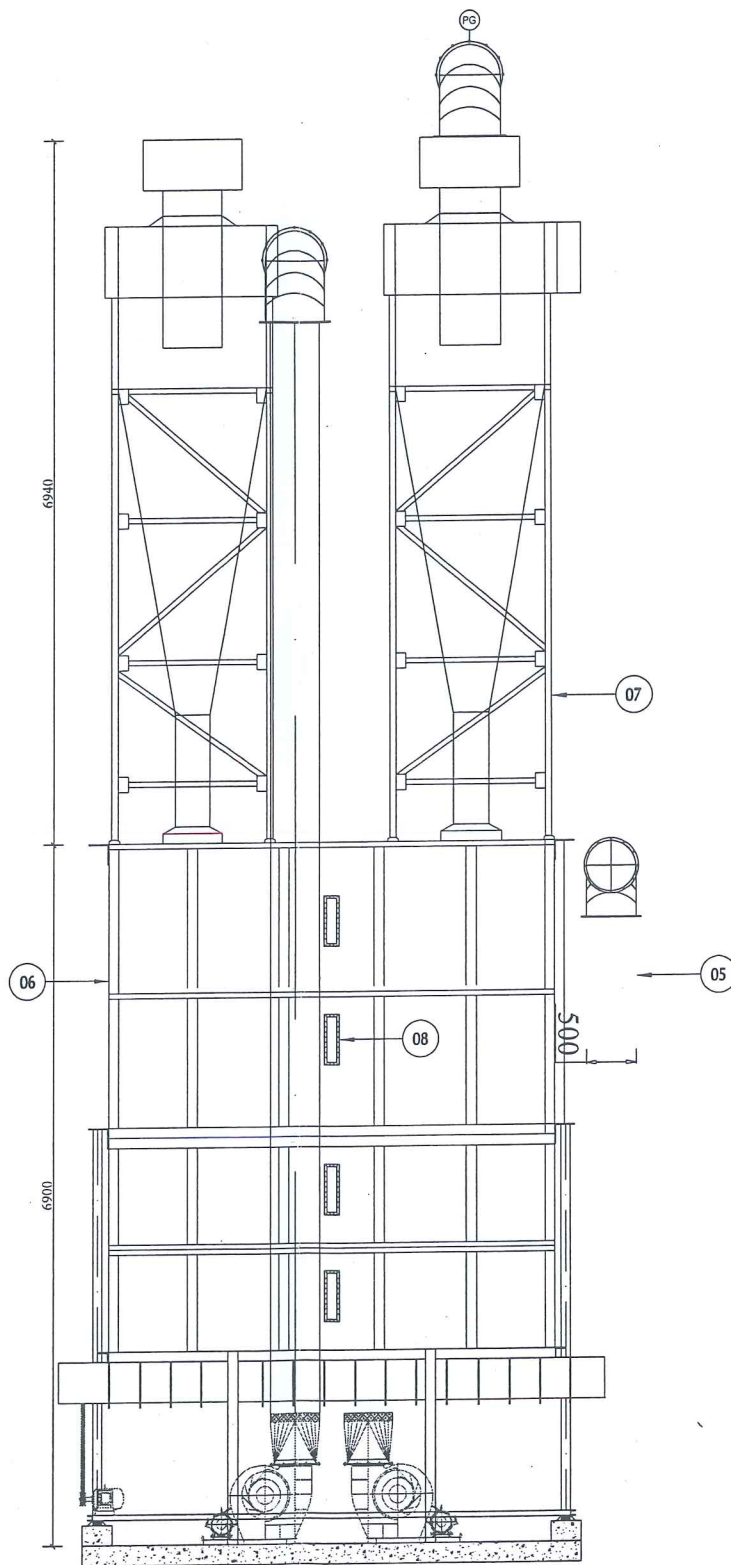
No.	Description	Size
8	NẬP THÂM	
7	THÉP GIĂNG	
6	THIẾT BỊ CHỨA BỤI	5000 x 3400 x 6900
5	ÔNG XẢ BỤI	Φ 250
4	BỘ VAN XẢ BỤI	
3	CYCLONE	Φ 1500 x 6900
2	QUẠT HÚT	P: 30kW
1	ÔNG THU	D500.

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR: CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)	
ĐỊA CHỈ - ADDRESS: CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)	
GIÁM ĐỐC - DIRECTOR: (Signature)	
ĐIỀU CHỈNH - DESCRIPTION OF REVISION: Date	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR:	
THIẾT KẾ SƠ BỘ - PRELIMINARY:	
TRÌNH DUYỆT-APPROVAL:	
THI CÔNG - CONSTRUCTION:	
HOÀN CÔNG - AS-BUILT:	
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG	
(Circular Stamp: M.SDN: 3700585737 - C.T. TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG TP. THỦ DẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG)	
GIÁM ĐỐC - DIRECTOR:	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - TECHNICAL MANAGER:	
THIẾT KẾ - DESIGNER BY:	
VẼ - DRAWN BY:	
KIỂM TRA - CHECKED BY:	
CÔNG TRÌNH - PROJECT:	
HẠNG MỤC - ITEM:	
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME: BẢN VẼ HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI GỖ TỪ XUỒNG 1&2	
TỶ LỆ - SCALE	
SỐ BẢN VẼ - DRAWING No	
NGÀY HOÀN THÀNH - DATE	--/--

BẢN VẼ HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI GỖ XƯỞNG 3



MẶT CHIẾU BẰNG

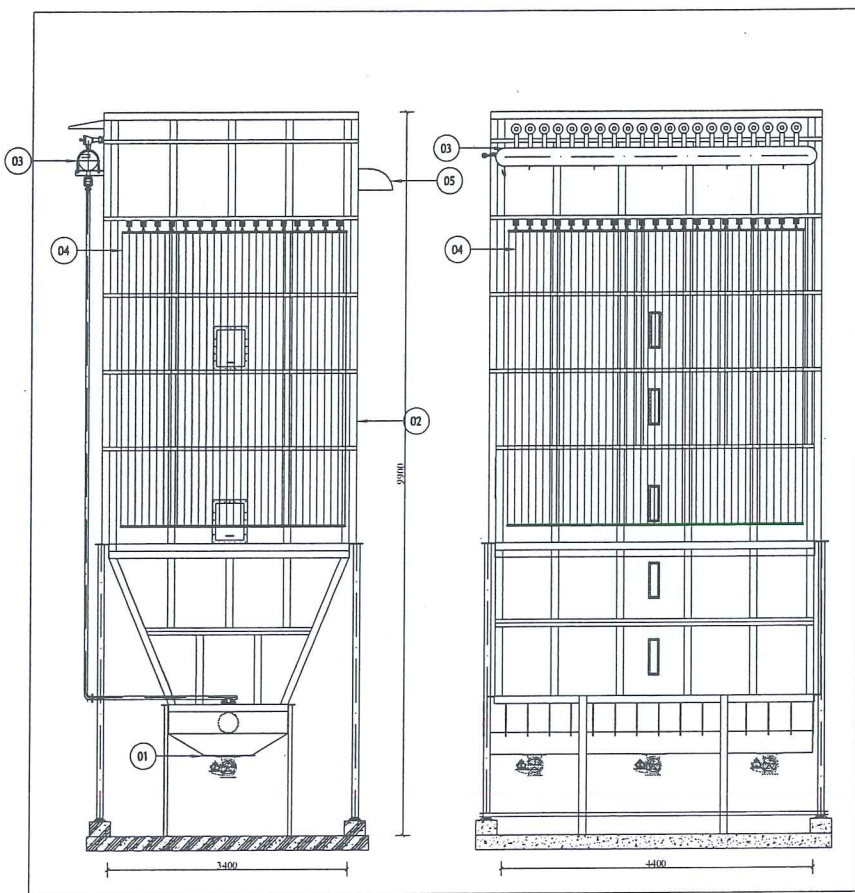


MẶT CHIẾU A-A

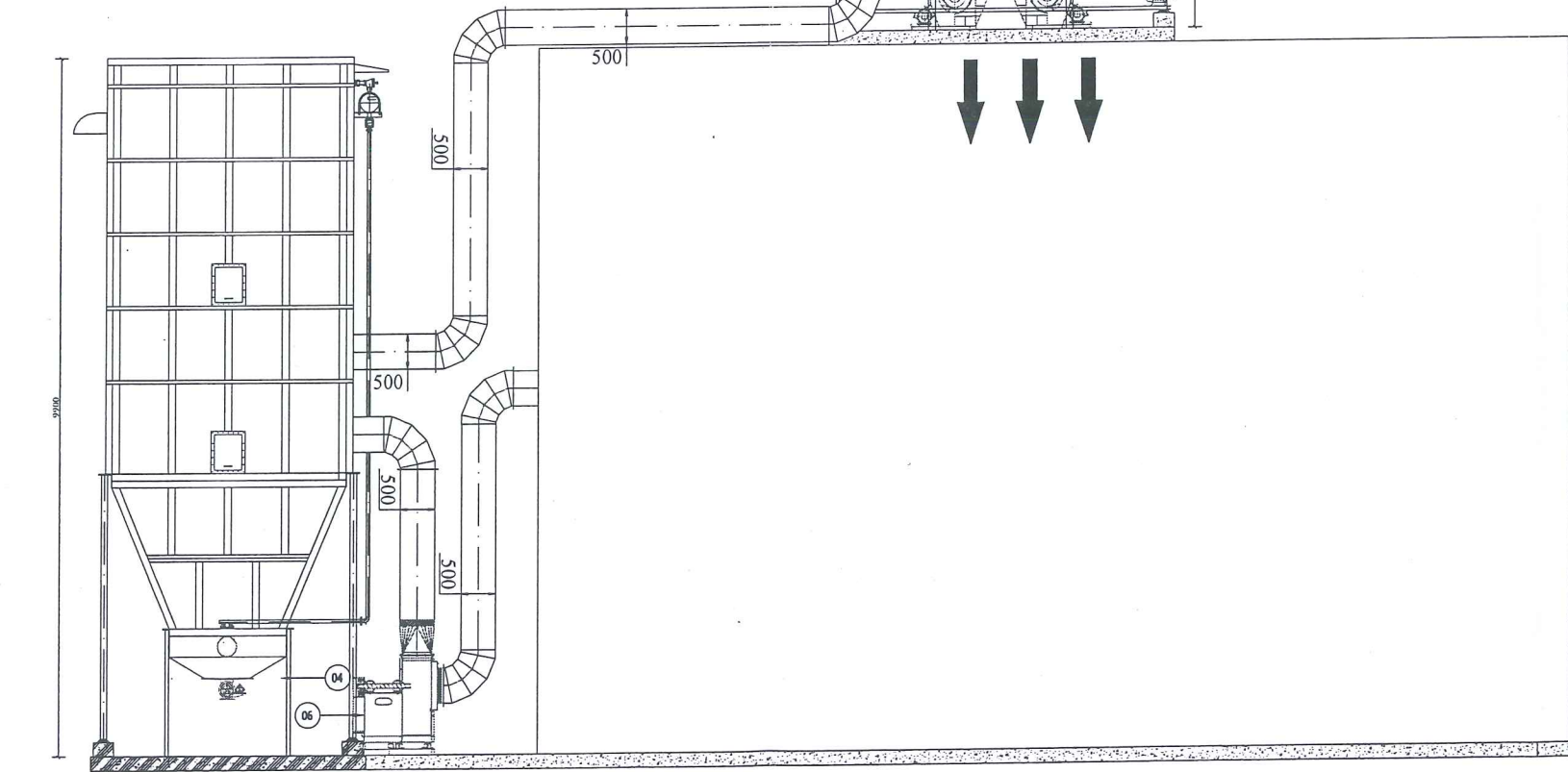
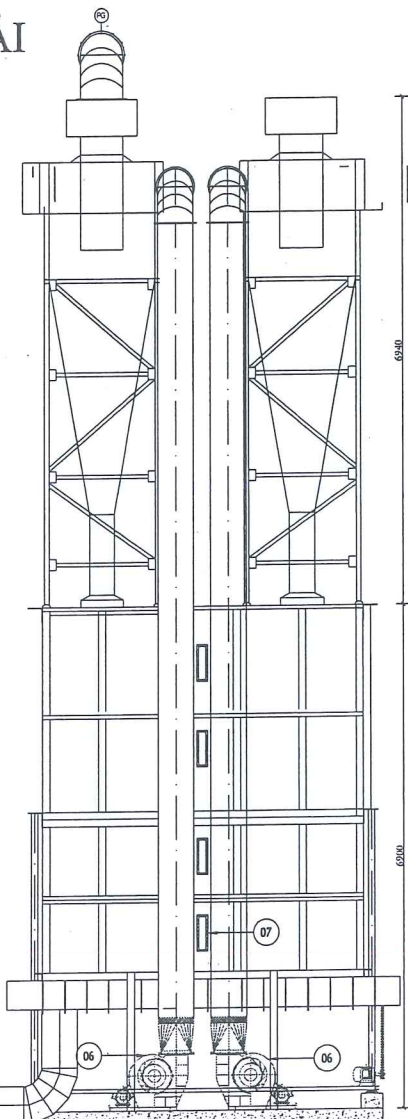
11	MOTOR KHUẤY	
10	VÁN XÁ ĐÁY	
9	ÔNG XÁ ÁP, XÁ CẦN	Φ 300
8	NẬP THÂM	
7	THÉP GIẢNG	
6	THIẾT BỊ CHỨA BỤI	5000 x 3400 x 6900
5	ÔNG XÁ BỤI	Φ 250
4	BỘ VÁN XÁ BỤI	
3	CYCLONE	Φ 1500 x 6900
2	QUẠT HÚT	P: 30kW
1	ÔNG THU	D500.
No.	Description	Size

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR: CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)	
ĐỊA CHỈ - ADDRESS: CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)	
GIÁM ĐỐC - DIRECTOR: Date	
ĐIỀU CHỈNH - DESCRIPTION OF REVISION:	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR:	
THIẾT KẾ SƠ BỘ - PRELIMINARY:	
TRÌNH DUYỆT-APPROVAL:	
THI CÔNG - CONSTRUCTION:	
HOÀN CÔNG - AS-BUILT:	
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG	
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG	
TRƯỞNG ĐẦU MÔT - T.BÌNH DƯƠNG	
GIÁM ĐỐC - DIRECTOR:	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - TECHNICAL MANAGER:	
THIẾT KẾ - DESIGNER BY:	
VẼ - DRAWED BY:	
KIỂM TRA - CHECKED BY:	
CÔNG TRÌNH - PROJECT:	
HẠNG MỤC - ITEM:	
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME:	
BẢN VẼ HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI GỖ XƯỞNG 3	
TỶ LỆ - SCALE	
SỐ BẢN VẼ - DRAWING No	
NGÀY HOÀN THÀNH - DATE	--/--

BẢN VẼ HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI TẬP TRUNG - KHU VỰC LỌC BỤI TÚI VÀI



7	NÁP THÂM	
6	QUẠT HÚT	P: 30kW
5	ỐNG XẢ	Φ 500
4	BỘ TÚI VÀI	Φ 200
3	MÁY NÉN KHÍ	
2	GIANG THÉP	
1	ỐNG XẢ DÂY	D500.
No.	Description	Size

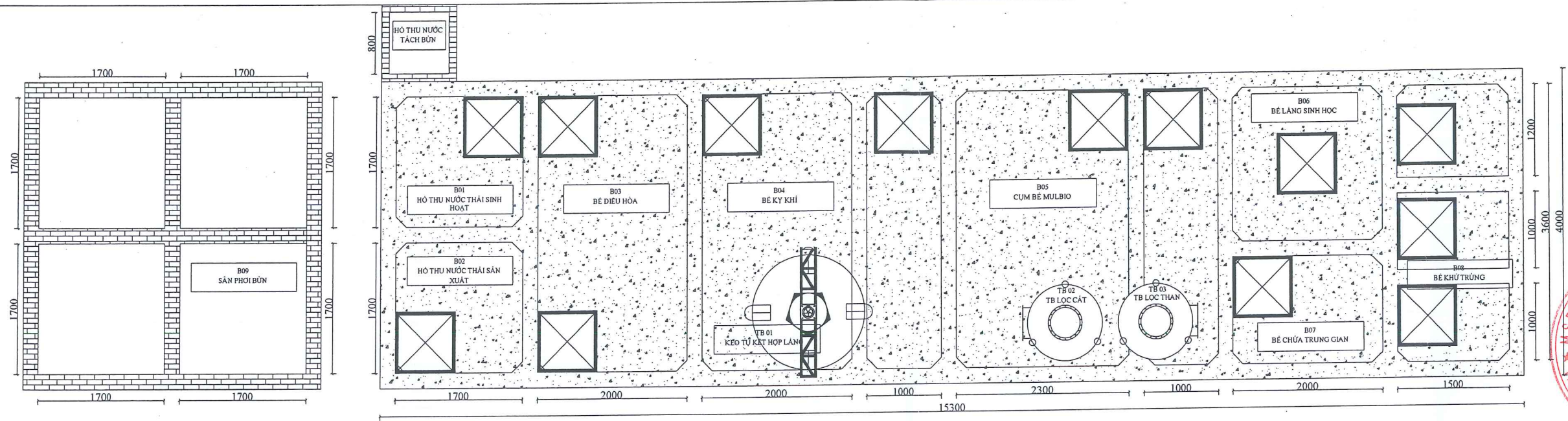


THIẾT BỊ LỌC TÚI VÀI

NHÀ THU BỤI GỖ

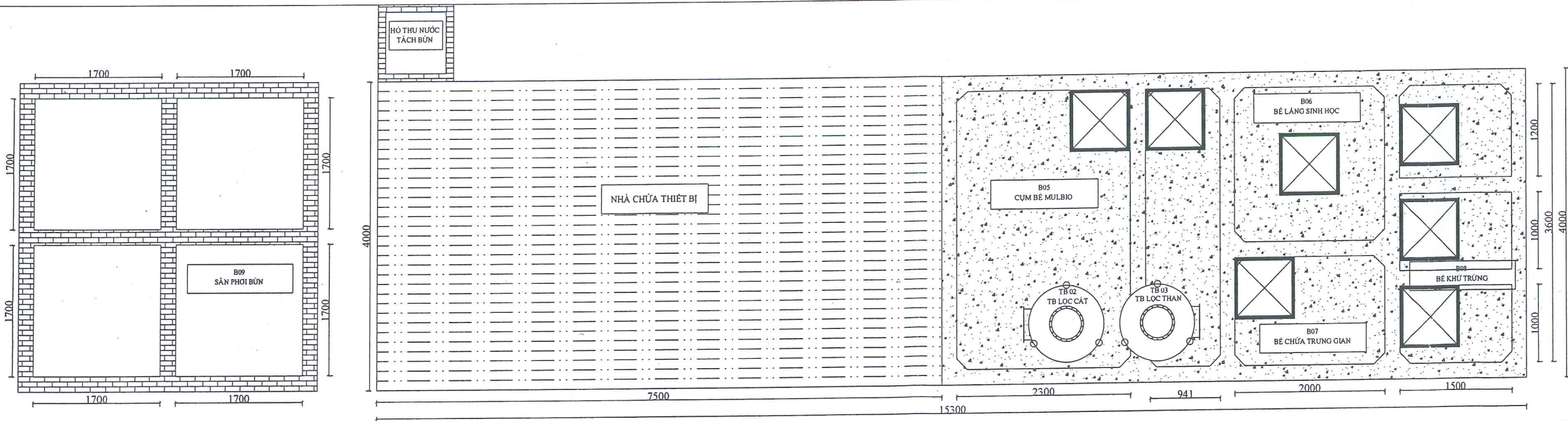
CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR: CÔNG TY TNHH FRAMA GROU (VIỆT NAM)	
ĐỊA CHỈ - ADDRESS: CÔNG TY TNHH FRAMA GROU (VIỆT NAM)	
GIÁM ĐỐC - DIRECTOR: T. BÌNH DƯƠNG	
ĐIỀU CHỈNH - DESCRIPTION OF REVISION Date	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR:	
THIẾT KẾ SƠ BỘ - PRELIMINARY:	
TRÌNH DUYỆT-APPROVAL:	
THI CÔNG - CONSTRUCTION:	
HOÀN CÔNG - AS-BUILT:	
GIÁM ĐỐC - DIRECTOR:	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - TECHNICAL MANAG	
THIẾT KẾ - DESIGNER BY:	
VẼ - DRAWED BY:	
KIỂM TRA - CHECKED BY:	
CÔNG TRÌNH - PROJECT:	
HẠNG MỤC - ITEM:	
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME: BẢN VẼ HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI TẬP TRUN KHU VỰC LỌC BỤI TÚI	
TỶ LỆ - SCALE	
SỐ BẢN VẼ - DRAWING No	
NGÀY HOÀN THÀNH - DATE	--/--

MẶT BẰNG BỐ TRÍ XÂY DỰNG
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)
CÔNG SUẤT 60M³/NGÀY.ĐÊM



CHÚ THÍCH:

B01 HỒ THU NƯỚC THẢI SINH HOẠT			B02 HỒ THU NƯỚC THẢI SẢN XUẤT			B03 BỂ ĐIỀU HÒA			B04 BỂ KỸ KHÍ			B05 CỤM BỂ MULBIO			B06 BỂ LĂNG SINH HỌC			B07 BỂ CHỨA TRUNG GIAN			B08 BỂ KHỬ TRÙNG			B09 SÂN PHỐI BÚN			TB01 THIẾT BỊ KÉP TỰ + LĂNG			TB02 THIẾT BỊ LỌC CÁT			TB03 THIẾT BỊ LỌC THAN		
1.70	1.70	4.00	1.70	1.70	4.00	3.60	2.00	4.00	3.60	2.00	4.00	4.30	3.60	4.00	2.00	2.00	4.00	2.00	1.40	4.00	3.60	1.50	4.00	3.60	3.60	1.00	D = 1.6, H = 2			D = 1.0, H = 2			D = 1.0, H = 2		
V = 11.56m ³			V = 11.56m ³			V = 28.80m ³			V = 28.80m ³			V = 61.92m ³			V = 16.00m ³			V = 11.20m ³			V = 21.60m ³			V = 12.96m ³			V = 4 m ³			V = 1.56 m ³			V = 1.56 m ³		



CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR:
CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP
(VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ - ADDRESS:
Ấp An Mỹ, Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR:
HSIEH FA KUANG

ĐIỀU CHỈNH - DESCRIPTION OF REVISION:

No	Date	Reviewed

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR:

THIẾT KẾ SƠ BỘ - PRELIMINARY: ☒

TRÌNH DUYỆT-APPROVAL: ☒

THI CÔNG - CONSTRUCTION: ☒

HOÀN CÔNG - AS-BUILT: ☒

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT
VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



ĐP, KDC CHÁNH NGHĨA - TP THỦ DẦU MỘT-TỈNH BÌNH DƯƠNG
Tel: 0650-3811954 Fax: 0650-3822334
Email: v.kinh@bdt.vn website: moitruongbinhduong.com.v

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR:

KS. NGUYỄN MINH VŨ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - TECHNICAL MANAGER:

ThS. NGUYỄN DUY HẬU

THIẾT KẾ - DESIGNER BY:

ThS. NGUYỄN DUY HẬU

VẼ - DRAWED BY:

KS. NGUYỄN QUANG TRUNG

KIỂM TRA - CHECKED BY:

KS. NGUYỄN MINH VŨ

CÔNG TRÌNH - PROJECT:

CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP
(VIỆT NAM)

HẠNG MỤC - ITEM:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 60M³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME:

BỐ TRÍ MẶT BẰNG

TỶ LỆ - SCALE

1/60 A3

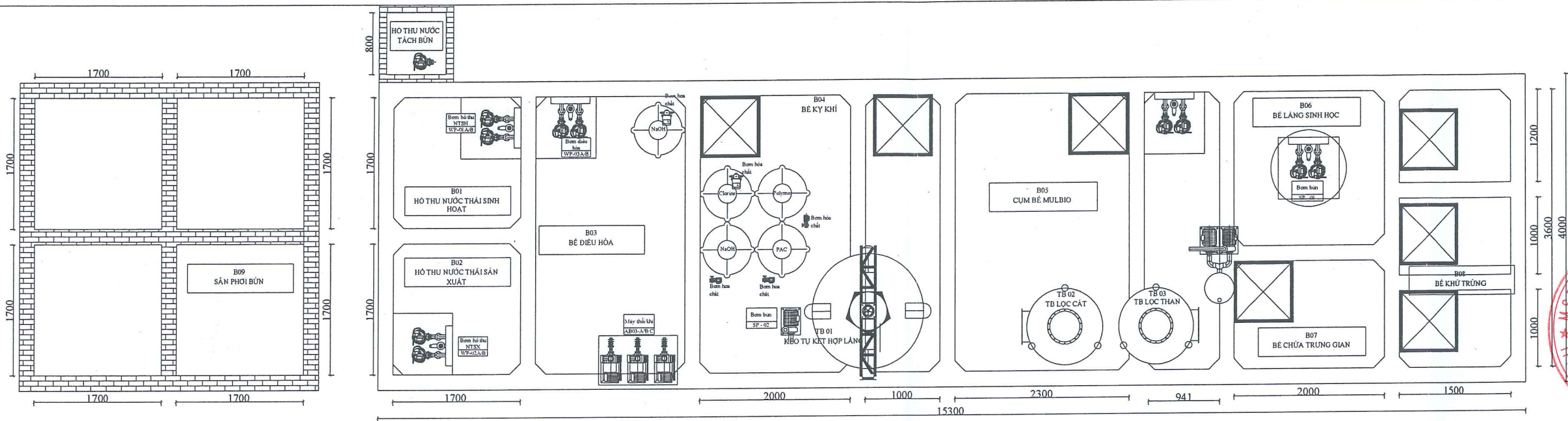
SỐ BẢN VẼ - DRAWING No

03/NT/FRAMA

NGÀY HOÀN THÀNH - DATE

--/05/2017

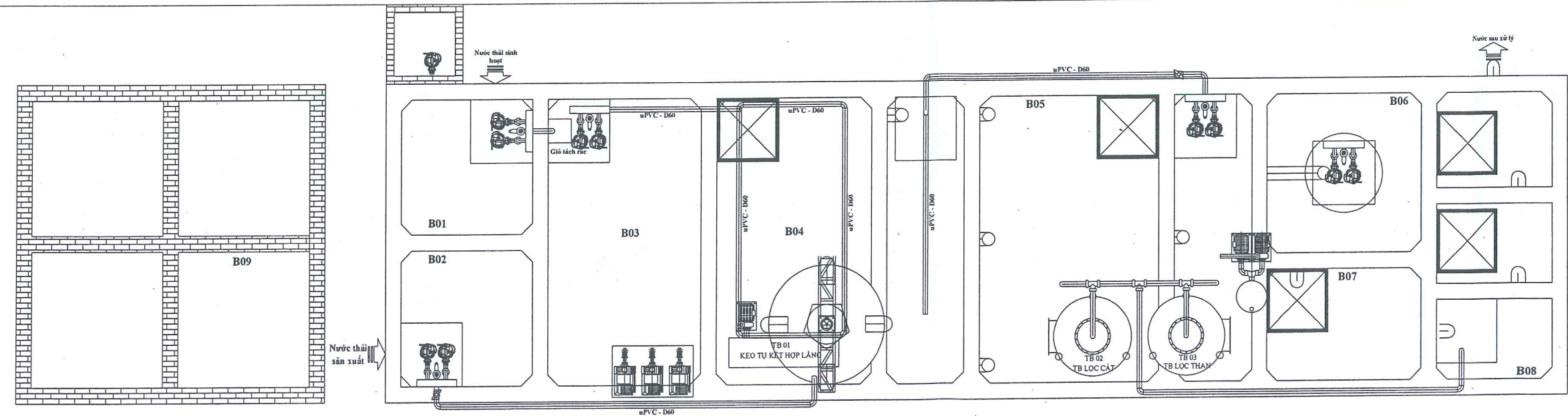
MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ - CÔNG NGHỆ
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)
CÔNG SUẤT 60M³/NGÀY.ĐÊM



CHÚ THÍCH:

B01 HỒ THU NƯỚC THẢI SINH HOẠT			B02 HỒ THU NƯỚC THẢI SẢN XUẤT			B03 BỂ ĐIỀU HÒA			B04 BỂ KỸ KHÍ			B05 CỤM BỂ MÚLBIO			B06 BỂ LĂNG SINH HỌC			B07 BỂ CHỨA TRUNG GIAN			B08 BỂ KHỬ TRÙNG			B09 SẢN PHOI BÙN			TB01 THIẾT BỊ KÉP TỰ + LĂNG	TB02 THIẾT BỊ LỌC CÁT	TB03 THIẾT BỊ LỌC THAN			
1.70	1.70	4.00	1.70	1.70	4.00	3.60	2.00	4.00	3.60	2.00	4.00	4.30	3.60	4.00	2.00	2.00	4.00	2.00	1.40	4.00	3.60	1.50	4.00	3.60	3.60	1.00	D = 1.6, H = 2	D = 1.0, H = 2	D = 1.0, H = 2			
V = 11.56m ³			V = 11.56m ³			V = 28.80m ³			V = 28.80m ³			V = 61.92m ³			V = 16.00m ³			V = 11.20m ³			V = 21.60m ³			V = 12.96m ³			V = 4 m ³			V = 1.56 m ³		

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC THẢI
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)



CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR:
CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP
(VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ - ADDRESS:
Ấp An Mỹ, Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR:
BIEU FA KUANG

ĐIỀU CHỈNH - DESCRIPTION OF REVISION:

No	Date	Reviewed

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR:

THIẾT KẾ SƠ BỘ - PRELIMINARY:	☐
TRÌNH DUYỆT-APPROVAL:	☐
THI CÔNG - CONSTRUCTION:	☐
HOÀN CÔNG - AS-BUILT:	☐

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT
VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



ĐP, KDC CHÁNH NGHĨA - TP THỦ DẦU MỘT-TỈNH BÌNH DƯƠNG
Tel: 0650-3811954 Fax: 0650-3822334
Email: tvktmbd@vnn.vn website: moitruongbinhduong.com.v

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR:

KS. NGUYỄN MINH VŨ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - TECHNICAL MANAGER:

ThS. NGUYỄN DUY HẬU

THIẾT KẾ - DESIGNER BY:

ThS. NGUYỄN DUY HẬU

VẼ - DRAWED BY:

KS. NGUYỄN QUANG TRUNG

KIỂM TRA - CHECKED BY:

KS. NGUYỄN MINH VŨ

CÔNG TRÌNH - PROJECT:

CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP
(VIỆT NAM)

HẠNG MỤC - ITEM:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 60M³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢNG VẼ - DRAWING NAME:

TỶ LỆ - SCALE

1/60

A3

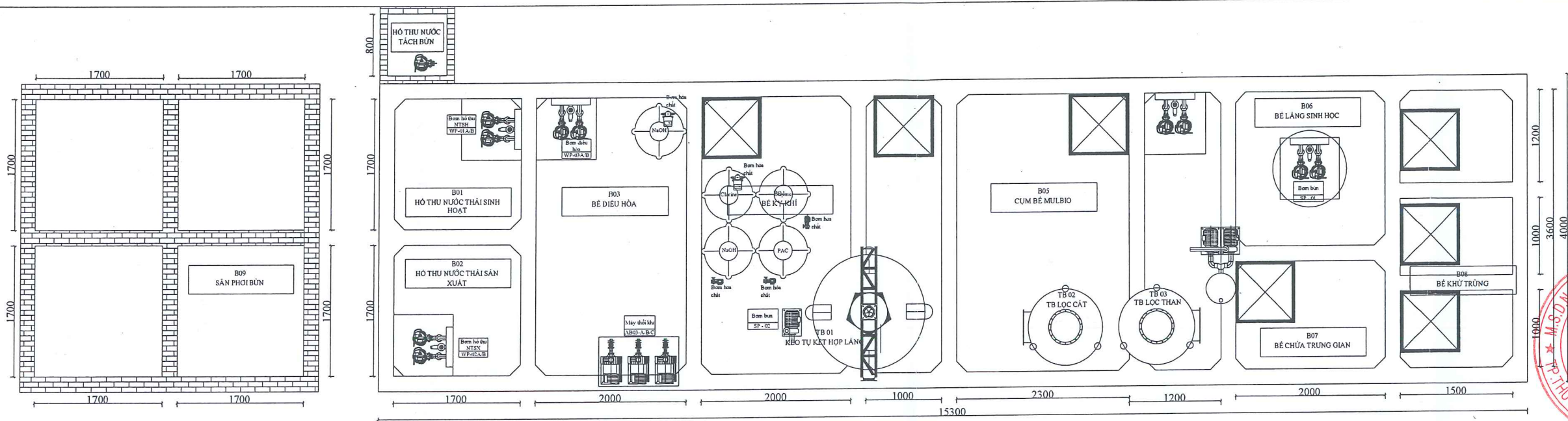
SỐ BẢNG VẼ - DRAWING No

04/NT/FRAMA

NGÀY HOÀN THÀNH - DATE

--/05/2017

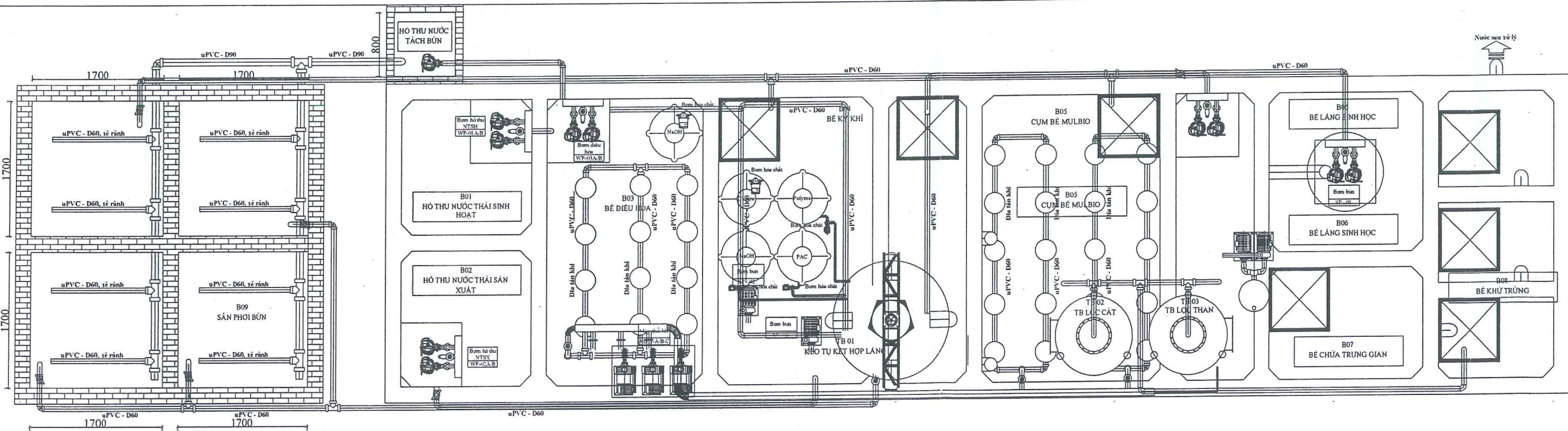
MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ - CÔNG NGHỆ
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)
CÔNG SUẤT 60M³/NGÀY.ĐÊM



CHÚ THÍCH:

B01 HỒ THU NƯỚC THẢI SINH HOẠT			B02 HỒ THU NƯỚC THẢI SẢN XUẤT			B03 BỂ ĐIỀU HÒA			B04 BỂ KỶ KHÍ			B05 CỤM BỂ MULBIO			B06 BỂ LẮNG SINH HỌC			B07 BỂ CHỨA TRUNG GIAN			B08 BỂ KHỬ TRÙNG			B09 SÂN PHỐI BÚN			TB01 THIẾT BỊ KÉP TỰ + LẮNG		TB02 THIẾT BỊ LỌC CÁT		TB03 THIẾT BỊ LỌC THAN	
1.70	1.70	4.00	1.70	1.70	4.00	3.60	2.00	4.00	3.60	2.00	4.00	4.30	3.60	4.00	2.00	2.00	4.00	2.00	1.40	4.00	3.50	1.50	4.00	3.60	3.60	1.00	D = 1.6, H = 2		D = 1.0, H = 2		D = 1.0, H = 2	
V = 11.56m ³			V = 11.56m ³			V = 28.80m ³			V = 28.80m ³			V = 61.92m ³			V = 16.00m ³			V = 11.20m ³			V = 21.60m ³			V = 12.96m ³			V = 4 m ³		V = 1.56 m ³		V = 1.56 m ³	

MẶT BẰNG TỔNG THỂ CÔNG NGHỆ
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP (VIỆT NAM)



CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR:
CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP
(VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ - ADDRESS:
Ấp An Mỹ, Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình
Dương

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR:
HSTIEH FA KUANG

ĐIỀU CHỈNH - DESCRIPTION OF REVISION:

No	Date	Reviewed

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR:

THIẾT KẾ SƠ BỘ - PRELIMINARY:	☒
TRÌNH DUYỆT-APPROVAL:	☒
THI CÔNG - CONSTRUCTION:	☒
HOÀN CÔNG - AS-BUILT:	☒

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT
VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



ĐỊA, KẾ CHẾ NHÃNG - TP THỦ DẦU MỘT - TỈNH
BÌNH DƯƠNG
Tel: 0650-3811954 Fax: 0650-3822334
Email: tvkmbd@vnn.vn website: moitruongbinhdương.com.v

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR:

KS. NGUYỄN MINH VŨ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - TECHNICAL MANAGER:

ThS. NGUYỄN DUY HẬU

THIẾT KẾ - DESIGNER BY:

ThS. NGUYỄN DUY HẬU

VẼ - DRAWED BY:

KS. NGUYỄN QUANG TRUNG

KIỂM TRA - CHECKED BY:

KS. NGUYỄN MINH VŨ

CÔNG TRÌNH - PROJECT:

CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP
(VIỆT NAM)

HẠNG MỤC - ITEM:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 60M³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢNG VẼ - DRAWING NAME:

TỶ LỆ - SCALE

1/60

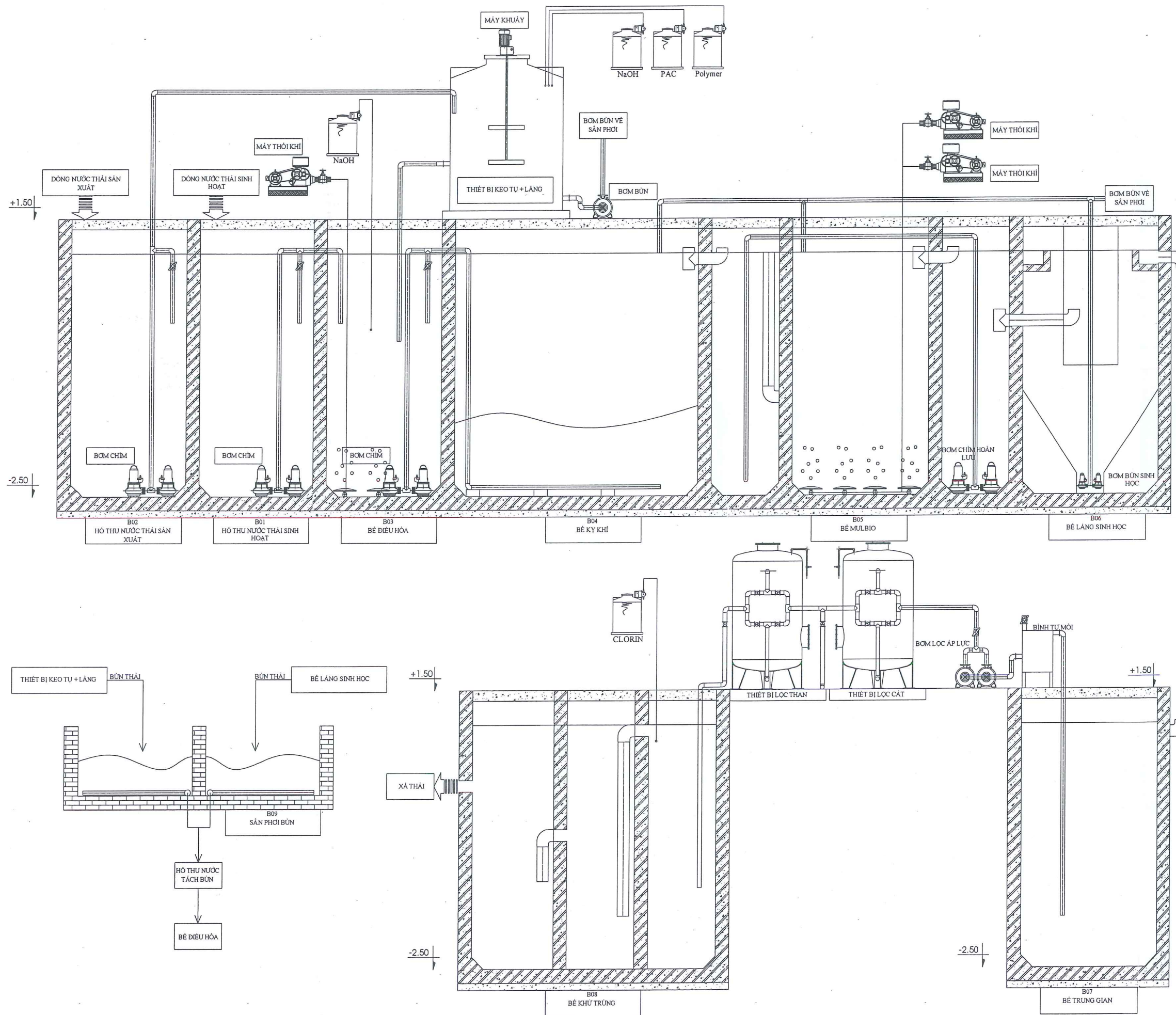
A3

SỐ BẢNG VẼ - DRAWING No

08/NT/FRAMA

NGÀY HOÀN THÀNH - DATE

--/05/2017



CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR:
CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP
(VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ - ADDRESS:
Ấp An Mỹ, Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh
Bình Dương

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR:
HSIEH FA KUANG

ĐIỀU CHỈNH - DESCRIPTION OF REVISION:

No	Date	Reviewed

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR:

THIẾT KẾ SƠ BỘ - PRELIMINARY:	☐
TRÌNH DUYỆT - APPROVAL:	☐
THI CÔNG - CONSTRUCTION:	☐
HOÀN CÔNG - AS-BUILT:	☒

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT
VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

BTC
ENVIRONMENTAL COMPANY
SINCE 2004
Đ. KDC CHÁNH NGHĨA - TP THỦ DẦU MỘT - TỈNH
BÌNH DƯƠNG
Tel: 0650-3811934 Fax: 0650-3822334
Email: tvktmbd@vnn.vn website: moitruongbinhduong.com.vn

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR:
KS. NGUYỄN MINH VŨ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - TECHNICAL MANAGER:
ThS. NGUYỄN DUY HẬU

THIẾT KẾ - DESIGNER BY:
ThS. NGUYỄN DUY HẬU

VẼ - DRAWED BY:
KS. NGUYỄN QUANG TRUNG

KIỂM TRA - CHECKED BY:
KS. NGUYỄN MINH VŨ

CÔNG TRÌNH - PROJECT:

CÔNG TY TNHH FRAMA GROUP
(VIỆT NAM)

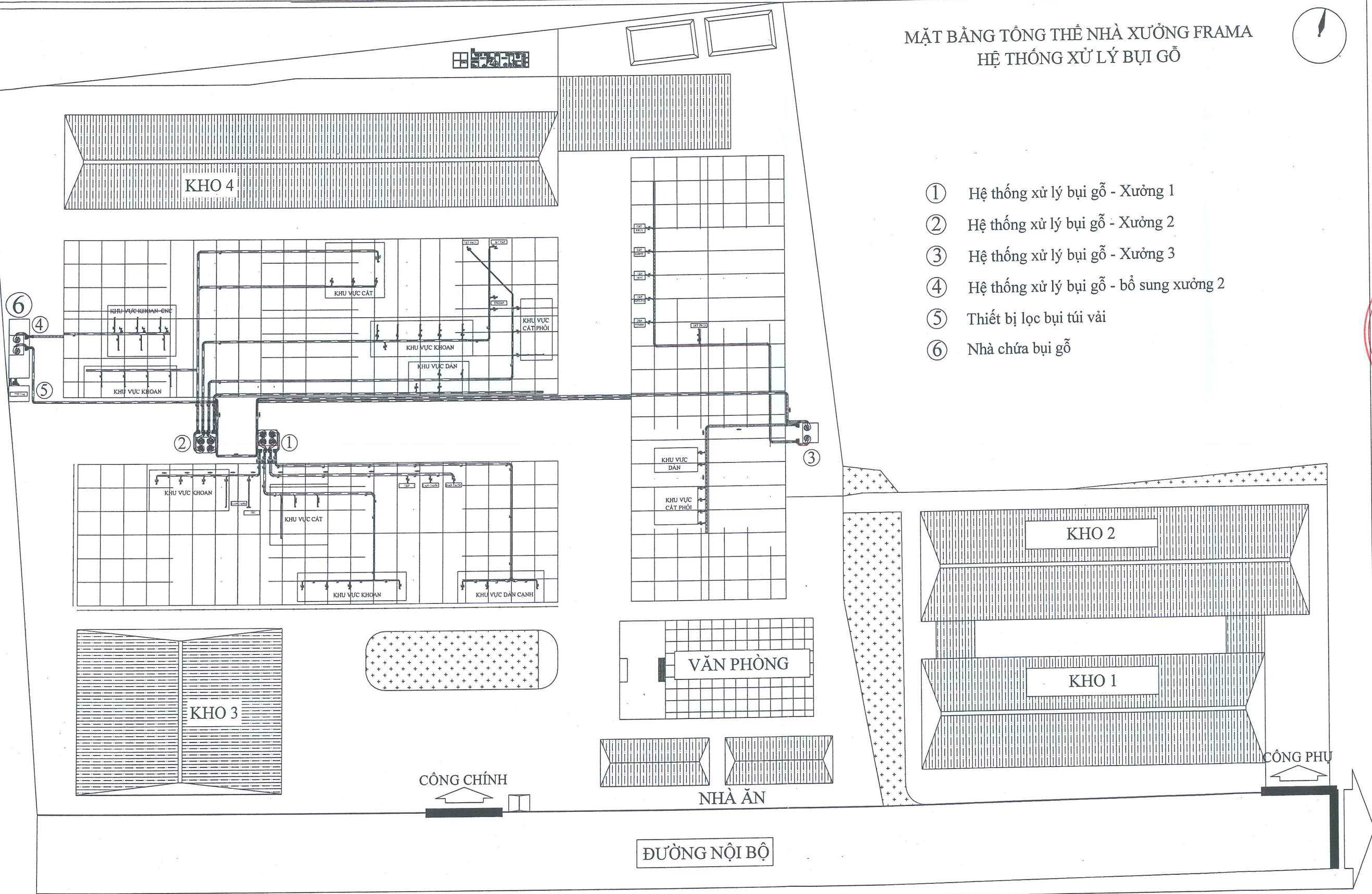
HẠNG MỤC - ITEM:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 60M³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢNG VẼ - DRAWING NAME:

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

TỶ LỆ - SCALE	1/60	A3
SỐ BẢNG VẼ - DRAWING No	02/NT/FRAMA	
NGÀY HOÀN THÀNH - DATE	--/05/2017	

MẶT BẰNG TỔNG THỂ NHÀ XƯỞNG FRAMA
HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI GỖ



- ① Hệ thống xử lý bụi gỗ - Xưởng 1
② Hệ thống xử lý bụi gỗ - Xưởng 2
③ Hệ thống xử lý bụi gỗ - Xưởng 3
④ Hệ thống xử lý bụi gỗ - bổ sung xưởng 2
⑤ Thiết bị lọc bụi túi vải
⑥ Nhà chứa bụi gỗ

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR:
CÔNG TY TNHH FRAMA GROU
(VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ - ADDRESS:

CÔNG TY
TNHH
FRAMA GROUP
(VIỆT NAM)

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR:

ĐIỀU CHỈNH - DESCRIPTION OF REVISION:

Date

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR:

THIẾT KẾ SƠ BỘ - PRELIMINARY:

TRÌNH DUYỆT - APPROVAL:

THI CÔNG - CONSTRUCTION:

HOÀN CÔNG - AS-BUILT: